



ĐẦU TƯ
VÀ NGUỒN VỐN



DỊCH VỤ
NGÂN HÀNG ĐẦU TƯ



PHÂN TÍCH
& TƯ VẤN ĐẦU TƯ



QUẢN LÝ QUỸ



DỊCH VỤ
CHỨNG KHOÁN

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2009

CÔNG TY CỔ PHẦN
CHỨNG KHOÁN SÀI GÒN (SSI)



1

■ MỤC LỤC

- 6 TẦM NHÌN - SỨ MỆNH
- 8 THÔNG điệp CỦA CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
- 12 CÁC MỐC PHÁT TRIỂN LỊCH SỬ
- 16 MÔI TRƯỜNG KINH DOANH VÀ TRIỂN VỌNG
- 22 MỘT SỐ CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH
- 26 DỊCH VỤ CHỨNG KHOÁN
- 30 DỊCH VỤ NGÂN HÀNG ĐẦU TƯ
- 34 QUẢN LÝ QUỸ

- 38 PHÂN TÍCH & TƯ VẤN ĐẦU TƯ
- 40 ĐẦU TƯ VÀ NGUỒN VỐN
- 42 QUẢN LÝ RỦI RO
- 44 TRÁCH NHIỆM CỘNG ĐỒNG
- 48 BÁO CÁO TÀI CHÍNH
- 90 CƠ CẤU TỔ CHỨC NHÂN SỰ
- 96 MẠNG LƯỚI HOẠT ĐỘNG
- 98 THÔNG TIN KHÁC

2

■ BẮT ĐẦU

**SSI ĐƯỢC THÀNH LẬP VỚI
VỐN ĐIỀU LỆ BAN ĐẦU
6 TỶ ĐỒNG, CUNG CẤP HAI
NGHIỆP VỤ CHÍNH DỊCH VỤ
CHỨNG KHOÁN VÀ TƯ VẤN
ĐẦU TƯ**

3

■ HƯỚNG ĐẾN

**TRỞ THÀNH TỔ CHỨC TÀI CHÍNH
HÀNG ĐẦU THỰC HIỆN SỨ MỆNH
KẾT NỐI VỐN VÀ CƠ HỘI ĐẦU TƯ**



TẦM NHÌN: CHÚNG TA CÙNG THÀNH CÔNG

SSI HOẠT ĐỘNG DỰA TRÊN TẦM NHÌN “CHÚNG TA CÙNG THÀNH CÔNG”.

ĐIỀU CỐT LÕI Ở CÁC SẢN PHẨM VÀ DỊCH VỤ CỦA SSI LÀ NỖ LỰC ĐEM LẠI THÀNH CÔNG CHO KHÁCH HÀNG, CỘNG SỰ VÀ CÁC ĐỐI TÁC.

THÀNH CÔNG CỦA SSI CHÍNH LÀ ĐƯỢC TẬN TÂM, TẬN LỰC MANG ĐẾN HIỆU QUẢ TỐI ƯU CHO KHÁCH HÀNG, CỘNG SỰ, CỔ ĐÔNG VÀ CỘNG ĐỒNG.



SỨ MỆNH: KẾT NỐI VỐN VÀ CƠ HỘI ĐẦU TƯ

SSI ĐƯỢC THÀNH LẬP VỚI MỤC ĐÍCH GẮN KẾT CƠ HỘI ĐẦU TƯ VỚI CÁC NGUỒN LỰC TÀI CHÍNH.

SỨ MỆNH NÀY LUÔN ĐỊNH HƯỚNG TẤT CẢ SẢN PHẨM VÀ DỊCH VỤ CỦA SSI TẠI THỜI ĐIỂM HIỆN THỜI CŨNG NHƯ TRONG TƯƠNG LAI.

2009 LÀ NĂM THÀNH CÔNG NHIỀU LĨNH VỰC VỚI CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SÀI GÒN (SSI) TRONG THỜI ĐIỂM KINH TẾ VIỆT NAM LẤY LẠI THĂNG BẰNG SAU CHẤN ĐỘNG KHỦNG HOẢNG VÀ SUY THOÁI KINH TẾ TOÀN CẦU. NỔI BẬT NHẤT VỀ CHIẾN LƯỢC, SSI ĐÃ XÂY DỰNG ĐƯỢC CƠ SỞ VỮNG CHẮC ĐỂ PHÁT TRIỂN TRONG THỜI KỲ HẬU KHỦNG HOẢNG. VỀ TÀI CHÍNH, SSI ĐÃ ĐẠT ĐƯỢC NHỮNG KẾT QUẢ ĐÁNG KHÍCH LỆ.



Kính thưa Quý cổ đông,

2009 là năm thành công nhiều lĩnh vực với Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn (SSI) trong thời điểm kinh tế Việt Nam lấy lại thăng bằng sau chấn động khủng hoảng và suy thoái kinh tế toàn cầu. Nổi bật nhất về chiến lược, SSI đã xây dựng được cơ sở vững chắc để phát triển trong thời kỳ hậu khủng hoảng. Về tài chính, SSI đã đạt được những kết quả đáng khích lệ.

NHÌN LẠI 2009

Kinh tế Việt Nam phụ thuộc nhiều vào đầu tư và xuất khẩu, khủng hoảng tài chính và suy thoái kinh tế toàn cầu đã làm chậm lại tốc độ tăng trưởng và đã có ảnh hưởng rõ ràng trong Quý I năm 2009, khi GDP chỉ tăng 3.1% so với cùng kỳ, thấp hơn mức tăng trưởng trung bình của Quý I trong vài năm gần đây khoảng 4%. Gói kích thích kinh tế và các động thái nới lỏng chính sách tiền tệ đã chặn đà suy giảm và bước đầu hồi phục tại Việt Nam. Sự phục hồi được đánh dấu bởi việc tăng tổng cầu, giảm các khó khăn về tài chính đối với doanh nghiệp, ảnh hưởng tích cực của chu kỳ tồn kho tới hoạt động sản xuất cũng như doanh số bán lẻ khá ổn định. GDP cả năm 2009 tăng 5.3%, đưa Việt Nam trở thành một trong những nền kinh tế tăng trưởng nhanh nhất Đông Nam Á. Khi nền kinh tế có dấu hiệu hồi phục, thị trường cổ phiếu cũng tăng mạnh từ mức đáy 235 điểm vào tháng 2, tuy nhiên đợt tăng điểm này cũng đi kèm với sự trở sụt mạnh, và kết thúc năm ở mức 494,7, tương đương với mức tăng trưởng ấn tượng 58% cho năm 2009.

Kết quả kinh doanh tăng trưởng ấn tượng

Trên bối cảnh nền kinh tế chung, kết quả kinh doanh 2009 của SSI đã thể hiện tiềm lực mạnh mẽ của công ty trên thị trường. Doanh thu 2009 tăng trên 6% so với mức giảm 9% năm 2008. Lợi nhuận sau thuế tăng 221% so với mức giảm 70% năm 2008.

Năm 2009 ghi nhận mức doanh thu vượt bậc của Dịch vụ Ngân hàng đầu tư và là năm đầu tiên được Finance Asia bình chọn là Nhà tư vấn tốt nhất 2009 cho các dịch vụ xuất sắc và sản phẩm sáng tạo. Doanh thu Dịch vụ Ngân hàng đầu tư tăng trên 200% đạt 59,3 tỉ đồng năm 2009 và vượt kế hoạch đề ra là 12 tỉ đồng. Kết quả vượt bậc này thể hiện điều kiện thị trường thuận lợi sau Quý I năm 2009 và sự thành công của SSI trong việc đưa ra các sản phẩm và dịch vụ mới. Trong năm 2009, SSI đã thực hiện thành công 2 giao dịch trái phiếu chuyển đổi Hoàng Anh Gia Lai và Hòa Phát với tổng số vốn huy động được tương đương là 1.120 và 1.145 tỉ đồng. SSI cũng rất thành công trong dịch vụ tư vấn mua bán & sáp nhập (M&A) với các giao dịch lớn như sáp nhập Thép Pomina với Thép Việt và Công ty Cổ phần Bao Bi Hải Phòng thu tóm Công ty Cổ phần Bao Bi Nhơn Trạch.

Năm 2009 doanh thu nghiệp vụ Quản lý quỹ tăng gấp đôi so với 2008 đạt 88 tỉ đồng. Quỹ đầu tư Tầm nhìn SSI (SSIVF) vẫn là quỹ nội địa lớn nhất thị trường do công ty TNHH Quản lý quỹ SSI (SSIAM) quản lý. SSIAM là công ty duy nhất huy động được quỹ nước ngoài đầu tư vào thị trường Việt Nam trong năm 2009 và có giấy phép đầu tư ra nước ngoài để năm 2010 huy động Quỹ trong nước đầu tiên của Việt Nam đầu tư ra nước ngoài.

Đầu tư và nguồn vốn vẫn là nghiệp vụ quan trọng trong chiến lược kinh doanh của SSI và đồng đầu tư là một phần của chiến lược kinh doanh. Danh mục đầu tư của SSI được phân bổ hợp lý giữa các công cụ thị trường tiền tệ, trái phiếu, trái phiếu chuyển đổi, cổ phiếu doanh nghiệp tư nhân, cổ phiếu OTC và cổ phiếu niêm yết. Mặc dù thu nhập đầu tư theo từng quý có thể biến động theo sự thay đổi của thị trường chứng khoán, nghiệp vụ Đầu tư của SSI luôn đạt kết quả rất khả quan, mang lại lợi nhuận lớn cho các nhà đầu tư và cổ đông trong dài hạn.

Mặc dù SSI đã mất vị trí số một về thị phần môi giới chứng khoán trên sàn HOSE do cạnh tranh gay gắt giữa các công ty chứng khoán trong nước và chính sách thận trọng của SSI đối với việc cung cấp dịch vụ đòn bẩy tài chính, Dịch vụ Chứng khoán SSI vẫn đứng đầu thị trường về doanh thu, vẫn luôn là địa chỉ tin cậy của nhà đầu tư trong và ngoài nước với mạng lưới chi nhánh/ phòng giao dịch lớn nhất tại Việt Nam, vinh dự được Finance Asia hai năm liên tiếp bình chọn là Nhà môi giới tốt nhất 2008, 2009.

Trong 2009, Khối Phân tích & Tư vấn đầu tư triển khai nhiều sản phẩm nghiên cứu, phân tích, và tổ chức nhiều buổi hội thảo chuyên sâu cho nhiều đối tượng nhà đầu tư, khách hàng của SSI. Trong điều kiện nền kinh tế thế giới chịu khủng hoảng, các tổ chức đầu tư quốc tế tỏ thái độ e dè với những nền kinh tế mới nổi, hội thảo Gateway to Vietnam do SSI và Euromoney đồng tổ chức gây tiếng vang lớn thu hút hàng trăm nhà đầu tư trong nước và nước ngoài tham dự, đã giới thiệu một cách thuyết phục các cơ hội đầu tư tiềm năng tại Việt Nam.

Trong bối cảnh thị trường cạnh tranh quyết liệt, SSI vẫn trung thành với phong cách kinh doanh: chuyên nghiệp, trung thực, minh bạch, an toàn và hiệu quả. Các chỉ số tài chính đều tăng trưởng cao hơn so với dự kiến, cùng với các chỉ tiêu doanh thu, lợi nhuận, bảng cân đối tài sản ghi nhận gia tăng tổng tài sản và vốn chủ sở hữu, lợi nhuận cơ bản trên cổ phiếu tăng 187%. Hoạt động kiểm toán, kiểm soát nội bộ và quản trị rủi ro được thực hiện nghiêm túc chặt chẽ trên toàn bộ hệ thống.

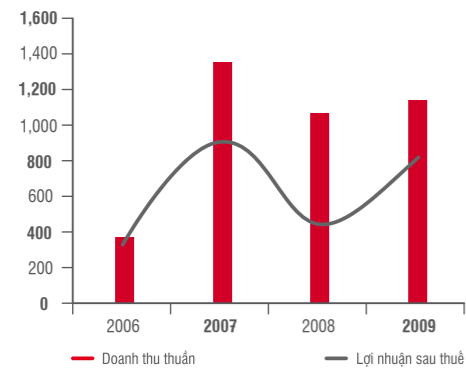
Tiền đề cho giai đoạn mới

2009 là năm SSI kỷ niệm 9 năm hoạt động và đánh dấu giai đoạn phát triển mới với Tầm nhìn và diện mạo mới. Khi mô hình ngân hàng đầu tư trên thế giới đang bị đặt nhiều dấu hỏi về tính bền vững, SSI đã chọn cho mình hướng đi trong dài hạn trở thành tổ chức tài chính hàng đầu làm chức năng kết nối vốn và cơ hội đầu tư.

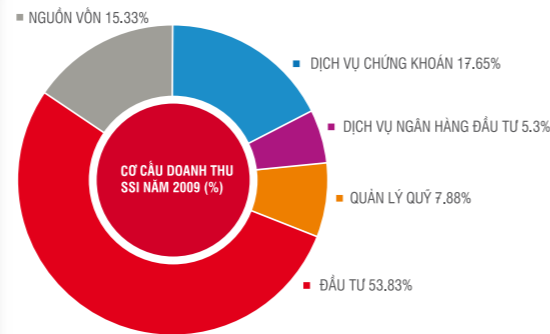
SSI nhận thức khủng hoảng chính là thời điểm thích hợp nhất để nhìn thấy rõ những yếu điểm để kịp thời thay đổi và hoàn thiện, hướng tới một thời kỳ phát triển mới. SSI dành năm 2009 để thực hiện cải tổ nhân sự, bộ máy, tuyển dụng nhiều nhân sự tài năng, thích nghi và sẵn sàng cống hiến, mở rộng mạng lưới, phát triển nhiều dịch vụ chăm sóc khách hàng và đầu tư cho công nghệ.

SSI luôn đặt hiệu quả kinh doanh là mục tiêu số một. Sự kiện lần đầu tiên thị phần môi giới chứng khoán SSI mất vị trí số một đã trở thành động lực lớn để toàn thể nhân viên SSI nỗ lực làm tốt hơn nữa trong năm 2010.

TĂNG TRƯỞNG DOANH THU VÀ LỢI NHUẬN SSI QUA CÁC NĂM



CƠ CẤU DOANH THU SSI NĂM 2009 (%)



NĂM 2010

Khả lạc quan về tiềm năng tăng trưởng trong dài hạn của Việt Nam, SSI vẫn thận trọng về tình hình kinh tế thời kỳ hậu khủng hoảng trong năm 2010, sự phụ thuộc vào các chính sách kinh tế vĩ mô và nguy cơ lạm phát cao trở lại đặt nền kinh tế Việt Nam phải có những bước đi thận trọng hơn trong việc tăng trưởng. Nhu cầu nâng cao hiệu quả đầu tư trở nên cấp thiết hơn bao giờ hết đối với những nhà điều hành nền kinh tế.

Với SSI, 2010 sẽ là một năm cải tổ mạnh mẽ để đạt được các mục tiêu ngắn hạn và dài hạn. Ngắn hạn, SSI sẽ thực hiện nhiều biện pháp đồng bộ để giữ vững vị trí hàng đầu trên tất cả các mảng nghiệp vụ, mang đến cho khách hàng những sản phẩm, dịch vụ và giải pháp phù hợp nhất với tình hình thị trường, đồng thời kết hợp với những hoạt động đầu tư có chiều sâu vào nhân lực và hệ thống. Dài hạn, SSI đặt mục tiêu tiếp tục phát triển các thế mạnh cốt lõi của mình với tư cách là nhà tư vấn, nhà môi giới, nhà tạo lập thị trường, nhà quản lý tài sản và tổ chức đồng đầu tư với cơ cấu doanh thu cân đối giữa các nghiệp vụ phục vụ khách hàng bao gồm dịch vụ môi giới chứng khoán, dịch vụ ngân hàng đầu tư và quản lý quỹ với doanh thu từ đầu tư tự doanh. Sự kết hợp của mô hình và chiến lược này chính là sức mạnh đã và đang làm nên thương hiệu SSI.

Năm 2010, SSI sẽ nâng tỷ trọng doanh thu ở các mảng dịch vụ như dịch vụ Môi giới, dịch vụ Ngân hàng đầu tư, Quản lý quỹ trong tổng doanh thu của toàn Công ty. Với tiềm năng tài chính của mình, SSI sẽ tiếp tục đầu tư và đồng hành cùng các doanh nghiệp mà SSI là cổ đông chiến lược để tăng giá trị tài sản của SSI tại các doanh nghiệp này. Đây cũng là hướng đi chiến lược của SSI trong giai đoạn phát triển.

Cùng với sứ mệnh “Kết nối vốn và cơ hội đầu tư” và tầm nhìn “Chúng ta cùng thành công”, SSI tiếp tục nỗ lực vượt qua khó khăn thách thức, mang đến thành công cho cổ đông, khách hàng, đối tác, cộng sự, cán bộ nhân viên SSI và cộng đồng nơi SSI hoạt động.

Chúng tôi xin được gửi lời trân trọng cảm ơn tới quý cổ đông, khách hàng, đối tác đã nhiệt tình ủng hộ SSI trong suốt năm qua. Chúng tôi cũng ghi nhận và trân trọng sự đoàn kết, gắn bó, nỗ lực hết mình của tập thể nhân viên SSI, những người nếu không có họ sẽ không làm nên tinh thần SSI ngày hôm nay.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 03 năm 2010

Nguyễn Duy Hưng



- 2010** — **03/03/2010:** Vốn điều lệ đạt 1.755.558.710.000 đồng
29/03/2010(*): Hoàn tất thủ tục tăng vốn lên 3.541.117.420.000 đồng
- 2009** — **30/01/2009:** Vốn điều lệ đạt 1.533.334.710.000 đồng
- 2008** — **03/03/2008:** Vốn điều lệ đạt 1.199.998.710.000 đồng
16/04/2008: Vốn điều lệ đạt 1.366.666.710.000 đồng
- 2007** — **07/2007:** Vốn điều lệ tăng lên 799.999.170.000 đồng
03/08/2007: Thành lập Công ty quản lý Quỹ SSI do SSI đầu tư 100% vốn.
09/2007: SSI phát hành thêm 555.600 trái phiếu chuyển đổi (55,560 tỷ đồng mệnh giá) cho cổ đông chiến lược là Ngân hàng ANZ
29/10/2007: Cổ phiếu SSI chuyển sang niêm yết tại Sở giao dịch TP HCM
- 2006** — **02/2006:** Vốn điều lệ đạt 120 tỷ đồng.
05/2006: Vốn điều lệ đạt 300 tỷ đồng. SSI trở thành công ty chứng khoán có mức vốn hóa lớn nhất thị trường tại thời điểm đó.
09/2006: Vốn điều lệ đạt 500 tỷ đồng.
10/2006: Hoàn thành đợt phát hành 500 tỷ đồng mệnh giá trái phiếu chuyển đổi.
15/12/2006: Cổ phiếu SSI niêm yết trên Trung tâm giao dịch chứng khoán Hà Nội.
- 2005** — **02/2005:** Vốn điều lệ đạt 26 tỷ đồng và mở rộng hoạt động với 5 mảng nghiệp vụ: Tư vấn đầu tư, dịch vụ chứng khoán, tự doanh, lưu ký chứng khoán và quản lý danh mục đầu tư.
06/2005: Vốn điều lệ đạt 52 tỷ đồng và được cấp phép cung cấp dịch vụ bảo lãnh phát hành.
- 2004** — **04/2004:** Tăng vốn lên 23 tỷ đồng.
- 2002** — **09/07/2002:** Thành lập văn phòng tại Hà Nội, mở rộng mạng lưới ra các tỉnh phía Bắc.
- 2001** — **02/2001:** Vốn điều lệ tăng lên 9 tỷ đồng.
07/2001: Vốn điều lệ tăng lên 20 tỷ đồng và cung cấp 4 nghiệp vụ chính là tư vấn đầu tư, dịch vụ chứng khoán, tự doanh và lưu ký chứng khoán.
- 1999** — **30/12/1999:** SSI được thành lập với vốn điều lệ ban đầu là 6 tỷ đồng, trụ sở chính đặt tại TP HCM, với 2 nghiệp vụ chính là Dịch vụ chứng khoán và Tư vấn đầu tư.

* Do chia cổ phiếu thường theo tỷ lệ 1:1 theo danh sách cổ đông hưởng quyền đã chốt ngày 29/03/2010

2009



9 NĂM HOẠT ĐỘNG, SSI LUÔN KHẲNG ĐỊNH ĐƯỢC VỊ THẾ TỔ CHỨC TÀI CHÍNH HÀNG ĐẦU TẠI VIỆT NAM, LÀM CHỨC NĂNG KẾT NỐI VỐN VÀ CƠ HỘI ĐẦU TƯ.
SSI HOÀN THIỆN TÁI CẤU TRÚC ĐỂ TIẾP TỤC PHÁT TRIỂN VỚI TÂM NHÌN, CHIẾN LƯỢC VÀ DIỆN MẠO MỚI.

2006



SSI PHÁT TRIỂN MẠNH MẼ TRONG SỰ ĐI LÊN CỦA THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN, DUY TRÌ TĂNG TRƯỞNG TRONG THỜI KỲ KHỦNG HOẢNG TOÀN CẦU.
SSI TIẾP TỤC HOÀN THIỆN CÁC DỊCH VỤ, MỞ RỘNG MẠNG LƯỚI HOẠT ĐỘNG, TĂNG VỐN VÀ NIỀM YẾT, MỞ RỘNG HỢP TÁC VỚI CÁC TỔ CHỨC NƯỚC NGOÀI.

2003



SSI GIỮ VỮNG NIỀM TIN TRONG GIAI ĐOẠN THỊ TRƯỜNG KHỦNG HOẢNG.
SSI ĐẦU TƯ VÀO CƠ SỞ HẠ TẦNG, THU HÚT NHÂN TÀI, TĂNG VỐN, TÁI CẤU TRÚC CÔNG TY LÀ CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN CỦA SSI TRONG THỜI ĐIỂM KHÓ KHĂN NÀY.

2000



SSI ĐƯỢC THÀNH LẬP CÙNG VỚI SỰ RA ĐỜI CỦA THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN VIỆT NAM.
MỤC ĐÍCH HOẠT ĐỘNG XÂY DỰNG SSI THÀNH ĐỊA CHỈ TIN CẬY CỦA NHÀ ĐẦU TƯ VÀ CÁC TỔ CHỨC PHÁT HÀNH VỚI TÔN CHỈ CHUYÊN NGHIỆP - TRUNG THỰC - BẢO MẬT.

4.

CHÚNG TÔI PHÁT HIỆN NHỮNG CƠ HỘI MỚI TRONG THỊ TRƯỜNG TÀI CHÍNH

VÀ BIẾN NHỮNG CƠ HỘI NÀY THÀNH LỢI NHUẬN TRONG TẦM TAY



“SSI PHÁT TRIỂN MẠNH MẼ TRONG SỰ ĐI LÊN CỦA THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN”

**KINH TẾ
VĨ MÔ**

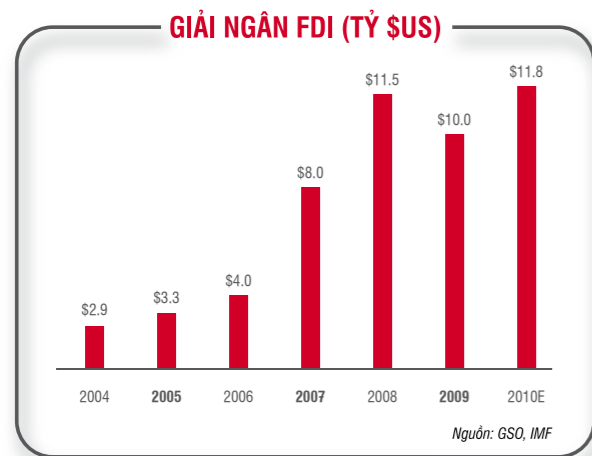
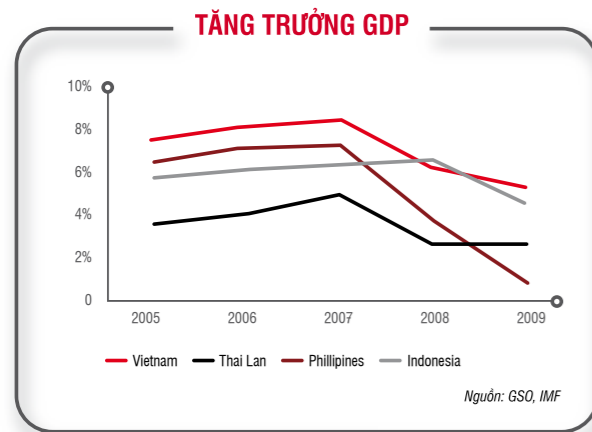
Gói kích cầu trên diện rộng của Chính phủ và tiêu dùng nội địa duy trì mức tốt trong năm 2009 đã giúp cho nền kinh tế Việt Nam phục hồi khỏi thời kỳ suy thoái tồi tệ nhất trong một thập kỷ qua, và trở thành một trong số 12 quốc gia trên thế giới có tăng trưởng GDP dương và là quốc gia có tốc độ tăng trưởng cao nhất trong các nước Đông Nam Á.

Mặc dù khá lạc quan về tiềm năng tăng trưởng trong dài hạn của Việt Nam, chúng tôi vẫn thận trọng về tình hình kinh tế thời kỳ hậu khủng hoảng trong năm 2010. Vấn đề chúng tôi lo ngại nhiều nhất là sự năng động và vững vàng của khu vực kinh tế tư nhân có thể bị hạn chế bởi “hiệu ứng lân át” từ các chính sách kinh tế khuyến khích tăng trưởng có lợi cho khu vực kinh tế nhà nước. Thêm vào đó, việc quay trở lại tiềm năng tăng trưởng tối ưu của kinh tế Việt Nam cũng có thể bị cản trở do những tiến triển chậm chạp của quá trình tái cơ cấu kinh tế khi không có quá trình “hủy diệt sáng tạo”.

Năm 2010, Chính phủ đặt ra các mục tiêu kinh tế chủ chốt với mức tăng trưởng GDP 6,5% và lạm phát dưới 7%. Do những lo ngại nói trên, dự báo của chúng tôi thận trọng hơn định hướng của Chính phủ mặc dù chúng tôi dựa vào những giả định khá lạc quan về hồi phục kinh tế toàn cầu. GDP và thương mại toàn cầu trong năm 2010 được dự báo tăng 4,1% và 5,3% trong dự báo Triển vọng kinh tế thế giới mới nhất của IMF trong tháng 2 là cơ sở để chúng tôi hy vọng vào tăng trưởng khả quan của xuất khẩu và FDI ở mức 12% và 18%. Ngoài khả năng cạnh tranh sẵn có, năm 2010 khu vực xuất khẩu nhận được những hỗ trợ về ưu tiên cung cấp tín dụng với lãi suất hấp dẫn và sự giảm giá của VNĐ.

FDI giải ngân dự báo cũng hồi phục trở lại mức trước khủng hoảng khi thị trường tài trợ vốn cho các dự án FDI đã trở lại điều kiện bình thường. Rõ ràng, lợi thế truyền thống về ổn định chính trị và nguồn lao động có chi phí cạnh tranh trong xu thế VNĐ tiếp tục giảm giá sẽ làm các nhà sản xuất nước ngoài cân nhắc thêm về đầu tư vào Việt Nam so với một số nước trong khu vực với bất ổn chính trị kéo dài.

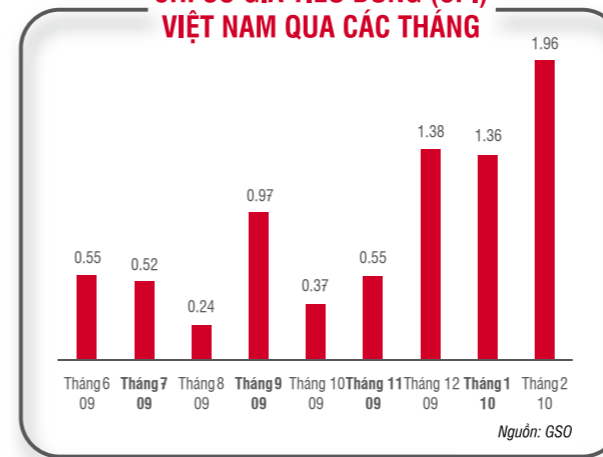
Tăng trưởng tiêu dùng nội địa trong năm 2010 dự kiến sẽ cải thiện nhẹ so với năm 2009 trong điều kiện triển vọng sáng sủa hơn về việc làm, thu nhập đi kèm với kỳ vọng gia tăng một cách thận trọng về chi tiêu do áp lực cao về



lạm phát. Tâm lý trên của người tiêu dùng được bộc lộ một cách rõ ràng qua cuộc khảo sát người tiêu dùng gần đây của TNS Việt Nam cho thấy 60% người được phỏng vấn tự tin vào triển vọng công việc và thu nhập trong năm 2010 trong khi 35% người tiêu dùng được phỏng vấn cho rằng sẽ tăng chi tiêu so với 2009 và 39% người tiêu dùng được phỏng vấn dự định giảm chi tiêu so với 2009. Đó là những tất cả những điều chúng tôi có thể lạc quan trong năm 2010.

Đầu tư tư nhân và chi tiêu công dự kiến chỉ tăng tương đối nhẹ trong năm 2010. Trong khu vực tư nhân nguyên nhân cho dự báo không tăng trưởng đầu tư cao là lãi suất cao hơn và kỳ vọng lợi nhuận trong năm 2010 giảm đáng kể so với mức tăng trưởng đột biến của một số ngành trong năm 2009 khi chi phí đầu vào gia tăng trong điều kiện rút dần các biện pháp kích thích kinh tế. Hai sự kiện lớn có thể tác động đến kinh tế năm 2010 là lễ kỷ niệm 1000 năm Thăng Long và quá trình các ngành và địa phương hướng tới Đại hội Đảng toàn quốc 11 vào đầu năm 2011. Có thể do các sự kiện đó mà tổng chi thường xuyên trong năm 2010 dự chi tăng 24,6% trong khi tổng chi đầu tư công dự kiến chỉ tăng 11,3%. Yếu tố sự kiện có tác động lớn đến cơ cấu chi đầu tư và thường xuyên trong năm 2010 theo hướng tăng trưởng thấp hơn về chi đầu tư. Song lực cản lớn nhất để tăng trưởng đầu tư công và tăng mạnh chi tiêu ngân sách cao là khả năng hạn chế về huy động trái phiếu Chính phủ thể hiện trong thời gian qua.

**CHỈ SỐ GIÁ TIÊU DÙNG (CPI)
VIỆT NAM QUA CÁC THÁNG**



CPI trong tháng 3 tăng 0,75% so với tháng trước và tính bình quân Quý I/2010 tăng 8,51% so với cùng kỳ năm 2009. So với tháng 2, các nhóm hàng hóa, dịch vụ tạo ra mức tăng lớn nhất của CPI vẫn là thực phẩm, ăn uống ngoài gia đình tăng 1,5-1,75%, vật liệu xây dựng tăng 1,38%, giao thông vận tải tăng 0,9% (các nhóm hàng hóa này chiếm khoảng 50% tỷ trọng của rổ hàng hóa tính CPI). So với mức giá cả bình quân cùng kỳ năm trước đây là các nhóm hàng hóa dịch vụ có mức tăng cao nhất, dao động từ 9-18%. Song mức tăng theo tháng của các nhóm hàng hóa tạo ra động lực tăng lớn nhất cho CPI đã giảm so với mức trong tháng 2 khi các nhóm hàng hóa đó tăng từ 1,45% đến 3,46% so với tháng 1.

Đáng chú ý là giá lương thực trong tháng 3 giảm nhẹ so với tháng 2 chủ yếu do giá gạo của thế giới giảm do được mùa tại Ấn Độ, và cũng chính vì vậy trong 1 tháng qua, chính phủ đã thực hiện khuyến khích mua gạo dự trữ để tránh việc giảm giá gạo cho người nông dân.

Yếu tố tăng giá của các nguyên liệu đầu vào cơ bản như giá xăng dầu, than, điện đã phản ánh dẫn vào mức tăng CPI với hiệu ứng vòng 1 lên các hàng hóa trực tiếp có nguyên liệu đầu vào cơ bản bị tăng giá. Với diễn biến của áp lực lạm phát đã giảm song vẫn còn duy trì ở mức cao, có bốn lý do khiến chúng tôi cho rằng áp lực lạm phát có thể sẽ tiếp tục duy trì ở mức độ vừa phải trong 2 tháng tới, đạt đỉnh vào tháng 5 và sẽ đi ngang, tiến đến giảm dần cho đến cuối Quý 3, đầu Quý 4:

- Thứ nhất là, hiệu ứng vòng 2 của lạm phát chi phí đẩy sẽ khiến áp lực lạm phát vẫn duy trì. Song áp lực tăng giá trong 2 tháng tới sẽ không căng như trong Quý 1 khi hiệu ứng vòng 2 của lạm phát chi phí đẩy sẽ thấp hơn hiệu ứng vòng 1.
- Thứ hai là, tăng trưởng tổng cầu được kiềm chế bởi lãi suất tín dụng thực tế cao phổ biến ở mức 14-18% trong 4-5 tháng qua và tăng trưởng tín dụng chững lại đáng kể do chính sách tiền tệ thận trọng của Ngân hàng nhà nước (NHNN) không ủng hộ việc các nhà sản xuất chuyển toàn bộ mức tăng giá đầu vào sang giá bán.
- Thứ ba là, yếu tố tăng giá nguyên liệu cơ bản mạnh trong thời gian tới do kỳ vọng lạc quan vào hồi phục kinh tế thế giới cũng sẽ khó xảy ra khi các chính sách tiền tệ thận trọng theo hướng thắt chặt sẽ sớm được các nước lớn áp dụng nếu kinh tế các nước đó có dấu hiệu hồi phục khả quan. Điển hình là Trung quốc đã điều chỉnh chính sách tiền tệ theo hướng thận trọng và tiếp theo có thể là Mỹ sau khi thị trường lao động Mỹ có chuyển biến rất tích cực trong tháng 3.

• Thứ tư là chính phủ có những biện pháp mạnh để kiềm chế giá cả các hàng hóa cơ bản trong nước như xăng, dầu, điện than, xi măng, sắt thép để đảm bảo mức biên động vừa phải trong thời gian tới. Mục tiêu kiềm chế lạm phát CPI ở mức dưới 7% trong năm theo chúng tôi cũng nên được nhìn nhận một cách linh hoạt và chúng tôi cho rằng đạt được mức lạm phát 1 con số trong năm 2010 cũng sẽ là một kết quả đáng khích lệ trong bối cảnh kinh tế thế giới và trong nước nhiều thách thức và sẽ không có những động thái thắt chặt diện rộng về chính sách tiền tệ khi mà lạm phát được duy trì ở mức đó.

Thị trường tiền tệ, tín dụng và động thái chính sách tiền tệ

Chúng tôi cho rằng trong 4-5 tháng qua, thị trường tín dụng đã thắt chặt mạnh hơn mức mục tiêu của NHNN khi áp dụng các biện pháp kiểm soát tăng trưởng tín dụng. Có thể thấy NHNN đã khá thận trọng khi bơm tiền ra hỗ trợ thanh khoản cho hệ thống ngân hàng trong các thời điểm có tính mùa vụ cao như cuối năm và Tết đồng thời chưa mạnh tay can thiệp để hạ nhiệt mức lãi suất cho vay thực tế cao trong phạm vi từ 14-18% trong 4-5 tháng qua.

Chi nhìn vào việc duy trì lãi suất cơ bản trong 4 tháng qua, các tổ chức xếp hạng tín dụng quốc tế hoặc các nhà tư vấn chính sách từ WB, IMF hay một số ngân hàng đầu tư quốc tế cho rằng NHNN chưa có phản ứng thích hợp với lạm phát và cần thắt chặt chính sách tiền tệ trong thời gian tới. Chúng tôi cho rằng những nhận định như vậy có thể đã bỏ qua diễn biến quan trọng của thị trường tiền tệ tín dụng thực sự thắt chặt khá mạnh trong 4-5 tháng qua.

Với sự phát huy rất mạnh tác dụng lên thị trường tiền tệ, tín dụng của các biện pháp kiểm soát tăng trưởng tín dụng, chúng tôi cho rằng sẽ là phù hợp nếu NHNN không thắt hơn nữa chính sách tiền tệ khi mà áp lực lạm phát có thể sắp chạm đỉnh và mặt bằng lãi suất thực tế đang khá cao kèm theo tăng trưởng tín dụng vừa phải trong quý 1.

Nếu nhìn nhận rằng mức lãi suất cho vay hiện tại phổ biến trong phạm vi 14-18%/năm là quá cao để đạt được mục tiêu tăng trưởng 6,5% trong năm nay, chúng ta có thể sẽ chứng kiến động thái nới lỏng thận trọng cung tiền để giảm lãi suất thực tế xuống của NHNN bắt đầu từ tháng 4. Và đây chính là thông điệp phát ra từ các lãnh đạo của NHNN sau kỳ họp chính phủ thường kỳ tháng 3 với việc gần như sắp chính thức quay trở lại lãi suất thỏa thuận cho hoạt động tín dụng với cả tín dụng ngắn, trung, dài hạn.

Nếu nhìn rõ sự thắt chặt của thị trường tiền tệ, tín dụng trong thời gian qua và tác dụng của nó lên kiểm soát lạm phát với độ trễ 3-6 tháng thì động thái nới lỏng thận trọng cung tiền của NHNN trong thời gian tới cũng không có gì thiếu nhất quán với định hướng ổn định kinh tế vĩ mô vì NHNN có thể đã hoàn thành cơ bản việc thu lại chính sách tiền tệ nới lỏng đặc biệt trong năm 2009.

Vấn đề đặt ra là liệu các biện pháp của NHNN có thể mang lại tác dụng kéo lãi suất thực tế xuống hay không khi mà lãi suất thỏa thuận sẽ được áp dụng cho cả tín dụng ngắn, trung, dài hạn trong thời gian tới. Liệu có một cuộc đua lãi suất đầu vào khi các NHTM nhỏ dùng các hình thức thưởng và khuyến mại khi huy động tiết kiệm nếu lãi suất đầu ra được áp dụng cơ chế thỏa thuận?

Việc giảm lãi suất thực tế là có thể nếu nguồn vốn huy động từ dân cư vào hệ thống ngân hàng tăng khả quan và thanh khoản tiền đồng của hệ thống ngân hàng duy trì ở mức dồi dào thông qua các nghiệp vụ của

NHNN (như kéo dài kỳ hạn và tăng quy mô của giao dịch trên thị trường mở, hoặc công cụ tái chiết khấu, tái cấp vốn, hoán đổi ngoại tệ). Tăng trưởng huy động vốn của hệ thống ngân hàng trong tháng 3 khá tích cực với mức tăng huy động vốn tiền đồng khoảng 2% trong đó tăng huy động từ dân cư đạt 9,2% là khá khả quan. Với mức lãi suất thực tế bình quân huy động của hệ thống ngân hàng là 11-12%, lãi suất tiền gửi thực đang ở mức dương rõ rệt ngay cả khi tính đến kỳ vọng lạm phát 10% từ nay cho đến cuối năm. Đây là yếu tố sẽ thúc đẩy tiền huy động của dân cư đã và sẽ duy trì khả quan.

Do đó, chúng tôi không kỳ vọng về cuộc đua tăng lãi suất đầu vào nếu lãi suất cho vay thỏa thuận được áp dụng rộng rãi. Nên nhớ rằng bối cảnh của cuộc đua lãi suất đầu vào năm 2008 là một môi trường thất chặt một cách toàn diện trong 5 đến 6 tháng liên tục (dự trữ bắt buộc tăng từ 5 lên 10%, phát hành 20.300 tỷ tín phiếu bắt buộc của NHNN từ tháng 01-03/2008) hoàn toàn khác biệt so với bối cảnh kiểm soát tín dụng thận trọng của chính sách tiền tệ từ cuối 2009 đến nay và động thái chuyển đổi định hướng chính sách tiền tệ của NHNN trong 4-5 tháng tới. Sức cản lớn nhất của để hạ lãi suất thực tế xuống chất lượng tín dụng trong năm 2009 khi mà tăng trưởng tín dụng là gần 38%. Và cũng phải tính đến việc các NHTM lại tìm cách tăng tín dụng dựa trên nguồn vốn thị trường 2 trong thời gian tới để lại rơi vào tình trạng thanh khoản căng thẳng sau đó. Ngoài ra, việc phát hành các công cụ nợ của chính phủ với quy mô lớn trong năm nay cũng sẽ là lực cản để duy trì thanh khoản dồi dào của hệ thống ngân hàng trong thời gian tới. Lực cản này có thể sẽ được tháo gỡ khi chính phủ đang xem xét việc NHNN có thể trực tiếp mua và đảo hạn một số công cụ nợ ngắn hạn của chính phủ trong năm 2010. Một yếu tố cũng khiến quá trình điều chỉnh lãi suất hạ xuống là nhu cầu vay vốn của doanh nghiệp tốt sẽ giảm xuống rõ rệt nếu lãi suất cho vay duy trì ở mức 16-18% trong khi các NHTM cũng không quá chú trọng cho vay các khách hàng với lãi suất cao do tính chất rủi ro của các khoản vay này.

Chúng tôi kỳ vọng mặt bằng lãi suất bình quân 14-16% sẽ được hình thành trong 1-2 tháng do sự điều chỉnh cung cầu tín dụng và tác động từ các biện pháp của NHNN. Lãi suất thực ở đầu cho vay trong mức kỳ

vọng lạm phát 9-10% nếu ở mức 5-7% hoàn toàn đủ để kiềm chế sự gia tăng nóng của tổng cầu. Thêm vào đó, mức lãi suất này cũng đảm bảo cho các NHTM có một chênh lệch đầu ra đầu vào đủ để hoạt động có hiệu quả khi mặt bằng lãi suất đầu vào được duy trì ổn định.

Rủi ro về nhập siêu và thâm hụt cán cân thanh toán vẫn sẽ duy trì song việc làm yếu đi VNĐ trong thời gian qua kèm với biện pháp áp trần lãi suất tiền gửi USD với các tổ chức kinh tế cũng sẽ có tác dụng ổn định tình hình. Chúng tôi cho rằng tỷ giá chính thức VNĐ có thể giảm tiếp 3-4% trong thời gian còn lại của năm 2010. Có thể nhận thấy, cân bằng về chính sách vĩ mô có vai trò then chốt trong việc xử lý các vấn đề lạm phát, thâm hụt cán cân thanh toán, tỷ giá và tạo dựng nền tảng cho tăng trưởng cao và bền vững trong dài hạn. Nếu Chính phủ ưu tiên ổn định các vấn đề vĩ mô đã kéo dài nhiều năm, tăng trưởng GDP có thể thấp hơn mục tiêu đặt ra, song chắc chắn sẽ giúp nền kinh tế quay trở lại trạng thái tăng trưởng tiềm năng một cách bền vững hơn.

Có một số yếu tố có thể làm sai lệch dự báo về mức độ hồi phục của kinh tế Việt Nam trong năm 2010 của chúng tôi theo cả hai chiều. Ở chiều bi quan hơn, thứ nhất có thể các nền kinh tế chủ chốt trên thế giới có mức hồi phục thấp hơn tiềm năng sẽ gây ra sự hồi phục thấp hơn kỳ vọng của khu vực xuất khẩu. Thứ hai có thể các vấn đề mất cân đối có tính cơ cấu của khu vực ngân hàng không được giải quyết sẽ làm hạn chế tín dụng, tăng mạnh lãi suất và làm nền kinh tế giảm tốc đáng kể. Song trong các kịch bản bi quan hơn về tốc độ hồi phục chúng ta cũng sẽ có một mức lạm phát thấp hơn so với dự báo của chúng tôi.

Ở chiều lạc quan hơn, thứ nhất có thể tiêu dùng và đầu tư tư nhân sẽ khả quan hơn dự báo của chúng tôi do nguồn tiết kiệm dồi dào có thể tạo cơ hội cho người dân và doanh nghiệp chi tiêu và đầu tư mạnh tay hơn khi tâm lý lạc quan chiếm ưu thế. Thứ hai có thể các chính sách tiền tệ và tài khóa hỗ trợ tăng trưởng sẽ được Chính phủ ưu tiên duy trì thực hiện ở mức độ cao hơn chúng tôi kỳ vọng về một sự cân bằng trong chính sách. Trong kịch bản lạc quan hơn về hồi phục chúng ta sẽ có một mức lạm phát cao hơn đáng kể so với dự báo của chúng tôi.

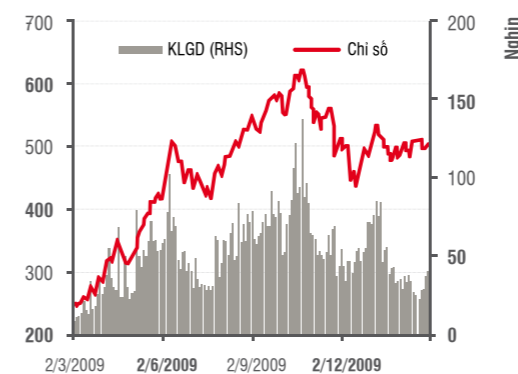
Tổng hợp dự báo các chỉ tiêu kinh tế vĩ mô chủ chốt

		2006	2007	2008	2009	2010 E
Tốc độ tăng GDP	%	8,23	8,48	6,23	5,3	6,1
Tăng lượng hàng hóa bán lẻ	%	n.a	9,3%	6,5	11	11
Tốc độ tăng trưởng xuất khẩu	%	22,7	21,9	29,5	-14	12
Tốc độ tăng trưởng nhập khẩu	%	22,1	39,6	28,3	-20	15
Cán cân thương mại	Tỷ USD	-4,02	-10,36	-12,77	-10,4	-12,6
FDI thực hiện	Tỷ USD	4,1	8,1	11,5	10,5	11,8
Tăng trưởng tín dụng	%	35,8	53,5	25,2	37	26
Tăng CPI bình quân 12 tháng	%	n.a	12,1	23,2	6,8	9,2

Nguồn: TTCK, NHNN, SSI ước tính

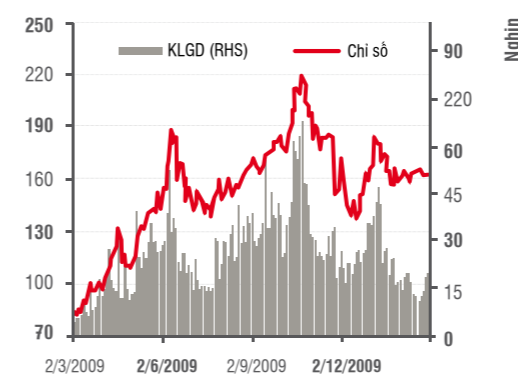
**THỊ TRƯỜNG
CHỨNG KHOÁN**

DIỄN BIẾN VN INDEX



Nguồn: Reuters, SSI ước tính

DIỄN BIẾN HNX INDEX



Nguồn: Reuters, SSI ước tính

Năm 2009 là một năm đặc biệt khi xét về diễn biến cổ phiếu cũng như sự phục hồi của nền kinh tế. VNIndex kết thúc năm 2009 ở mức 494,7 điểm, thấp hơn mức đỉnh 625,02 điểm được thiết lập vào tháng 10/2009; tuy nhiên vẫn đem lại mức lợi nhuận ấn tượng 58% trong năm 2009. Những yếu tố thúc đẩy tăng trưởng thị trường chứng khoán trong năm 2009 bao gồm tác động của gói kích cầu và tăng trưởng tín dụng – những yếu tố giúp cho tăng trưởng GDP; cũng như việc các công ty chứng khoán áp dụng các chương trình hỗ trợ tài chính đã giúp tăng thanh khoản cho thị trường.

Chính sách vĩ mô trong năm 2010 sẽ theo hướng hỗ trợ tăng trưởng kinh tế và mặt khác ổn định các cân đối vĩ mô, trong đó có việc đồng thời đạt được mục tiêu tăng trưởng GDP ở mức 6.5% và giữ lạm phát ở mức 7%. Điều này sẽ đặt rất nhiều thách thức cho chính sách tiền tệ mà **chúng tôi tin rằng sự thay đổi trong chính sách tiền tệ tiếp tục là động lực của thị trường trong năm 2010. Như đã nói trên, thanh khoản của thị trường sẽ có khả năng không được tốt như năm 2009.**

5.

SSI LÀ ĐỊNH CHẾ TÀI CHÍNH ĐẦU TIÊN TRÊN THỊ TRƯỜNG VIỆT NAM CUNG CẤP ĐA DẠNG CÁC SẢN PHẨM, DỊCH VỤ TÀI CHÍNH THEO TIÊU CHUẨN QUỐC TẾ, BAO GỒM DỊCH VỤ CHỨNG KHOÁN, DỊCH VỤ NGÂN HÀNG ĐẦU TƯ, QUẢN LÝ QUỸ, ĐẦU TƯ VÀ NGUỒN VỐN PHÂN TÍCH & TƯ VẤN ĐẦU TƯ.

DỊCH VỤ CHỨNG KHOÁN

DỊCH VỤ NGÂN HÀNG ĐẦU TƯ

QUẢN LÝ QUỸ

ĐẦU TƯ VÀ NGUỒN VỐN

PHÂN TÍCH & TƯ VẤN ĐẦU TƯ

NĂM 2009, SSI ĐẠT LỢI NHUẬN SAU THUẾ LÀ **804.079.895.938 ĐỒNG**, TĂNG 221% SO VỚI KẾT QUẢ NĂM 2008.

DOANH THU THUẦN ĐẠT **1.121.526.055.660 ĐỒNG**, TĂNG 6,34% SO VỚI DOANH THU NĂM TRƯỚC ĐÓ. VÀO NGÀY 30/01/2009,

1.666.680 TRÁI PHIẾU SSICB0206 ĐÃ ĐƯỢC CHUYỂN ĐỔI SANG CỔ PHIẾU PHỔ THÔNG VÀ VỐN ĐIỀU LỆ TĂNG LÊN TƯƠNG ƯNG,

ĐẠT **1.533.334.710.000 ĐỒNG**. NĂM 2009, CÔNG TY ĐÃ THỰC HIỆN TẠM ỨNG CỔ TỨC BẰNG TIỀN MẶT VỚI TỶ LỆ 10%, NGÀY CHỐT QUYỀN LÀ 31/12/2009 VÀ TRẢ CỔ TỨC VÀO NGÀY 19/01/2010.

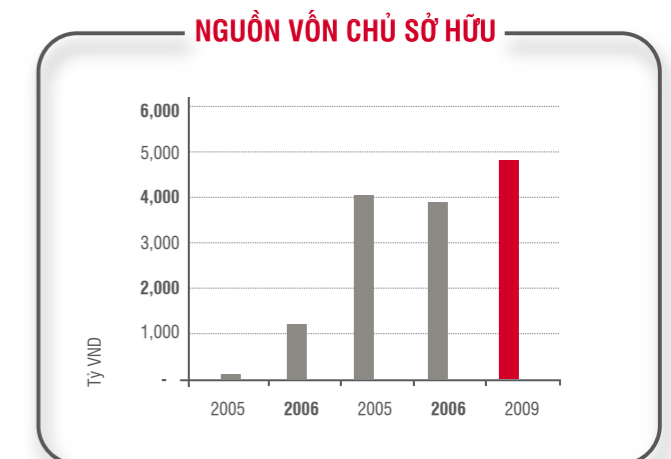
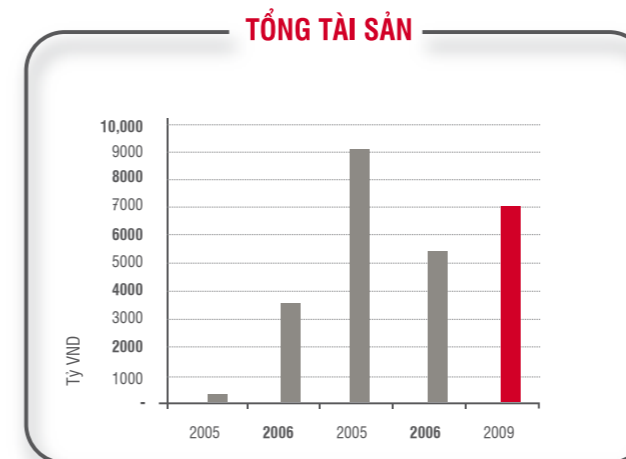
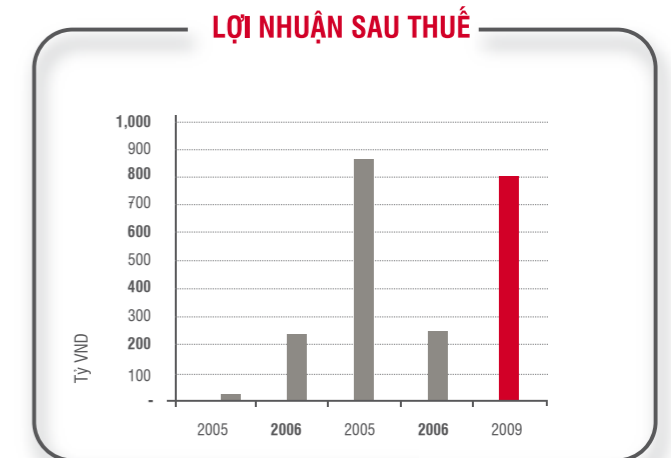
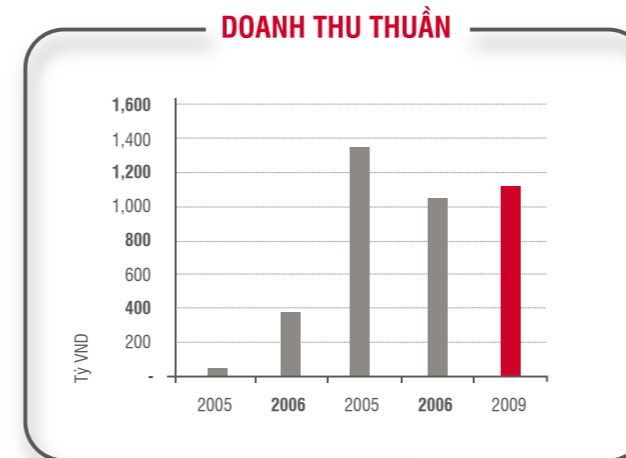
KẾT QUẢ KINH DOANH	2007	2008 ¹	2009
Doanh thu thuần (VNĐ)	1.352.447.430.970	1.054.634.146.677	1.121.526.055.660
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh chứng khoán (VNĐ)	959.072.265.573	308.952.319.713	881.789.621.544
Tổng lợi nhuận trước thuế (VNĐ)	961.517.542.371	277.819.245.792	955.711.514.448
Lợi nhuận sau thuế (VNĐ)	864.175.967.239	250.516.970.757	804.079.895.938

BẢNG CÂN ĐỐI TÀI SẢN	2007	2008	2009
Tổng tài sản (VNĐ)	9.361.634.321.104	5.620.878.354.598	7.076.985.421.509
Vốn điều lệ (VNĐ)	1.199.998.710.000	1.366.666.710.000	1.533.334.710.000
Tổng số lượng cổ phiếu bình quân gia quyền đang lưu hành	103.150.659	134.133.329	150.001.987
Nguồn vốn chủ sở hữu (VNĐ)	4.056.531.952.669	3.896.903.303.327	4.849.148.051.536

CÁC CHỈ TIÊU KHÁC	2007	2008	2009
Cơ cấu tài sản			
Tài sản ngắn hạn/ Tổng tài sản	66,53%	50,39%	66,25%
Tài sản dài hạn/ Tổng tài sản	33,47%	49,61%	33,75%
Cơ cấu nguồn vốn			
Nợ phải trả/ Tổng tài sản	56,67%	30,67%	31,48%
Nguồn vốn chủ sở hữu/ Tổng tài sản	43,33%	69,33%	68,52%

TỶ SUẤT LỢI NHUẬN	2007	2008	2009
Lợi nhuận sau thuế/ Tổng tài sản (ROA)	9,23%	4,46%	11,36%
Lợi nhuận sau thuế/ Nguồn vốn chủ sở hữu (ROE)	21,30%	6,43%	16,58%
Lợi nhuận sau thuế/ Vốn điều lệ	72,02%	18,33%	52,44%
Lợi nhuận sau thuế/ Doanh thu thuần	63,9%	23,75%	71,70%
Lãi cơ bản trên mỗi cổ phiếu (EPS) (VNĐ)	8.378	1.868	5.360

¹ Lấy số liệu trình bày lại năm 2008 trong báo cáo tài chính (đã kiểm toán) SSI năm 2009.



5.A

TIẾP TỤC MỞ RỘNG MẠNG LƯỚI KHÁCH HÀNG

Trở lại vị trí số 1 thị phần môi giới tại HOSE và duy trì vị thế dẫn đầu thị phần môi giới nước ngoài.

DỊCH VỤ CHỨNG KHOÁN



DOANH THU MÔI GIỚI CHỨNG KHOÁN LỚN NHẤT THỊ TRƯỜNG (197,9 TỶ ĐỒNG)
VỊ TRÍ SỐ 1 VỀ THỊ PHẦN MÔI GIỚI NƯỚC NGOÀI (CHIẾM 30%)
2 NĂM LIÊN TIẾP 2008, 2009 ĐẠT DANH HIỆU “NHÀ MÔI GIỚI TỐT NHẤT VIỆT NAM” DO FINANCE ASIA BÌNH CHỌN

**TỔNG QUAN
DỊCH VỤ**

Dịch vụ chứng khoán là 1 trong hai nghiệp vụ đầu tiên SSI cung cấp đến khách hàng ngay từ ngày đầu mới thành lập và cũng là nghiệp vụ cốt lõi của SSI với các sản phẩm và dịch vụ chính như môi giới chứng khoán, lưu ký, thu xếp vốn đầu tư chứng khoán. Với đội ngũ môi giới chuyên nghiệp được đào tạo bài bản tại các trường danh tiếng trong và ngoài nước, có kinh nghiệm, hiểu biết sâu sắc thị trường chứng khoán Việt Nam, cộng với hệ thống hạ tầng, cơ sở vật chất, công nghệ hiện đại, Dịch vụ chứng khoán SSI luôn khẳng định vị thế hàng đầu trong lĩnh vực hoạt động.

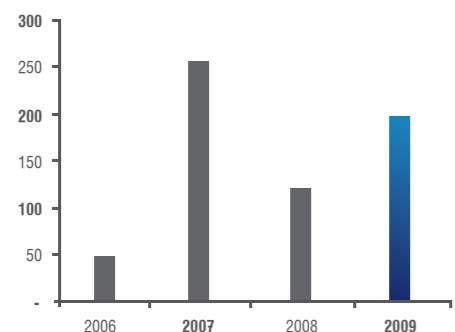
**KẾT QUẢ
HOẠT ĐỘNG**

Năm 2009, Dịch vụ chứng khoán SSI đạt mức doanh thu lớn nhất thị trường 197,9 tỷ đồng, tăng 63,4% so với doanh thu năm 2008. Kết quả này phản ánh sự gia tăng mạnh về khối lượng giao dịch và số lượng tài khoản mở mới tại SSI.

Diễn biến ấn tượng năm 2009 trên cả hai sàn giao dịch chứng khoán HOSE/HNX được thể hiện bằng sự bùng nổ về thanh khoản. Trong nửa năm đầu, sự bùng nổ này có thể được giải thích bởi gói kích cầu của chính phủ đã thúc đẩy hoạt động kinh tế cũng như các chính sách tiền tệ ủng hộ cho tăng trưởng. Nhưng vào thời điểm nửa cuối năm 2009, việc cung cấp dịch vụ đòn bẩy tài chính của các công ty chứng khoán lại đóng vai trò chính tăng thanh khoản trên cả hai sàn giao dịch. Dòng vốn chảy mạnh vào thị trường chứng khoán đã tạo nên những phiên giao dịch kỷ lục về giá trị và khối lượng giao dịch, cụ thể khối lượng giao dịch tăng từ mức 0,31% vốn hóa thị trường vào tháng 7 lên mức 0,78% trong tháng 10. Điểm đáng chú ý ở đây là 90% khối lượng giao dịch mỗi ngày đến từ các nhà đầu tư cá nhân trong nước trong khi các nhà đầu tư tổ chức nước ngoài có xu hướng tìm điểm trú ẩn tại những thị trường an toàn do ảnh hưởng của cuộc khủng hoảng kinh tế toàn cầu năm 2008.

Diễn biến thị trường phân tích trên đây dẫn đến sự thay đổi cơ cấu doanh thu phi môi giới của Dịch vụ chứng khoán SSI. Năm 2009, tỷ trọng phí thu được từ khách hàng cá nhân trong nước đạt hơn 70%, tăng đáng kể so với mức xấp xỉ 50% của năm 2008. Tổng số tài khoản mở mới đạt hơn 9.000 tài khoản, tăng 23% so với năm 2008. Ngoài những khách hàng cá nhân lớn, khách hàng tổ chức trong và ngoài nước, cụ thể là các định chế tài chính lớn, các quỹ đầu tư nước ngoài, các môi giới tổ chức nước ngoài, các ngân hàng lưu ký toàn cầu cũng góp phần không nhỏ cho sự gia tăng số lượng tài khoản mở mới tại SSI.

**DOANH THU THUẬN
KHỐI DỊCH VỤ CHỨNG KHOÁN (TỶ ĐỒNG)**



Sự cạnh tranh gay gắt giữa các công ty chứng khoán trong nước và chính sách thận trọng của SSI đối với việc cung cấp dịch vụ đòn bẩy tài chính cho khách hàng là những nhân tố chính khiến SSI trượt xuống vị trí thứ 2 về thị phần môi giới chung. Tuy nhiên, về mảng khách hàng nước ngoài, SSI tiếp tục khẳng định vị trí số 1 với 30% thị phần.

SSI không ngừng mở rộng mạng lưới hoạt động kinh doanh trên khắp các tỉnh thành phố lớn tại Việt Nam. Với hai chi nhánh mới tại Nha Trang và Quảng Ninh, SSI nâng tổng số lên 13 văn phòng, chi nhánh giao dịch, tiếp tục phát triển mạng lưới khách hàng lớn mạnh nhất trên thị trường.

Chính sách chăm sóc khách hàng là một trọng tâm SSI thực hiện trong năm 2009. Ngoài sự phối hợp chặt chẽ giữa các khối nội bộ, SSI còn kết hợp với các tổ chức niềm yết lớn, các định chế tài chính quốc tế để tổ chức nhiều buổi hội thảo nhận định thị trường, cơ hội đầu tư cho các khách hàng của SSI. Bên cạnh đó, chúng tôi thường xuyên cung cấp kịp thời và hữu hiệu các thông tin phân tích, thông tin thị trường đến khách hàng và luôn được khách hàng đánh giá cao.



Công nghệ thông tin được khẳng định là một thế mạnh của SSI trong chiến lược phát triển. Tháng 07/2009, SSI giới thiệu đến nhà đầu tư Trung tâm dịch vụ khách hàng, áp dụng công nghệ hiện đại nhất trên thị trường hiện nay. Với dịch vụ SMS, SmartTrading, SSI không ngừng nâng cấp tính năng hiện đại, giao diện dễ sử dụng. Các công cụ giao dịch trực tuyến đa dạng hỗ trợ nhà đầu tư tối đa trong việc thực hiện giao dịch, truy vấn số dư và các câu hỏi thường ngày khác.

**THÀNH TỰU
NỔI BẬT**

- Năm 2009, Dịch vụ chứng khoán SSI đạt doanh thu môi giới lớn nhất thị trường với 197,9 tỷ đồng.
- SSI tiếp tục khẳng định vị thế số 1 trên thị trường về thị phần môi giới nước ngoài. Với khả năng phục vụ khách hàng nước ngoài bằng các ngôn ngữ khác nhau (Anh, Pháp, Nhật, Trung Quốc, Hàn Quốc, ..) và đa dạng hóa các dịch vụ cung cấp, SSI tự hào là đối tác tin cậy của các định chế tài chính quốc tế danh tiếng như Deutsche Bank, HSBC, Credit Suisse, Morgan Stanley, Franklin Templeton, Fidelity, Nomura, Daiwa, KITMC, Temasek, ...
- Năm 2009 là năm thứ 2 liên tiếp, Dịch vụ chứng khoán SSI vinh dự nhận giải thưởng “Nhà môi giới tốt nhất Việt Nam” do Tạp chí quốc tế danh tiếng Finance Asia bình chọn.
- SSI tổ chức thành công chương trình “Trúng thưởng BMW khi giao dịch chứng khoán tại SSI” – đây là chương trình khuyến mại lớn nhất trong lĩnh vực hoạt động với tổng giá trị giải thưởng hơn 2 tỷ đồng dành cho các khách hàng giao dịch chứng khoán tại SSI.

**CHIẾN LƯỢC
PHÁT TRIỂN**

Trong năm 2010, mục tiêu hàng đầu của Dịch vụ chứng khoán SSI là giành lại vị thế số 1 thị phần môi giới tại Sở giao dịch chứng khoán TP Hồ Chí Minh, và tiếp tục duy trì vị trí dẫn đầu thị trường mảng khách hàng nước ngoài. Để đảm bảo thực hiện mục tiêu này, bên cạnh việc tiếp tục phát triển đội ngũ môi giới chuyên nghiệp, SSI sẽ xây dựng các chính sách chăm sóc và phát triển khách hàng tốt nhất, đa dạng hóa các sản phẩm và dịch vụ cung cấp dựa trên việc nghiên cứu, nắm bắt cụ thể nhu cầu của từng đối tượng khách hàng hướng tới. Dịch vụ chứng khoán, phối hợp chặt chẽ với các khối khác trong SSI, tiếp tục mở rộng dịch vụ tư vấn đầu tư, quản lý danh mục, vốn là thế mạnh sẵn có của SSI. Và chúng tôi cũng không quên dành nguồn lực đầu tư cho những tài năng đã và sẽ làm việc cho SSI.

5. B

TIẾP TỤC VỊ THẾ DẪN DẮT THỊ TRƯỜNG

Mở rộng đối tượng khách hàng trong nhiều lĩnh vực, tập trung cung cấp các sản phẩm tư vấn M&A, tái cấu trúc, tư vấn phát hành trái phiếu...

DỊCH VỤ NGÂN HÀNG ĐẦU TƯ



18 GIAO DỊCH BẢO LÃNH PHÁT HÀNH CỔ PHIẾU VỚI GIÁ TRỊ HUY ĐỘNG 15 NGHÌN TỶ ĐỒNG ĐẠT DANH HIỆU “NHÀ TƯ VẤN TỐT NHẤT VIỆT NAM NĂM 2009” DO FINANCE ASIA BÌNH CHỌN

**TỔNG QUAN
DỊCH VỤ**

SSI cung cấp các sản phẩm dịch vụ ngân hàng đầu tư đa dạng bao gồm bảo lãnh phát hành, tư vấn tài chính doanh nghiệp (định giá doanh nghiệp, tái cấu trúc doanh nghiệp, tư vấn cổ phần hóa, IPO, quản lý rủi ro, tư vấn niêm yết, mua bán & sáp nhập, các nghiệp vụ phái sinh...). Với thể mạnh là một trong những công ty hoạt động lâu đời nhất trong lĩnh vực chứng khoán và thị trường chứng khoán ở Việt Nam, SSI được chọn là nhà tư vấn dịch vụ của rất nhiều các doanh nghiệp quốc doanh và ngoài quốc doanh, doanh nghiệp trong nước và doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài thuộc các bộ, ngành và lĩnh vực khác nhau trong suốt 9 năm qua.



Trong lĩnh vực tư vấn niêm yết, tính đến thời điểm 15/03/2010, SSI tư vấn niêm yết thành công cho hơn 40 trong số 206 đơn vị hiện đang niêm yết trên Sở giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh và 24 trong số 251 đơn vị trên SGDCK Hà Nội, trong đó phải kể đến một số tên tuổi lớn gắn liền với SSI như REE, SAM, GMD, AGF, VSH, PVD, ITA, MPC, PVS, SGT, SJC, PVI, PAN, HVG, HAG, PVF, CTG....

Trên thị trường chứng khoán Việt Nam, SSI đã thực hiện thành công nhiều dự án phát hành cổ phiếu cũng như các công cụ tài chính khác để huy động vốn cho rất nhiều công ty, kể cả các công ty niêm yết và chưa niêm yết qua nhiều hình thức phát hành riêng lẻ, đấu giá, phát hành công chúng.

Với đội ngũ cán bộ năng lực chuyên môn cao, hiểu biết sâu sắc về nhu cầu và chiến lược của khách hàng, Khối Dịch vụ Ngân hàng đầu tư SSI tiếp tục khẳng định vị thế dẫn đầu thị trường.

**KẾT QUẢ
HOẠT ĐỘNG**

Diễn biến kinh tế toàn cầu giữa năm 2008 và nửa đầu năm 2009 với sự chuyển đổi mô hình hoạt động của hệ thống ngân hàng đầu tư toàn cầu đã ít nhiều ảnh hưởng đến định hướng phát triển của SSI đối với lĩnh vực Ngân hàng đầu tư. Tuy nhiên, xét trên tính chất hoạt động, những sản phẩm – dịch vụ ngân hàng đầu tư SSI cung cấp ra thị trường vẫn luôn cần thiết. Các sản phẩm đưa ra phải đáp ứng nhu cầu huy động vốn của doanh nghiệp và bảo đảm mức độ an toàn nhất định cho nhà đầu tư.

Chính vì vậy, 2009 là năm SSI đi sâu vào chất lượng và sự phù hợp của sản phẩm đối với thị trường, đa dạng hóa sản phẩm dịch vụ nhằm đáp ứng tối đa thị hiếu của nhà đầu tư.

Xét về doanh thu, 2009 là một năm hoạt động hiệu quả của dịch vụ ngân hàng đầu tư SSI. Doanh thu đến cuối năm đạt 59,3 tỷ đồng, cao hơn mức kế hoạch đầu năm đề ra là 47 tỷ và tăng 200% so với doanh thu năm 2008.

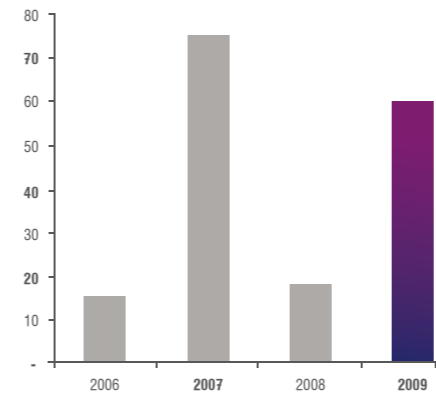
SSI đã thực hiện thành công 76 hợp đồng tư vấn bao gồm IPO, phát hành cổ phiếu, trái phiếu, tư vấn niêm yết, tái cấu trúc, mua bán & sáp nhập trong năm 2009. Hiện tại, SSI đang tiến hành 44 hợp đồng và sẽ tiếp tục thực hiện 40 hợp đồng tư vấn trong năm 2010.

Dịch vụ Bảo lãnh phát hành chiếm 77,05% tổng cơ cấu doanh thu của Dịch vụ Ngân hàng đầu tư SSI với những hoạt động nổi trội như tư vấn và bảo lãnh phát hành thành công 2 trong 3 giao dịch trái phiếu chuyển đổi trên thị trường của Tập đoàn Hoàng Anh Gia Lai (HAG) và Tập đoàn Hòa Phát (HPG) với tổng giá trị huy động tương ứng là 1.120 tỷ đồng và 1.145 tỷ đồng. Dịch vụ bảo lãnh phát hành cổ phiếu cũng diễn ra khá sôi nổi trong đó các công ty SSI thực hiện tư vấn đều là những công ty có nền tảng vững chắc và tiềm năng tăng trưởng tốt.

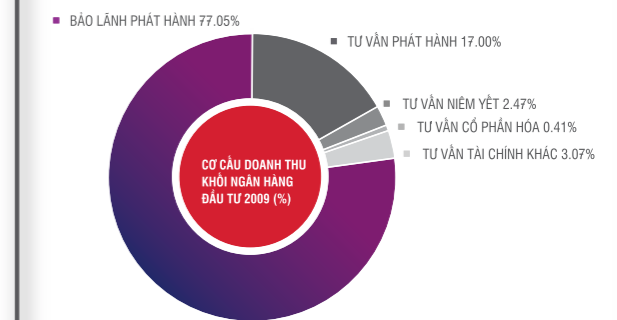
Trong 2009, Dịch vụ ngân hàng đầu tư cũng đã tư vấn niêm yết thành công Ngân hàng Thương mại cổ phần Công thương Việt Nam (CTG) và Thủy sản Hùng Vương với tổng giá trị vốn hóa của 2 công ty là 8.311,6 tỷ đồng.

2009 cũng là năm rất thành công của dịch vụ tư vấn mua bán & sáp nhập (M&A) với các giao dịch lớn như Thép Pomina thu tóm Thép Việt với tổng giá trị 800 tỷ, Công ty Cổ phần Bao Bì Hải Phòng thu tóm Công ty cổ phần Bao Bì Nhơn Trạch với tổng giá trị giao dịch là 17,6 tỷ đồng. Sự thành công của năm 2009 và các giao dịch đang thực hiện trong đầu năm 2010 như sáp nhập Domesco với Dược Tây Ninh, Dược Bạc Liêu và giao dịch chào mua công khai đầu tiên trên thị trường giữa Công ty cổ phần Hùng Vương (HVG) và Công ty Thủy Sản An Giang (AGF), tiếp tục khẳng định vị trí của SSI trong thời gian tới khi hoạt động M&A được dự đoán là sẽ diễn ra tập nập hơn trên TTCK Việt Nam.

**DOANH THU THUẦN
KHỐI NGÂN HÀNG ĐẦU TƯ (TỶ ĐỒNG)**



**CƠ CẤU DOANH THU KHỐI
NGÂN HÀNG ĐẦU TƯ 2009**



**THÀNH TỰU
NỔI BẬT**

- Năm 2009, mảng dịch vụ tư vấn, bảo lãnh phát hành đã thực hiện thành công 18 giao dịch, huy động hơn 15.000 tỷ đồng.
- Thực hiện tư vấn niêm yết thành công cho Ngân hàng Thương mại cổ phần Công thương Việt Nam (CTG) – 1 trong 4 ngân hàng thương mại quốc doanh lớn nhất Việt Nam trước đây.
- Bảo lãnh phát hành trái phiếu chuyển đổi trên thị trường của Tập đoàn Hoàng Anh Gia Lai (HAG) và Tập đoàn Hòa Phát (HPG) với tổng giá trị huy động lên đến 2.265 tỷ đồng.
- Tư vấn M&A với 2 thương vụ lớn: Thép Pomina thu tóm Thép Việt, Cty CP Bao Bì Hải Phòng thu tóm Công ty CP Bao Bì Nhơn Trạch
- Năm 2009, Ngân hàng đầu tư SSI vinh dự nhận danh hiệu “Nhà tư vấn tốt nhất Việt Nam” do Tạp chí danh tiếng Finance Asia bình chọn.

**CHIẾN LƯỢC
PHÁT TRIỂN**

Ngoài những sản phẩm truyền thống, SSI sẽ hướng tới cung ứng cho khách hàng các nhóm giải pháp đồng bộ và đa dạng trên cơ sở nghiên cứu, hiểu biết sâu sắc nhu cầu của khách hàng. Trong năm 2010, SSI sẽ tập trung cung cấp các sản phẩm M&A, tái cấu trúc và các sản phẩm khác như trái phiếu doanh nghiệp chuyển đổi...

SSI cũng sẽ thúc đẩy tìm kiếm các cơ hội hợp tác với các đối tác trong và ngoài nước nhằm mở rộng mạng lưới cung cấp dịch vụ ngân hàng đầu tư, đa dạng hóa đối tượng khách hàng, đặc biệt là khách hàng doanh nghiệp, tập đoàn tư nhân. Bên cạnh đó, SSI tiếp tục củng cố nguồn nhân lực trong lĩnh vực hoạt động, xây dựng và phát triển đội ngũ nhân sự ngày càng vững mạnh và chuyên nghiệp hơn.

5. C

TIẾP TỤC KHẮNG ĐỊNH ĐẲNG CẤP CHUYÊN NGHIỆP

Đáp ứng tối đa nhu cầu của nhà đầu tư bằng sự chuyên nghiệp, sự đa dạng của các sản phẩm, dịch vụ quản lý quỹ

QUẢN LÝ QUỸ



2.420 TỶ ĐỒNG TỔNG TÀI SẢN QUẢN LÝ

SSIVF – QUỸ THÀNH VIÊN NỘI ĐỊA CÓ QUY MÔ LỚN NHẤT THỊ TRƯỜNG

DSCAP-SSIAM VIETNAM GROWTH INVESTMENT FUND LLC – QUỸ NƯỚC NGOÀI DUY NHẤT HUY ĐỘNG THÀNH CÔNG TRONG NĂM 2009

**TỔNG QUAN
DỊCH VỤ**

Sự thành lập của Công ty TNHH Quản lý Quỹ SSI (SSIAM) với 100% vốn đầu tư của SSI trong năm 2007 là bước phát triển chiến lược trong chặng đường SSI hoàn thiện mô hình tập đoàn – định chế tài chính hàng đầu Việt Nam, và nhằm mang đến cho nhà đầu tư các dịch vụ đầu tư toàn diện và hoàn thiện. Các sản phẩm và dịch vụ SSIAM cung cấp bao gồm: quản lý quỹ (quỹ tăng trưởng, quỹ cân bằng, quỹ bất động sản...) và quản lý danh mục đầu tư (ủy thác quản lý danh mục đầu tư, ủy thác chỉ định...). SSIAM cam kết tăng cường nguồn lực và chất lượng dịch vụ để thỏa mãn những yêu cầu ngày một đa dạng hơn từ phía nhà đầu tư trong và ngoài nước.

**KẾT QUẢ
HOẠT ĐỘNG**

Năm 2009, hoạt động chính của Công ty bao gồm quản lý quỹ và quản lý danh mục đạt doanh thu thuần trên 88 tỷ đồng, tăng gần 200% so với năm 2008.

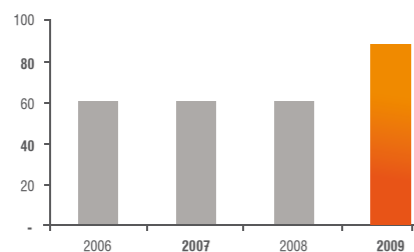
Về cơ cấu doanh thu, hoạt động quản lý quỹ mang lại 81,5 tỷ đồng, chiếm 92,61% tổng doanh thu của SSIAM. Hơn 6,8 tỷ đồng còn lại là doanh thu của mảng quản lý danh mục đầu tư.

Tổng giá trị tài sản thuộc quyền quản lý của SSIAM là 2.420 tỷ đồng, tăng xấp xỉ 4% so với cuối năm 2008.

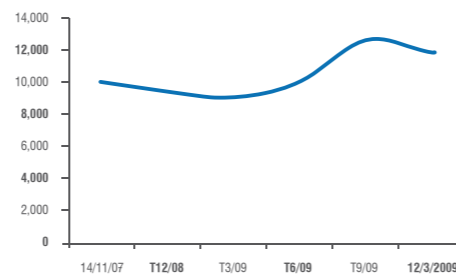
Hoạt động quản lý quỹ:

Kết thúc năm 2009, giá trị tài sản ròng (NAV) của Quỹ Tầm nhìn SSI (SSIVF) đạt 11.800 đồng/ccq, tăng 25% so với mức 9.444 đồng/ccq vào cuối năm 2008 và vượt mức chỉ tiêu 10% của Ban đại diện Quỹ đặt ra. Quỹ SSIVF cũng thực hiện tạm ứng cổ tức 2009 với tỷ lệ 15% cho các nhà đầu tư quỹ. Kết quả này đạt được nhờ vào chiến lược đầu tư cẩn trọng, tập trung vào tính hiệu quả trong hoạt động và tiềm năng tăng trưởng dài hạn của các công ty được đầu tư. Quy trình phân tích và dự báo xu hướng thị trường một cách cẩn trọng đã giúp cho SSIAM có được những quyết định tốt nhất trong việc giải ngân và thanh lý tài sản khi mà thị trường chứng khoán Việt Nam năm 2009 trải qua những biến động khó lường.

**DOANH THU THUẦN
QUẢN LÝ QUỸ (TỶ ĐỒNG)**



**TĂNG TRƯỞNG GIÁ TRỊ
TÀI SẢN RÒNG CỦA SSVF (CCQ/ĐỒNG)**



Trong bối cảnh ảnh hưởng của cuộc khủng hoảng kinh tế toàn cầu khiến các nhà đầu tư nước ngoài vẫn đang tìm kiếm cơ hội đầu tư tại các nước an toàn, SSIAM đã nỗ lực hợp tác với Công ty Nhật Bản, Daiwa SMBC Capital, huy động thành công Quỹ đầu tư DSCAP-SSIAM Vietnam Growth Investment Fund LLC có trụ sở tại Cayman Islands – quỹ nước ngoài duy nhất tại Việt Nam thành công trong năm 2009. Quỹ DSCAP-SSIAM có quy mô từ 50 triệu đến 100 triệu \$US tại thời điểm đóng quỹ để đầu tư vào các công ty chưa niêm yết có tiềm năng tăng trưởng cao tại Việt Nam. SSIAM là công ty đầu tiên được Bộ Kế hoạch và đầu tư cấp giấy phép đầu tư ra nước ngoài.

Dịch vụ quản lý danh mục, ngoài những khách hàng hiện tại, SSIAM thu hút thêm được một số khách hàng mới, với tổng số giá trị tài sản quản lý danh mục lên 320 tỷ đồng. Tổng mức giá trị tài sản ròng của các tài khoản quản lý vượt mức chỉ tiêu ban đầu đề ra. Các danh mục quản lý rất đa dạng từ ủy thác quản lý danh mục đến ủy thác chỉ định cho các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước.



**THÀNH TỰU
NỔI BẬT**

- Tiếp tục kết quả nổi bật năm 2008, SSIVF đạt mức tăng trưởng 25%, thực hiện tạm ứng cổ tức năm 2009 với tỷ lệ 15%.
- SSIAM, hợp tác với Công ty Daiwa SMBC Capital (Nhật Bản), huy động thành công Quỹ đầu tư DSCAP-SSIAM Vietnam Growth Investment Fund LLC có trụ sở tại Cayman Islands
- Năm 2009, SSIAM là công ty đầu tiên nhận giấy phép đầu tư ra nước ngoài.

**CHIẾN LƯỢC
PHÁT TRIỂN**

Trong năm 2010, SSIAM tiếp tục tập trung nâng cao kết quả kinh doanh của các quỹ và năng lực quản lý danh mục đầu tư. Mục tiêu của chúng tôi là tiếp tục phát triển mạnh mẽ nghiệp vụ quản lý quỹ đầu tư nhằm đem lại thu nhập từ đầu tư cao nhất cho khách hàng. Chúng tôi cũng sẽ tập trung phát triển khách hàng, trong khi tiếp tục tập trung vào đối tượng khách hàng tổ chức, chúng tôi sẽ mở rộng sang quản lý tài sản khách hàng cá nhân.

SSIAM cũng tiếp tục tìm kiếm cơ hội hợp tác có thể với các đối tác quốc tế để tăng cường khả năng huy động vốn từ nước ngoài thành lập các quỹ đầu tư đầu tư vào chứng khoán, bất động sản và cơ sở hạ tầng tại Việt Nam. Với nỗ lực không ngừng, SSIAM luôn hướng tới việc tăng tổng tài sản quản lý, khẳng định vị thế công ty quản lý quỹ hàng đầu tại Việt Nam.

5. D

TIẾP TỤC KHẲNG ĐỊNH GIÁ TRỊ VÀ CHẤT LƯỢNG

Bằng những sản phẩm nghiên cứu phân tích đa dạng và chất lượng, SSI hướng tới xây dựng hình ảnh khối Phân tích & Tư vấn đầu tư hàng đầu tại Việt Nam và tạo dựng danh tiếng trong khu vực

PHÂN TÍCH & TƯ VẤN ĐẦU TƯ



**TỔNG QUAN
DỊCH VỤ**

Trải qua một thời gian tìm kiếm và lựa chọn hướng đi chiến lược cho mình, cho đến nay Khối Phân tích & Tư vấn đầu tư SSI đã gây dựng được một hình ảnh danh tiếng trong giới tài chính, chứng khoán Việt Nam và các nhà đầu tư quốc tế, từng bước khẳng định vị thế hàng đầu trong lĩnh vực hoạt động.

SSI luôn đưa ra những sản phẩm nghiên cứu phân tích tốt nhất cho nhà đầu tư và đây cũng chính là dịch vụ giá trị gia tăng cốt lõi phục vụ các khách hàng tổ chức và cá nhân của công ty, đồng thời là thành phần cấu thành gói dịch vụ của Dịch vụ chứng khoán, Dịch vụ ngân hàng đầu tư và Quản lý Quỹ.

Các sản phẩm nghiên cứu phân tích của SSI bao gồm:

Báo cáo phân tích công ty bao gồm báo cáo phân tích ban đầu và báo cáo cập nhật định kỳ hoặc theo từng sự kiện. Các sản phẩm này là yếu tố tạo nên sự khác biệt của SSI, thu hút đa số nhà đầu tư trong và ngoài nước.

Báo cáo phân tích thị trường: tập trung phân tích, cập nhật diễn biến nền kinh tế vĩ mô, thị trường chứng khoán theo ngày/tuần/tháng.

Báo cáo SSI30: tập hợp 30 công ty có vốn hóa thị trường lớn nhất và có tính đại diện nhất thành một bộ chỉ số, nhằm phân tích và dự đoán được diễn biến của toàn bộ thị trường.

Báo cáo Ngành (Sector Watch): Báo cáo được ra 2 lần trong một năm và đã gây được tiếng vang lớn trong giới tài chính trong và ngoài nước nhờ vào sự phân tích sâu sắc, quan điểm nhận định khách quan về triển vọng ngành, cũng như đưa ra các khuyến nghị để giúp khách hàng tổ chức và cá nhân có sự lựa chọn trong việc cơ cấu lại danh mục cho phù hợp với thị trường.

Và các báo cáo khác như Phân tích kỹ thuật, phân tích Due Diligent và các gói báo cáo theo đơn đặt hàng.



Hội thảo “Thị trường CK VN –Thách thức và cơ hội”

Hội thảo “Thị trường chứng khoán Việt Nam – Thách thức và cơ hội”- tháng 09/2009

SSI tổ chức hội thảo này chủ yếu dành cho khách hàng cá nhân của SSI. Tại hội thảo, SSI đưa ra những nhận định về tình hình kinh tế và thị trường chứng khoán Việt Nam từ tháng 9 đến cuối năm 2009. Các chuyên gia nghiên cứu, phân tích của SSI trả lời những câu hỏi của nhà đầu tư liên quan đến thực trạng và triển vọng của các công ty niêm yết trên thị trường.



Hội thảo “SSI - Triển vọng ngành”

Hội thảo “SSI - Triển vọng ngành”

Diễn ra định kỳ 2 lần trong một năm (tháng 3 và tháng 7) với mục tiêu tập trung đưa ra những phân tích, đánh giá, nhận định các cổ phiếu phân chia theo ngành, đồng thời đưa ra các khuyến nghị giúp cho các nhà đầu tư trong và ngoài nước có những định hướng tốt trong chiến lược đầu tư của bản thân.

**SỰ KIỆN NỔI BẬT
NĂM 2009**

Trong năm 2009, Khối Phân tích & Tư vấn đầu tư, kết hợp với Khối Dịch vụ chứng khoán, Dịch vụ ngân hàng đầu tư, Khối Truyền thông tổ chức thành công các buổi hội thảo, tọa đàm cho các nhà đầu tư trong và ngoài nước.



Hội thảo “Gateway to Vietnam”

Hội thảo “Gateway to Vietnam”

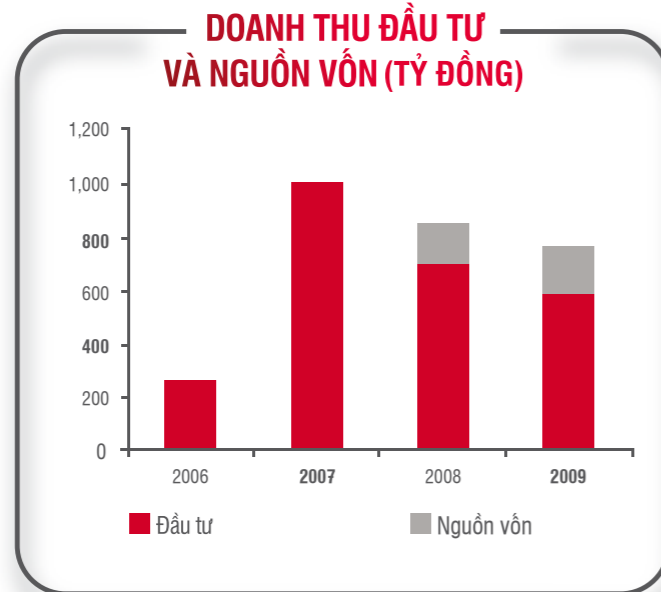
Diễn ra vào tháng 12 năm 2009 tại Hà Nội, “Gateway to Vietnam” do SSI kết hợp với Euromoney tổ chức, đã thu hút hơn 400 nhà đầu tư, các chuyên gia cao cấp của các tổ chức trong nước và quốc tế. Tại Hội thảo, SSI đã mang đến cho các nhà đầu tư những tham luận về tiến trình cổ phần hóa doanh nghiệp, cơ hội và kinh nghiệm đầu tư vào các doanh nghiệp Việt Nam, những phân tích và nhận định về kinh tế, thị trường chứng khoán Việt Nam. Cũng tại hội thảo này, SSI đã tổ chức các buổi gặp gỡ trực tiếp giữa Lãnh đạo cao cấp của 10 công ty hàng đầu tại Việt Nam, tạo điều kiện cho các nhà đầu tư hiểu rõ hơn về bộ máy quản lý cũng như định hướng, chiến lược phát triển của từng doanh nghiệp. “Gateway to Vietnam” đã gây tiếng vang lớn trong giới tài chính trong nước và quốc tế, trở thành sự kiện đầu ấn hàng năm của SSI.

**CHIẾN LƯỢC
PHÁT TRIỂN**

SSI tiếp tục theo đuổi mục tiêu xây dựng hình ảnh với các sản phẩm nghiên cứu phân tích tốt nhất bằng việc không ngừng nâng cao chất lượng, giá trị của mỗi báo cáo đưa ra. Mỗi báo cáo SSI đưa ra đều đảm bảo tính khách biệt, phân tích – nhận định sâu sắc, tính khách quan và khả năng dự đoán có độ chính xác cao.

Bên cạnh đó, chúng tôi kết hợp với các Khối dịch vụ (Dịch vụ chứng khoán, Ngân hàng đầu tư, Quản lý Quỹ) nghiên cứu, đa dạng hóa các gói dịch vụ giá trị gia tăng cung cấp cho khách hàng, thu hút đông đảo các nhà đầu tư trong và ngoài nước.

Chúng tôi tiếp tục xây dựng và phát triển đội ngũ phân tích chuyên nghiệp thông qua các chương trình hợp tác đào tạo, trao đổi kinh nghiệm với các định chế tài chính hàng đầu thế giới như Daiwa, ANZ. Mỗi chuyên gia phân tích tại SSI không chỉ có kiến thức chuyên môn cao, kinh nghiệm hiểu biết thị trường sâu rộng, mà đảm bảo luôn trau dồi các giá trị đạo đức nghề nghiệp.



Đồng đầu tư và đồng hành với doanh nghiệp là chiến lược kinh doanh dài hạn của SSI. Danh mục đầu tư của SSI được phân bổ hợp lý giữa các công cụ thị trường tiền tệ, trái phiếu, trái phiếu chuyển đổi, cổ phiếu doanh nghiệp tư nhân, cổ phiếu OTC và cổ phiếu niêm yết. Mặc dù thu nhập đầu tư theo từng quý có thể biến động theo sự thay đổi của thị trường chứng khoán, nghiệp vụ đầu tư của SSI luôn đạt kết quả rất khả quan, mang lại lợi nhuận lớn cho các nhà đầu tư và cổ đông trong dài hạn.

Trong năm 2009 doanh thu thuần từ đầu tư và nguồn vốn đạt 776 tỷ, giảm 11% so với 2008.

Doanh thu đầu tư năm 2009 đạt 603 tỉ, chiếm 53% tổng doanh thu của SSI. Doanh thu 2009 giảm 14% so với năm 2008 chủ yếu từ tỷ lệ chi trả cổ tức giảm, danh mục đã thoái bớt 1 số lượng cổ phiếu và thay bằng 1 số cổ phiếu khác nên cổ tức mới trong năm được khấu trừ vào giá vốn, không ghi nhận doanh thu, giá trị trái tức cũng giảm do năm 2009, công ty đã thoái 1 tỷ trọng lớn danh mục đầu tư trái phiếu.

Doanh thu hoạt động đầu tư vốn năm 2009 đạt 172 tỷ đồng, tăng xấp xỉ 3% so với năm 2008, và đóng góp 26% vào tổng doanh thu của SSI. Tổng giá trị nguồn vốn SSI quản lý lên đến 7.000 tỷ đồng, tăng trưởng 29% so với năm 2008. Năm 2009, chúng tôi tiếp tục theo đuổi mục tiêu đảm bảo tính thanh khoản cho toàn hệ thống và đầu tư các công cụ lãi suất một cách hiệu quả, an toàn.

Bên cạnh hoạt động kinh doanh và quản lý thanh khoản, SSI còn cung cấp các dịch vụ cho khách hàng bao gồm các dịch vụ về trái phiếu (đầu thầu, bảo lãnh và môi giới), thu xếp vốn đầu tư và thiết kế các sản phẩm đầu tư vốn hiệu quả cho nhà đầu tư một cách linh hoạt.

Chiến lược phát triển 2010

Năm 2010, SSI định hướng tăng cường các khoản đầu tư dài hạn, có mức tăng trưởng cao, đồng thời duy trì một hạn mức đầu tư ngắn hạn để tận dụng các cơ hội của thị trường. SSI tiếp tục nhằm tới các ngành/doanh nghiệp có hoạt động cơ bản tốt và mang tính bền vững, có tỷ lệ tăng trưởng cao. Ngoài cổ phiếu và trái phiếu, SSI sẽ triển khai đầu tư một số sản phẩm kinh doanh vốn, các sản phẩm phái sinh, đa dạng hóa các công cụ lãi suất. Mục tiêu chính là đảm bảo thanh khoản, đầu tư an toàn hiệu quả.



■ CÁC YẾU TỐ RỦI RO
CÓ THỂ ẢNH HƯỞNG
ĐẾN HOẠT ĐỘNG
KINH DOANH

Trong quá trình hoạt động kinh doanh có rất nhiều yếu tố rủi ro vốn là đặc thù của ngành dịch vụ tài chính có thể gây ảnh hưởng đến kết quả kinh doanh của Công ty. Dưới đây là tóm lược các yếu tố rủi ro chính:

Rủi ro thị trường:

• Thị trường tài chính nói riêng và nền kinh tế nói chung thường xuyên biến động dưới tác động của nhiều yếu tố gồm cả các yếu tố nội tại của thị trường, cũng như do các thay đổi trong chính sách tài khoá, tiền tệ và các chính sách điều tiết thị trường của Chính Phủ. Những thay đổi này được thể hiện qua biến động trong các yếu tố như mặt bằng lãi suất, tỷ giá hối đoái, mức độ chấp nhận rủi ro, thanh khoản của thị trường, mức độ sẵn có của tín dụng, chi phí giá vốn... v.v, khiến giá trị của các khoản đầu tư tài chính cũng biến động theo. Hoạt động đầu tư của Công ty vào chứng khoán và các sản phẩm đầu tư không tránh khỏi các rủi ro do giảm giá đầu tư. Rủi ro này sẽ tiếp tục phát sinh trong tương lai do mức độ biến động của thị trường tăng lên kèm theo tính thanh khoản bị suy giảm.

Rủi ro tín dụng:

• Công ty cũng chịu rủi ro phát sinh các khoản lỗ liên quan đến tín dụng trong trường hợp các cá nhân, đối tác hoặc tổ chức phát hành mất khả năng hoặc không sẵn sàng thực hiện trách nhiệm chi trả theo hợp đồng đã thoả thuận. Rủi ro xảy ra khi khách hàng, đối tác gặp khó khăn tài chính và khi giá trị của chứng khoán Công ty nắm giữ làm tài sản thế chấp bị sụt giảm. Rõ ràng nếu Công ty phát sinh nhiều khoản lỗ do yếu tố rủi ro này, khả năng sinh lời của Công ty sẽ bị ảnh hưởng.

Rủi ro thanh khoản:

• Rủi ro thanh khoản xảy ra khi Công ty mất khả năng thực hiện trách nhiệm trả các khoản nợ ngắn hạn thông qua việc vay thêm hoặc thanh lý các tài sản có thể dễ dàng chuyển thành tiền mặt. Khả năng thanh khoản của Công ty có thể bị suy yếu trong trường hợp Công ty không thể phản ứng kịp với những biến cố của thị trường nói chung hoặc của thị trường cho một loại tài sản cụ thể nào đó nói riêng. Ngoài ra, nếu rất nhiều công ty khác cũng đang muốn bán cùng một loại tài sản với công ty tại cùng một thời điểm, khả năng thanh lý tài sản để tạo thanh khoản của Công ty cũng sẽ bị ảnh hưởng.

Rủi ro vận hành:

• Hoạt động kinh doanh của Công ty cũng bị ảnh hưởng lớn bởi các sự cố về vận hành hoặc do các sự kiện không thuận lợi xảy ra ngoài dự tính. Các rủi ro này bao gồm: nguy cơ trộm cắp hoặc lừa đảo, nhân viên có hành vi kinh doanh không hợp lệ, thực hiện giao dịch trái phép, cũng như lưu trữ, đánh giá và hạch toán giao dịch sai nguyên tắc. Những rủi ro này có thể khiến Công ty phải gánh chịu các khoản lỗ tài chính, thậm chí dẫn đến việc hoạt động kinh doanh bị gián đoạn, mất khả năng thực hiện trách nhiệm đối với khách hàng, chịu sự can thiệp từ chính quyền, uy tín của Công ty do vậy sẽ bị ảnh hưởng rất lớn. Khả năng phát sinh lỗ còn có thể xảy ra nếu công ty không thể đánh giá một cách chuẩn xác từ đó tìm cách giảm thiểu các yếu tố rủi ro khá thường trực với hoạt động của Công ty như đã vừa nêu: gồm có rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro vận hành.

■ QUẢN LÝ
RỦI RO

• Chấp nhận rủi ro là một trong những yếu tố cơ bản đối với ngành nghề kinh doanh của công ty. Từng Giám đốc bộ phận có trách nhiệm quản lý các loại rủi ro đặc thù đối với từng mảng hoạt động kinh doanh thuộc thẩm quyền của mình. Đồng thời, trên phạm vi toàn công ty, chúng tôi cũng luôn không ngừng củng cố hệ thống quản trị rủi ro nhằm đảm bảo tính rõ ràng, dễ hiểu trong các khái niệm, qui định được đặt ra liên quan đến mức độ chấp nhận rủi ro của công ty. Các Giám đốc bộ phận trong công ty thường xuyên tiến hành thẩm định lại các yếu tố rủi ro về tín dụng, thị trường và thanh khoản để tối thiểu hoá các khoản lỗ phát sinh từ những nguy cơ rủi ro này, sao cho chúng không được vượt quá một mức độ hợp lý hoặc mức đã được xác định trước các kịch bản kinh doanh đã đặt ra.

• Chúng tôi đã thiết lập hệ thống kiểm soát nội bộ hoàn chỉnh đáp ứng quy định của pháp luật với các nhân viên kiểm soát nội có đủ kinh nghiệm, trình độ cần thiết. Hệ thống kiểm soát nội bộ luân phiên kiểm tra hoạt động của các bộ phận trong công ty nhằm hạn chế thấp nhất các yếu tố gây ra rủi ro về vận hành. Kết quả kiểm soát nội bộ được báo cáo trực tiếp lên Tổng Giám đốc, Hội đồng quản trị để khắc phục ngay các lỗ hổng.

• Việc giáo dục ý thức tuân thủ pháp luật, tuân thủ quy định nội bộ được coi trọng và tiến hành thường xuyên. Bộ phận Nhân sự và Luật, Kiểm soát nội bộ định kỳ ra các Bản tin pháp luật phát hành trong nội bộ Công ty, tổ chức các buổi trao đổi, cập nhật, bổ sung kiến thức về luật.



VỚI
CỘNG
ĐỒNG

Theo tôn chỉ kinh doanh “Chúng ta cùng thành công”, SSI tình nguyện thực hiện trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp, chung sức vì sự phát triển của cộng đồng. Chúng tôi tập trung vào việc phát triển giáo dục, thể chất cho thế hệ trẻ để đào tạo nên những tài năng tương lai cho đất nước. Chúng tôi chung tay cùng cộng đồng để góp phần xây dựng xã hội tốt đẹp hơn.

Đầu tư giáo dục

• Hoàn thành dự án xây dựng trường Phổ thông Dân tộc nội trú THCS và THPT tại huyện Bắc Hà, tỉnh Lào Cai: ngày 14 tháng 09 năm 2009, công trình nâng cấp, mở rộng trường Phổ thông Dân tộc nội trú THCS và THPT tại huyện Bắc Hà, tỉnh Lào Cai đã được khánh thành. Dự án này được thực hiện với kinh phí là 10 tỷ đồng. Với trang bị đầy đủ về cơ sở vật chất, chăm lo chu đáo từ việc giảng dạy đến nơi ăn chốn ở, SSI mong có thể góp phần giúp các em học sinh của các vùng dân tộc xa có thể yên tâm học hành trong những điều kiện tốt nhất.



Ông Trương Tân Sang - Ủy viên Bộ Chính trị, Thường trực Ban Bí thư Trung ương Đảng, ông Nguyễn Duy Hưng – Tổng giám đốc SSI, cùng đại diện tỉnh Lào Cai cắt băng khánh thành trường phổ thông dân tộc nội trú THCS và THPT huyện Bắc Hà.

Trồng cây lưu niệm tại trường phổ thông dân tộc nội trú THCS và THPT huyện Bắc Hà.



Ông Ngô Văn Điểm – thành viên HĐQT trao học bổng cho các em học sinh tại tỉnh Tuyên Quang.

• Tiếp tục thực hiện dự án tài trợ học bổng trong 4 năm học (2007 – 2010) với Hội khuyến học Việt Nam: tính đến thời điểm cuối năm 2009, hơn 1.500 suất học bổng đã được trao cho học sinh tiểu học các tỉnh gặp nhiều khó khăn tại khu vực miền bắc Việt Nam như Bắc Kạn, Cao Bằng, Hà Giang, Lai Châu, Điện Biên, Sơn La, Lạng Sơn, Lào Cai, Hòa Bình, Phú Thọ, Bắc Giang, Yên Bái, Tuyên Quang.

• Tài trợ học bổng cho khoa Ngân hàng trường Đại học Kinh tế TP. HCM: các suất học bổng này được dành tặng cho các em học sinh giỏi của trường, với mong muốn sẽ đào tạo nên một thế hệ trẻ tài năng cho ngành tài chính Việt Nam.



Đội bóng chày thiếu niên Hà Nội tại giải Bóng chày thiếu niên Á Châu – Thái Bình Dương (Jakarta, Indonesia)

• Tài trợ Đội bóng chày thiếu niên Hà Nội tham gia giải Bóng chày thiếu niên Á Châu – Thái Bình Dương tại Jakarta, Indonesia: đây là lần đầu tiên Việt Nam có cơ hội tham gia một giải bóng chày quốc tế. Tại đây, đội tuyển thiếu niên Việt Nam đã có vinh dự được chọn đọc bản tuyên thệ Fair Play tại lễ khai mạc. Với việc tài trợ môn thể thao mới này, SSI hy vọng sẽ có cơ hội giúp đỡ thế hệ trẻ phát triển không những trong học vấn, mà còn trong các hoạt động thể thao văn hóa.

Chung tay cùng cộng đồng

• Đền ơn đáp nghĩa xây dựng khu tưởng niệm các liệt sĩ đã hy sinh tại nhà tù Phú Quốc: hưởng ứng lời kêu gọi của Ủy ban Nhân dân tỉnh – Sở lao động Thương binh & Xã hội tỉnh Kiên Giang, SSI đã góp 2 tỷ đồng để xây dựng công trình tưởng niệm liệt sĩ nhà tù Phú Quốc. Với đóng góp này, SSI mong muốn thể hiện sự biết ơn công lao với những người đã hy sinh vì Tổ quốc.



Xe chở 10 tấn gạo của SSI đi đến những vùng bị tàn phá nặng trong đợt lũ lụt tháng 10/2009 tại miền Trung.

• Ủng hộ đồng bào miền Trung trong đợt lũ lụt tháng 10/2009: trước những tổn thất lớn lao mà nhân dân miền Trung phải chịu qua đợt lũ này, ngay khi nước lũ vừa rút, SSI đã mang 10 tấn gạo đến những vùng xa xôi hẻo lánh để phát tận tay đến từng người dân. Đồng thời, với đóng góp qua báo Công an Nhân dân, SSI hy vọng có thể giúp người dân tại khu vực này nhanh chóng ổn định trở lại nếp sống cũ.



Trao quà từ thiện tại bệnh viện Bạch Mai

• Tiếp tục phong trào trao quà từ thiện cho bệnh nhân: trong năm 2009, SSI đã đến thăm hỏi và trao quà cho bệnh nhân tại các bệnh viện K, bệnh viện Nhi Trung Ương, bệnh viện Bạch Mai, Trung tâm bảo trợ xã hội số 3 tại Hà Nội, Trung tâm trẻ mồ côi & người già không nơi nương tựa Thụy An (Ba Vì), bệnh viện Ung bướu (TP. HCM).

VỚI
NHÂN
VIÊN

Là tổ chức tài chính hàng đầu, SSI tin rằng đội ngũ chính là nguồn tài sản quý giá nhất. Chúng tôi luôn đặt một sự quan tâm lớn đến các kỹ năng, kiến thức, và sự sáng tạo mà đội ngũ của chúng tôi mang lại cho hoạt động kinh doanh, cũng như để đưa chúng tôi đến gần hơn với tầm nhìn “Chúng ta cùng thành công”.



• Chúng tôi chú trọng đào tạo, nâng cao trình độ cho đội ngũ nhân viên các cấp, trong cả chuyên môn và các kỹ năng cơ bản, thông qua các khóa học liên tục về chứng khoán, luật, các buổi dã ngoại ngoài trời.
• Chúng tôi trao quyền cho nhân viên và khuyến khích sáng tạo. Phát động các chương trình sáng kiến trong đội ngũ nhân viên liên kết với chương trình đánh giá thành tích.
• Chúng tôi chặt chẽ, lượng hóa trong đánh giá thành tích, với ý kiến đóng góp từ lãnh đạo, đồng nghiệp, và khách hàng.
• Chúng tôi xây dựng & gìn giữ văn hóa công ty bằng các sự kiện nội bộ định kỳ.

6

■ BÁO CÁO TÀI CHÍNH 2009

**SSI LUÔN TRUNG THÀNH
VỚI PHONG CÁCH KINH
DOANH: CHUYÊN NGHIỆP,
TRUNG THỰC, MINH BẠCH,
AN TOÀN VÀ HIỆU QUẢ.**

Các chỉ số tài chính đều tăng trưởng và cao hơn so với dự kiến bao gồm doanh thu, lợi nhuận, lợi nhuận cơ bản trên cổ phiếu ... Bảng cân đối tài sản ghi nhận gia tăng tổng tài sản và vốn chủ sở hữu

CHÚNG TA CÙNG THÀNH CÔNG

MỤC LỤC

- 48 BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
- 50 BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP
- 51 BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT
- 55 BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT
- 56 BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT
- 58 THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

**BÁO CÁO CỦA
HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn (“Công ty”) trình bày báo cáo này và các báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh Nghiệp của Việt Nam theo Giấy phép hoạt động số 3041/GP-UB, do Ủy ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 27 tháng 12 năm 1999 và được cấp giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 056679, do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp đăng ký lần đầu vào ngày 30 tháng 12 năm 1999. Công ty được cấp Giấy phép hoạt động Kinh doanh chứng khoán số 03/GPHĐKD, do Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 05 tháng 4 năm 2000 và các giấy phép điều chỉnh tiếp theo.

Hoạt động chính của Công ty và công ty con bao gồm môi giới chứng khoán, tự doanh chứng khoán, tư vấn tài chính và đầu tư chứng khoán, lưu ký chứng khoán, quản lý danh mục đầu tư chứng khoán, quản lý quỹ và bảo lãnh phát hành chứng khoán.

Cổ phiếu của Công ty chính thức đăng ký giao dịch tại Trung tâm Giao dịch Chứng khoán Hà Nội từ ngày 15 tháng 12 năm 2006 và đã chuyển sang niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh từ ngày 29 tháng 10 năm 2007.

Công ty có trụ sở chính đặt tại 72 Nguyễn Huệ, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh. Công ty cũng đồng thời có các chi nhánh đặt tại Thành phố Hồ Chí Minh, Hà Nội, Vũng Tàu và Hải Phòng.

Theo quyết định số 895/QĐ-UBCK ngày 09 tháng 12 năm 2009, Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước đã chấp thuận cho Công ty thành lập chi nhánh mới tại Nha Trang.

Công ty có một (01) công ty con là Công ty TNHH Quản lý Quỹ SSI được thành lập và hoạt động theo Giấy phép thành lập và hoạt động số 19/UBCK-GP ngày 3 tháng 8 năm 2007 của Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước. Vốn điều lệ của Công ty con là 30.000.000.000 đồng Việt Nam (VNĐ). Tại ngày 31 tháng 12 năm 2009, Công ty sở hữu 100% vốn điều lệ của công ty con này.

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH VÀ CỔ TỨC

Đơn vị tính: đồng Việt Nam

	<i>Năm 2009</i>	<i>Năm 2008</i>
Lợi nhuận thuần sau thuế	804.079.895.938	250.516.970.757
Cổ tức trả trong năm	595.560.000	403.425.784.000
Cổ tức công bố năm nay nhưng chưa trả tại thời điểm cuối năm	153.322.201.000	1.488.118.000
Cổ tức đã công bố năm trước nhưng chưa trả tại thời điểm cuối năm	1.030.438.000	137.880.000
Lợi nhuận để lại vào cuối năm	1.049.533.539.162	423.185.498.706

CÁC SỰ KIỆN TRONG NĂM

Ngày 30 tháng 1 năm 2009, Công ty đã thực hiện chuyển đổi 1.666.680 trái phiếu SSICB0206 thành cổ phiếu phổ thông và tăng vốn điều lệ thêm 166.668.000.000 đồng Việt Nam theo Giấy phép số 227/UBCK-GP ngày 08 tháng 4 năm 2009.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Thành viên Hội đồng quản trị trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Nguyễn Duy Hưng	Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 1 tháng 11 năm 1999 Tái bổ nhiệm ngày 27 tháng 9 năm 2003
Ông Nguyễn Hồng Nam	Ủy viên	Bổ nhiệm ngày 1 tháng 11 năm 1999 Tái bổ nhiệm ngày 24 tháng 4 năm 2009
Ông Akihiko Kanamura	Ủy viên	Bổ nhiệm ngày 21 tháng 4 năm 2008
Ông Ngô Văn Điểm	Ủy viên	Bổ nhiệm ngày 21 tháng 4 năm 2007
Ông Gilles Planté	Ủy viên	Bổ nhiệm ngày 4 tháng 10 năm 2007 Miễn nhiệm ngày 24 tháng 4 năm 2009
Ông Bùi Quang Nghiêm	Ủy viên	Bổ nhiệm ngày 24 tháng 4 năm 2009
Ông Mark David Whelan	Ủy viên	Bổ nhiệm ngày 24 tháng 4 năm 2009
Bà Đàm Bích Thủy	Ủy viên	Bổ nhiệm ngày 24 tháng 4 năm 2009

CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Theo Công văn số 28/2010/CV-SSIHO ngày 11 tháng 01 năm 2010 của Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn gửi cho Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh và Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội, Công ty sẽ tiến hành thực hiện chuyển đổi 2.222.240 trái phiếu SSICB0306 thành cổ phiếu phổ thông theo tỷ lệ 1:10 vào ngày 30 tháng 01 năm 2010 và trả lãi cho số trái phiếu này. Đây là lần chuyển đổi cuối cùng của số trái phiếu chuyển đổi đã phát hành từ năm 2006.

Do trái phiếu chuyển đổi SSICB0306 đã được phát hành trước khi cổ phiếu SSI được niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh nên Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh sẽ không điều chỉnh giá tham chiếu cổ phiếu SSI khi tiến hành chuyển đổi trái phiếu SSICB0306 thành cổ phiếu.

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam bày tỏ nguyện vọng được tiếp tục làm công tác kiểm toán cho Công ty.

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo các báo cáo tài chính hợp nhất cho từng năm tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình hoạt động hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty. Trong quá trình lập các báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc cần phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong các báo cáo tài chính hợp nhất; và
- Lập các báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo việc các số sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính hợp nhất của Công ty, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các số sách kế toán tuân thủ với hệ thống kế toán đã được đăng ký. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc đã cam kết với Hội đồng quản trị rằng Công ty đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập các báo cáo tài chính hợp nhất.

PHÊ DUYỆT CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Chúng tôi phê duyệt các báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009. Các báo cáo này phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Công ty và công ty con vào ngày 31 tháng 12 năm 2009, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với Chuẩn mực Kế toán và Hệ thống Kế toán Việt Nam, các chính sách kế toán được quy định tại Thông tư số 95/2008/TT-BTC ngày 24 tháng 10 năm 2008 của Bộ Tài chính và tuân thủ các quy định có liên quan.

Đại diện Hội đồng quản trị

Nguyễn Duy Hưng
Chủ tịch

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam, Ngày 10 tháng 3 năm 2010

**BÁO CÁO
KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP**

Kính gửi: **Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn**

Chúng tôi đã kiểm toán bảng cân đối kế toán hợp nhất vào ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn ("Công ty") và các công ty con, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và các thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo (sau đây được gọi chung là "các báo cáo tài chính hợp nhất") được trình bày từ trang 60 đến trang 89. Việc lập các báo cáo tài chính hợp nhất này thuộc trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về các báo cáo tài chính hợp nhất này dựa trên kết quả kiểm toán của chúng tôi.

Cơ sở Ý kiến Kiểm toán

Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các quy định của Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam và Quốc tế được áp dụng tại Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải lập kế hoạch và thực hiện việc kiểm toán để đạt được mức tin cậy hợp lý về việc các báo cáo tài chính hợp nhất không có các sai sót trọng yếu. Việc kiểm toán bao gồm việc kiểm tra theo phương pháp chọn mẫu, các bằng chứng về số liệu và các thuyết minh trên các báo cáo tài chính hợp nhất. Việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá các nguyên tắc kế toán đã được áp dụng và các ước tính quan trọng của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể các báo cáo tài chính hợp nhất. Chúng tôi tin tưởng rằng công việc kiểm toán của chúng tôi cung cấp cơ sở hợp lý cho ý kiến kiểm toán.

Ý kiến Kiểm toán

Theo ý kiến của chúng tôi, các báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất vào ngày 31 tháng 12 năm 2009, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán và Hệ thống Kế toán Việt Nam, và các chính sách kế toán áp dụng cho các công ty chứng khoán được quy định tại Thông tư số 95/2008/TT-BTC ngày 24 tháng 10 năm 2008 của Bộ Tài Chính và tuân thủ các quy định có liên quan.



Ernst & Young Vietnam Ltd.

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam

Trần Đình Cường

Trần Đình Cường
Tổng Giám đốc
Kiểm toán viên đã đăng ký
Số đăng ký: 0135/KTV

Võ Xuân Minh

Võ Xuân Minh
Kiểm toán viên phụ trách
Kiểm toán viên đã đăng ký
Số đăng ký: 0923/KTV

Hà Nội, Việt Nam, Ngày 10 tháng 3 năm 2010

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ
TOÁN HỢP NHẤT**

ngày 31 tháng 12 năm 2009

Đơn vị tính: đồng Việt Nam

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Ngày 31 tháng 12 năm 2009	Ngày 31 tháng 12 năm 2008 Số trình bày lại
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		4.688.668.073.128	2.832.440.630.345
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	4	2.650.001.084.717	1.610.984.422.667
111	1. Tiền		1.885.001.084.717	777.532.339.334
112	2. Các khoản tương đương tiền		765.000.000.000	833.452.083.333
120	II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn		1.322.333.322.462	860.476.309.199
121	1. Đầu tư ngắn hạn	6	1.311.570.716.264	548.625.253.876
122	2. Đầu tư ngắn hạn của người ủy thác đầu tư	7	91.506.676.040	337.554.350.207
129	3. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	6	(80.744.069.842)	(25.703.294.884)
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn	8	709.548.355.978	195.818.186.416
131	1. Phải thu của khách hàng		525.202.888.075	27.818.912.562
132	2. Trả trước cho người bán		5.885.406.051	5.147.469.367
135	3. Phải thu hoạt động giao dịch chứng khoán		54.495.327.058	449.774.597
138	4. Các khoản phải thu khác		123.964.734.794	162.402.029.890
139	5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		-	-
150	IV. Tài sản ngắn hạn khác		6.785.309.971	165.161.712.063
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn		4.335.919.919	2.683.705.855
157	2. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ		-	159.893.780.000
158	3. Tài sản ngắn hạn khác		2.449.390.052	2.584.226.208
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		2.388.317.348.381	2.788.437.724.253
220	I. Tài sản cố định		163.678.835.756	162.829.348.745
221	1. Tài sản cố định hữu hình	9	33.898.059.463	38.148.347.944
222	Nguyên giá		69.051.933.321	58.908.243.932
223	Giá trị hao mòn lũy kế		(35.153.873.858)	(20.759.895.988)
227	2. Tài sản cố định vô hình	10	128.836.899.293	124.681.000.801
228	Nguyên giá		138.376.050.786	129.657.400.085
229	Giá trị hao mòn lũy kế		(9.539.151.493)	(4.976.399.284)
230	3. Chi phí đầu tư xây dựng cơ bản dở dang		943.877.000	-
250	II. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn		2.181.537.032.057	2.606.084.826.421
252	1. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	11	454.205.459.050	453.067.080.821
253	2. Đầu tư vào chứng khoán dài hạn	12	1.635.996.635.108	2.312.115.299.038
254	Chứng khoán sẵn sàng để bán		1.635.996.635.108	2.312.115.299.038
255	Chứng khoán nắm giữ đến ngày đáo hạn		-	-
258	3. Đầu tư dài hạn khác	13	126.393.890.000	131.393.890.000
259	4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	12	(35.058.952.101)	(290.491.443.438)
260	III. Tài sản dài hạn khác		43.101.480.568	19.523.549.087
261	1. Chi phí trả trước dài hạn		6.273.425.927	6.885.718.025
262	2. Tài sản thuê TNDN hoãn lại	29	21.592.340.859	-
263	3. Tiền nộp Quý hỗ trợ thanh toán	14	8.389.932.650	6.140.770.930
268	4. Tài sản dài hạn khác		6.845.781.132	6.497.060.132
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		7.076.985.421.509	5.620.878.354.598

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
HỢP NHẤT (tiếp theo)**
ngày 31 tháng 12 năm 2009

Đơn vị tính: đồng Việt Nam

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Ngày 31 tháng 12 năm 2009	Ngày 31 tháng 12 năm 2008 Số trình bày lại
300	A. NỢ PHẢI TRẢ		2.227.837.369.973	1.723.975.051.271
310	I. Nợ ngắn hạn		1.864.616.902.228	937.408.380.912
311	1. Vay và nợ ngắn hạn	15	-	110.000.000.000
312	2. Phải trả người bán		594.694.015	2.014.849.236
313	3. Người mua trả tiền trước		2.229.777.500	1.918.777.500
314	4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	16	54.050.999.468	31.480.687.718
315	5. Phải trả người lao động		-	13.750.000
316	6. Chi phí phải trả	17	33.407.614.418	54.895.295.676
320	7. Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán	18	1.452.544.964.388	718.184.058.791
321	8. Phải trả hộ cổ tức, gốc và lãi trái phiếu	19	157.993.026.898	2.893.987.130
322	9. Phải trả tổ chức phát hành chứng khoán		3.269.421.100	534.991.600
328	10. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	20	160.526.404.441	15.471.983.261
330	II. Nợ dài hạn		363.220.467.745	786.566.670.359
333	1. Phải trả dài hạn khác	21	13.000.000.000	348.551.500
334	2. Vay và nợ dài hạn	22	222.224.000.000	388.892.000.000
335	3. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả		-	-
336	4. Dự phòng trợ cấp mất việc làm		4.189.051.696	4.879.087.823
341	5. Vốn nhận ủy thác đầu tư dài hạn	23	123.807.416.049	392.447.031.036
400	B. NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	24	4.849.148.051.536	3.896.903.303.327
410	I. Vốn chủ sở hữu	24	4.818.501.330.788	3.812.768.310.149
411	1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu		1.533.334.710.000	1.366.666.710.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		2.095.966.265.902	1.996.057.965.000
413	3. Vốn khác của chủ sở hữu		-	-
414	4. Cổ phiếu quỹ		(449.664.524)	(88.206.646.731)
418	5. Quỹ dự phòng tài chính và dự trữ pháp định		140.116.480.248	115.064.783.174
419	6. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu		-	-
420	7. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		1.049.533.539.162	423.185.498.706
430	II. Quỹ khen thưởng phúc lợi	24	30.646.720.748	84.134.993.178
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		7.076.985.421.509	5.620.878.354.598

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Đơn vị tính: đồng Việt Nam

Mã số	CHỈ TIÊU	Ngày 31 tháng 12 năm 2009	Ngày 31 tháng 12 năm 2008
001	1. Tài sản cố định thuê ngoài	-	-
002	2. Vật tư, chứng chỉ có giá nhận giữ hộ	-	-
003	3. Tài sản nhận ký cược	-	-
004	4. Nợ khó đòi đã xử lý	-	-
005	5. Ngoại tệ các loại	-	-
006	6. Chứng khoán lưu ký	7.337.135.000.000	7.094.274.170.000
	Trong đó		
007	6.1. Chứng khoán giao dịch	5.860.423.890.000	6.076.985.050.000
008	6.1.1. Chứng khoán giao dịch của thành viên lưu ký	887.204.350.000	1.323.811.850.000
009	6.1.2. Chứng khoán giao dịch của khách hàng trong nước	4.042.599.460.000	3.881.297.350.000
010	6.1.3. Chứng khoán giao dịch của khách hàng nước ngoài	930.620.080.000	871.875.850.000
011	6.1.4. Chứng khoán giao dịch của tổ chức khác	-	-
012	6.2. Chứng khoán tạm ngừng giao dịch	592.490.970.000	-
013	6.2.1. Chứng khoán tạm ngừng giao dịch của thành viên lưu ký	15.166.000.000	-
014	6.2.2. Chứng khoán tạm ngừng giao dịch của khách hàng trong nước	545.295.080.000	-
015	6.2.3. Chứng khoán tạm ngừng giao dịch của khách hàng nước ngoài	32.029.890.000	-
016	6.2.4. Chứng khoán tạm ngừng giao dịch của tổ chức khác	-	-
017	6.3. Chứng khoán cầm cố	625.912.680.000	979.783.520.000
018	6.3.1. Chứng khoán cầm cố của thành viên lưu ký	-	-
019	6.3.2. Chứng khoán cầm cố của khách hàng trong nước	625.912.680.000	979.783.520.000
020	6.3.3. Chứng khoán cầm cố của khách hàng nước ngoài	-	-
021	6.3.4. Chứng khoán cầm cố của tổ chức khác	-	-
022	6.4. Chứng khoán tạm giữ	-	-
027	6.5. Chứng khoán chờ thanh toán	243.940.700.000	37.505.600.000
028	6.5.1. Chứng khoán chờ thanh toán của thành viên lưu ký	16.542.700.000	1.139.500.000
029	6.5.2. Chứng khoán chờ thanh toán của khách hàng trong nước	220.938.500.000	34.385.700.000
030	6.5.3. Chứng khoán chờ thanh toán của khách hàng nước ngoài	6.459.500.000	1.980.400.000
031	6.5.4. Chứng khoán chờ thanh toán của tổ chức khác	-	-
032	6.6. Chứng khoán phong tỏa chờ rút	-	-
037	6.7. Chứng khoán chờ giao dịch	14.366.760.000	-
038	6.7.1. Chứng khoán chờ giao dịch của thành viên lưu ký	-	-
039	6.7.2. Chứng khoán chờ giao dịch của khách hàng trong nước	11.597.360.000	-
040	6.7.3. Chứng khoán chờ giao dịch của khách hàng nước ngoài	2.769.400.000	-
041	6.7.4. Chứng khoán chờ giao dịch của tổ chức khác	-	-
042	6.8. Chứng khoán ký quỹ đảm bảo khoản vay	-	-
047	6.9. Chứng khoán sửa lỗi giao dịch	-	-

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)

Đơn vị tính: đồng Việt Nam

Mã số	CHỈ TIÊU	Ngày 31 tháng 12 năm 2009	Ngày 31 tháng 12 năm 2008
050	7. Chứng khoán lưu ký công ty đại chúng chưa niêm yết	85.362.510.000	-
	<i>Trong đó:</i>		
051	7.1. Chứng khoán giao dịch	85.124.510.000	-
052	7.1.1. Chứng khoán giao dịch của thành viên lưu ký	-	-
053	7.1.2. Chứng khoán giao dịch của khách hàng trong nước	85.124.510.000	-
054	7.1.3. Chứng khoán giao dịch của khách hàng nước ngoài	-	-
055	7.1.4. Chứng khoán giao dịch của của tổ chức khác	-	-
056	7.2. Chứng khoán tạm ngừng giao dịch	50.000.000	-
057	7.2.1. Chứng khoán tạm ngừng giao dịch của thành viên lưu ký	-	-
058	7.2.2. Chứng khoán tạm ngừng giao dịch của khách hàng trong nước	50.000.000	-
059	7.2.3. Chứng khoán tạm ngừng giao dịch của khách hàng nước ngoài	-	-
060	7.2.4. Chứng khoán tạm ngừng giao dịch của tổ chức khác	-	-
061	7.3. Chứng khoán cầm cố	-	-
066	7.4. Chứng khoán tạm giữ	-	-
071	7.5. Chứng khoán chờ thanh toán	188.000.000	-
072	7.5.1. Chứng khoán chờ thanh toán của thành viên lưu ký	-	-
073	7.5.2. Chứng khoán chờ thanh toán của khách hàng trong nước	188.000.000	-
074	7.5.3. Chứng khoán chờ thanh toán của khách hàng nước ngoài	-	-
075	7.5.4. Chứng khoán chờ thanh toán của tổ chức khác	-	-
076	7.6. Chứng khoán phong tỏa chờ rút	-	-
081	7.7. Chứng khoán sửa lỗi giao dịch	-	-
082	8. Chứng khoán chưa lưu ký của khách hàng	-	-
083	9. Chứng khoán chưa lưu ký của công ty chứng khoán	-	-
084	10. Chứng khoán nhận ủy thác đầu giá	-	-
	Tổng cộng tài khoản ngoài bảng	7.422.497.510.000	7.094.274.170.000

Kê toán trưởng
Hoàng Thị Minh Thủy

Giám đốc Tài chính
Nguyễn Thị Thanh Hà



Tổng Giám đốc
Nguyễn Duy Hưng

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam, Ngày 10 tháng 3 năm 2010

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

Đơn vị tính: đồng Việt Nam

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước Số trình bày lại
01	1. Doanh thu	25	1.121.557.943.660	1.055.234.328.495
	<i>Trong đó:</i>			
01.1	- Doanh thu hoạt động môi giới chứng khoán		196.203.846.337	115.751.810.479
01.2	- Doanh thu hoạt động đầu tư chứng khoán, góp vốn		603.679.970.807	703.302.158.032
01.3	- Doanh thu bảo lãnh phát hành chứng khoán		9.236.390.000	8.646.285.660
01.4	- Doanh thu đại lý phát hành chứng khoán		-	-
	- Doanh thu quản lý danh mục đầu tư cho người ủy thác đầu tư		88.419.267.954	44.561.548.222
01.5	- Doanh thu hoạt động tư vấn		50.301.749.737	9.456.472.056
01.6	- Doanh thu lưu ký chứng khoán		1.756.798.538	5.413.832.090
01.7	- Doanh thu hoạt động ủy thác đầu giá		-	-
01.8	- Doanh thu cho thuê sử dụng tài sản		666.456.491	282.081.100
01.9	- Doanh thu khác		171.293.463.796	167.820.140.856
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	25	31.888.000	600.181.818
10	3. Doanh thu thuần về hoạt động kinh doanh	25	1.121.526.055.660	1.054.634.146.677
11	4. Chi phí hoạt động kinh doanh	26	233.474.467.665	740.176.840.359
	<i>Trong đó:</i>			
	Chi phí trực tiếp hoạt động kinh doanh chứng khoán		433.866.184.044	484.863.217.587
	Chi phí dự phòng chứng khoán		(200.391.716.379)	255.313.622.772
20	5. Lợi nhuận gộp của hoạt động kinh doanh		888.051.587.995	314.457.306.318
25	6. Chi phí quản lý doanh nghiệp	27	6.261.966.451	5.504.986.605
30	7. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		881.789.621.544	308.952.319.713
31	8. Thu nhập khác	28	137.062.842	25.267.192.151
32	9. Chi phí khác	28	103.548.166	22.335.211.375
40	10. Lợi nhuận khác	28	33.514.676	2.931.980.776
41	11. Lãi / (lỗ) từ các công ty liên kết	11	73.888.378.228	(34.065.054.697)
50	12. Tổng lợi nhuận / (lỗ) kế toán trước thuế		955.711.514.448	277.819.245.792
51	13. Chi phí thuế TNDN hiện hành	29	173.223.959.369	27.302.275.035
52	14. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	29	(21.592.340.859)	-
60	15. Lợi nhuận / (lỗ) sau thuế TNDN		804.079.895.938	250.516.970.757
70	16. Lãi / (lỗ) cơ bản trên cổ phiếu	31	5.360	1.868

Kê toán trưởng
Hoàng Thị Minh Thủy

Giám đốc Tài chính
Nguyễn Thị Thanh Hà



Tổng Giám đốc
Nguyễn Duy Hưng

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam, Ngày 10 tháng 3 năm 2010

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN
TIỀN TỆ HỢP NHẤT**

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

Đơn vị tính: đồng Việt Nam

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước Số trình bày lại
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH CHỨNG KHOÁN				
01	1. Lợi nhuận trước thuế		955.711.514.448	277.819.245.791
	2. Điều chỉnh cho các khoản		(488.132.881.362)	123.924.206.871
02	Khấu hao tài sản cố định		19.171.072.970	16.219.270.853
03	Các khoản lập dự phòng		(200.391.716.379)	255.313.622.772
04	Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện		-	-
05	Lãi lỗ hoạt động đầu tư		(344.021.621.733)	(230.090.780.689)
06	Chi phí lãi vay		37.109.383.780	82.482.093.935
08	3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động		467.578.633.086	401.743.452.662
09	Tăng, giảm các khoản phải thu		(352.684.398.697)	264.503.924.225
10	Tăng, giảm tồn kho, chứng khoán ngắn hạn		(948.205.475.039)	(184.902.395.061)
11	Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)		670.390.239.891	(687.617.539.966)
12	Tăng, giảm chi phí trả trước		(684.888.508)	3.178.667.647
13	Tiền lãi vay đã trả		(61.363.069.931)	(135.115.428.043)
14	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(129.768.923.112)	(97.198.348.134)
15	Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		2.478.260.000	16.962.562.000
16	Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh		(56.248.253.430)	(72.633.003.730)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		(408.507.875.740)	(491.078.108.400)
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
21	Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		-	23.931.083.029
22	Tiền thu từ thanh lý TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		(319.053.256.381)	(226.339.770.500)
23	Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		893.810.436.429	266.757.451.932
24	Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác		(567.726.396.888)	(382.394.357.864)
25	Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		1.113.965.753.107	3.072.929.556.936
26	Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		271.056.901.643	281.501.532.043
27	Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia			
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		1.370.454.814.681	2.991.121.887.177

Đơn vị tính: đồng Việt Nam

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước Số trình bày lại
III. LƯU CHUYỂN TIỀN THUẦN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
31	Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu		219.606.045.000	280.000.000
32	Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành		(31.940.761.891)	(88.206.646.731)
33	Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được		110.000.000.000	85.000.000.000
34	Tiền chi trả nợ gốc vay		(110.000.000.000)	(2.625.000.000.000)
35	Trả lại vốn ủy thác cho người đầu tư		(110.000.000.000)	-
36	Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		(595.560.000)	(403.425.784.000)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		77.069.723.109	(3.031.352.430.731)
50	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ		1.039.016.662.050	(531.308.651.954)
60	Tiền và tương đương tiền đầu kỳ		1.610.984.422.667	2.142.293.074.621
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		-	-
70	Tiền và các khoản tương đương tiền cuối kỳ	4	2.650.001.084.717	1.610.984.422.667

Kê toán trưởng
Hoàng Thị Minh Thủy

Giám đốc Tài chính
Nguyễn Thị Thanh Hà



Tổng Giám đốc
Nguyễn Duy Hưng

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam, Ngày 10 tháng 3 năm 2010

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

tại ngày 31 tháng 12 năm 2009 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

1. THÔNG TIN DOANH NGHIỆP

Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh Nghiệp của Việt Nam theo Giấy phép hoạt động số 3041/GP-UB, do Ủy ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 27 tháng 12 năm 1999 và được cấp giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 056679, do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp đăng ký lần đầu vào ngày 30 tháng 12 năm 1999. Công ty được cấp Giấy phép hoạt động kinh doanh chứng khoán số 03/GPHĐKD, do Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 05 tháng 4 năm 2000 và các giấy phép điều chỉnh tiếp theo.

Hoạt động chính của Công ty và công ty con (như được trình bày trong thuyết minh số 1) bao gồm môi giới chứng khoán, tự doanh chứng khoán, tư vấn tài chính và đầu tư chứng khoán, lưu ký chứng khoán quản lý danh mục đầu tư chứng khoán, quản lý quỹ và bảo lãnh phát hành chứng khoán. Cổ phiếu của Công ty chính thức đăng ký giao dịch tại Trung tâm Giao dịch Chứng khoán Hà Nội từ ngày 15 tháng 12 năm 2006 và đã chuyển sang niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh từ ngày 29 tháng 10 năm 2007.

Công ty có trụ sở chính đặt tại 72 Nguyễn Huệ, Quận 1, thành phố Hồ Chí Minh. Công ty cũng đồng thời có các chi nhánh đặt tại thành phố Hồ Chí Minh, Hà Nội, Hải Phòng và Vũng Tàu.

Theo quyết định số 895/QĐ-UBCK ngày 09 tháng 12 năm 2009, Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước đã chấp thuận cho Công ty thành lập chi nhánh mới tại Nha Trang.

Vốn điều lệ

Vốn điều lệ ban đầu của Công ty theo giấy Chứng nhận đăng ký kinh doanh số 056679 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành Phố Hồ Chí Minh cấp vào ngày 30 tháng 12 năm 1999 là 6 tỷ đồng Việt Nam. Vốn điều lệ của Công ty đã được bổ sung trong từng thời kỳ theo các giấy phép điều chỉnh. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2009, tổng vốn điều lệ của Công ty là 1.533.334.710.000 đồng Việt Nam.

Trong năm 2009, Công ty tăng vốn điều lệ như sau:

Vốn tăng lên (đồng Việt Nam)	Được phê duyệt theo	Ngày
1.533.334.710.000	Giấy phép điều chỉnh số 227/UBCK-GP	08 tháng 4 năm 2009

Hội đồng quản trị

Thành viên Hội đồng quản trị trong năm 2009 và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Nguyễn Duy Hưng	Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 1 tháng 11 năm 1999 Tái bổ nhiệm ngày 27 tháng 9 năm 2003
Ông Nguyễn Hồng Nam	Ủy viên	Bổ nhiệm ngày 1 tháng 11 năm 1999 Tái bổ nhiệm ngày 24 tháng 4 năm 2009
Ông Akihiko Kanamura	Ủy viên	Bổ nhiệm ngày 21 tháng 4 năm 2008
Ông Ngô Văn Điểm	Ủy viên	Bổ nhiệm ngày 21 tháng 4 năm 2007
Ông Gilles Planté	Ủy viên	Bổ nhiệm ngày 4 tháng 10 năm 2007 Miễn nhiệm ngày 24 tháng 4 năm 2009
Ông Bùi Quang Nghiêm	Ủy viên	Bổ nhiệm ngày 24 tháng 4 năm 2009
Ông Mark David Whelan	Ủy viên	Bổ nhiệm ngày 24 tháng 4 năm 2009
Bà Đàm Bích Thủy	Ủy viên	Bổ nhiệm ngày 24 tháng 4 năm 2009

Ban Tổng Giám đốc

Các thành viên Ban Tổng Giám đốc trong năm 2009 và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Nguyễn Duy Hưng	Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 5 tháng 3 năm 2007
Ông Nguyễn Hồng Nam	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 5 tháng 4 năm 2000 Tái bổ nhiệm ngày 5 tháng 9 năm 2003

Ban Kiểm soát

Các thành viên Ban Kiểm soát trong năm 2009 và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Nguyễn Văn Khải	Trưởng ban	Bổ nhiệm ngày 1 tháng 11 năm 1999 Tái bổ nhiệm ngày 8 tháng 4 năm 2006
Ông Đặng Phong Lưu	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 26 tháng 3 năm 2005
Bà Hồ Thị Hương Trà	Bà Hồ Thị Hương Trà	Bổ nhiệm ngày 21 tháng 4 năm 2007

Mạng lưới hoạt động

Công ty có trụ sở chính tại 72 Nguyễn Huệ, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2009, Công ty có một (01) trụ sở chính, một (01) chi nhánh, ba (03) phòng giao dịch tại Thành phố Hồ Chí Minh, hai (02) chi nhánh, một (01) phòng giao dịch tại Hà Nội, một (01) chi nhánh tại Hải Phòng và một (01) chi nhánh tại Vũng Tàu.

Công ty con

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2009, Công ty có một (01) công ty con như sau:

Tên công ty	Được thành lập theo	Ngành hoạt động	Vốn điều lệ	% sở hữu
Công ty TNHH Quản lý Quỹ SSI (SSIAM)	Giấy phép thành lập và hoạt động số 19/UBCK-GP ngày 3 tháng 8 năm 2007	Quản lý quỹ và quản lý danh mục đầu tư	30 tỷ đồng	100%

Đầu tư vào Quỹ Tâm nhìn SSI

Năm 2007, Công ty đầu tư vào Quỹ đầu tư Tâm nhìn SSI với tổng số vốn đầu tư là 485.000.000.000 đồng Việt Nam, chiếm 28,53% tổng giá trị vốn góp của quỹ. Quỹ Tâm nhìn SSI là quỹ thành viên đóng góp với tổng giá trị vốn góp ban đầu là 1.700 tỷ đồng Việt Nam, có thời hạn hoạt động 5 năm và có khả năng gia hạn thêm 2 năm nữa, và được chấp thuận thành lập theo Thông báo xác nhận việc lập quỹ thành viên số 126/TB-UBCK do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 14 tháng 11 năm 2007.

Nhân viên

Tổng số nhân viên đang làm việc cho Công ty và công ty con tại ngày 31 tháng 12 năm 2009 là 417 người (năm 2008 là 395 người).

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY

2.1 Chuẩn mực và Hệ thống kê toán áp dụng

Các báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và công ty con được trình bày bằng đồng Việt Nam ("VNĐ") phù hợp với chế độ kế toán áp dụng cho các công ty chứng khoán được quy định tại Thông tư số 95/2008/TT-BTC ngày 24 tháng 10 năm 2008 của Bộ Tài chính (thay thế cho Quyết định số 99/2000/QĐ-BTC ngày 13 tháng 6 năm 2000 của Bộ Tài chính) và các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành theo:

- Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 5).

**THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO
TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)**

tại ngày 31 tháng 12 năm 2009 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

Tại thời điểm lập báo cáo, khoản mục tiền gửi của nhà đầu tư cho mục đích giao dịch chứng khoán được trình bày trên bảng cân đối kế toán hợp nhất của Công ty, cụ thể là được bao gồm trong các tài khoản tiền gửi ngân hàng do Công ty vẫn đứng tên các tài khoản này tại các ngân hàng thương mại.

Bảng cân đối kế toán hợp nhất, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất và các thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất được trình bày kèm theo và việc sử dụng các báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục và nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

Năm 2009 là năm đầu tiên Công ty thực hiện áp dụng Thông tư số 95/2008/TT-BTC ngày 24 tháng 10 năm 2008 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty chứng khoán.

2.2 Hình thức sổ kế toán áp dụng

Hình thức sổ kế toán áp dụng được đăng ký của Công ty là Nhật ký chung.

2.3 Niên độ kế toán

Niên độ kế toán của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

2.4 Đồng tiền kế toán

Công ty thực hiện việc ghi chép sổ sách kế toán bằng VNĐ.

2.5 Trình bày lại số đầu kỳ

Năm 2009, Công ty thực hiện áp dụng Thông tư 95/2008/TT-BTC ngày 24 tháng 10 năm 2008 trong việc lập và trình bày các báo cáo tài chính, theo đó, một số khoản mục trên các báo cáo tài chính hợp nhất đã kiểm toán năm 2008 được trình bày lại cho phù hợp với Thông tư 95/2008/TT-BTC.

2.6 Cơ sở hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn (công ty mẹ) và công ty con tại ngày 31 tháng 12 năm 2009.

Công ty con được hợp nhất toàn bộ kể từ ngày mua, là ngày Công ty mẹ thực sự nắm quyền kiểm soát công ty con, và tiếp tục được hợp nhất cho đến ngày Công ty mẹ thực sự chấm dứt quyền kiểm soát đối với công ty con.

Các báo cáo tài chính của công ty mẹ và công ty con sử dụng để hợp nhất được lập cho cùng một kỳ kế toán, và được áp dụng các chính sách kế toán một cách thống nhất.

Số dư các tài khoản trên Bảng cân đối kế toán giữa các đơn vị trong cùng Công ty, các giao dịch nội bộ, các khoản lãi hoặc lỗ nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này được loại trừ hoàn toàn.

Lợi ích cổ đông thiểu số là phần lợi ích trong lãi, hoặc lỗ, và trong tài sản thuần của công ty con không được nắm giữ bởi Công ty và được trình bày riêng biệt trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và được trình bày riêng biệt với phần vốn chủ sở hữu của các cổ đông của công ty mẹ trong phần vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán hợp nhất.

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

3.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, tiền gửi của nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán, tiền gửi của người uỷ thác đầu tư, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

3.2 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác sau khi căn trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong năm.

3.3 Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào hoạt động như dự kiến.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định được ghi tăng nguyên giá của tài sản và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phát sinh.

Khi tài sản được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và các khoản lãi lỗ phát sinh do thanh lý tài sản được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

3.4 Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi giá trị khấu hao lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sử dụng như dự kiến.

Các chi phí nâng cấp và đổi mới tài sản cố định vô hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và các chi phí khác được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phát sinh.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị khấu hao lũy kế được xóa sổ và các khoản lãi lỗ phát sinh do thanh lý tài sản được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

3.5 Khấu hao và khấu trừ

Khấu hao và khấu trừ tài sản cố định hữu hình và tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp khấu hao đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Máy móc thiết bị	3 năm
Phương tiện vận tải	6 năm
Thiết bị, dụng cụ quản lý	3 - 5 năm
Phần mềm	3 - 5 năm
Quyền sử dụng đất vô thời hạn	không khấu hao

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2009 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3.6 Thuê tài sản

Các khoản tiền thuê theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng trong thời hạn của hợp đồng thuê.

3.7 Đầu tư chứng khoán và dự phòng giảm giá chứng khoán

Thông tư 95/2008/TT-BTC cho phép các công ty chứng khoán thực hiện hạch toán kế toán các khoản đầu tư chứng khoán theo một trong hai nguyên tắc là giá gốc hoặc giá trị hợp lý. Theo đó, Công ty đã lựa chọn phương pháp giá gốc để ghi nhận các khoản đầu tư chứng khoán.

Chứng khoán kinh doanh và chứng khoán đầu tư dài hạn

Các chứng khoán kinh doanh và chứng khoán đầu tư dài hạn được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Các khoản cổ tức và trái tức nhận được trong năm được ghi nhận giảm giá vốn chứng khoán đối với khoản lãi dồn tích trước ngày mua và ghi nhận tăng doanh thu đầu tư đối với phần lãi kể từ ngày mua.

Dự phòng giảm giá chứng khoán

Dự phòng giảm giá chứng khoán được lập cho từng loại chứng khoán được mua bán trên thị trường và có giá trị thị trường thấp hơn giá trị ghi sổ.

Giá trị thị trường của chứng khoán vốn niêm yết được xác định trên cơ sở tham khảo giá khớp lệnh (giá bình quân đối với Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội, giá đóng cửa đối với Sở giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh) tại ngày 31 tháng 12 năm 2009.

Giá trị thị trường của các chứng khoán vốn chưa niêm yết được xác định trên cơ sở giá giao dịch bình quân trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết (UPCom) đối với các Công ty đã đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết, hoặc giá trung bình trên cơ sở giá giao dịch được cung cấp tối thiểu bởi ba công ty chứng khoán tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2009 đối với các công ty chưa đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng.

Các chứng khoán không có giá tham khảo từ các nguồn trên sẽ được đánh giá khả năng và mức độ giảm giá dựa trên việc xem xét tình hình tài chính và giá trị sổ sách của tổ chức phát hành tại ngày 31 tháng 12 năm 2009.

3.8 Hợp đồng ủy thác quản lý đầu tư

Các tài sản đầu tư của các cá nhân, tổ chức ủy thác đầu tư theo các hợp đồng ủy thác quản lý đầu tư được ghi nhận và trình bày là các tài sản đầu tư của người ủy thác đầu tư trên bảng cân đối kế toán hợp nhất. Vốn ủy thác nhận được từ các cá nhân, tổ chức ủy thác đầu tư theo các hợp đồng ủy thác quản lý đầu tư được ghi nhận và trình bày là các khoản phải trả cho người ủy thác đầu tư trên bảng cân đối kế toán hợp nhất.

3.9 Đầu tư vào các quỹ đầu tư trong đó Công ty có ảnh hưởng đáng kể

Các khoản đầu tư vào các quỹ đầu tư trong đó Công ty có ảnh hưởng đáng kể được ghi nhận dựa trên phương pháp kế toán vốn chủ sở hữu.

Theo phương pháp vốn chủ sở hữu, khoản đầu tư được ghi nhận ban đầu trên bảng cân đối kế toán theo giá gốc, sau đó được điều chỉnh theo những thay đổi của phần sở hữu của Công ty trong tài sản thuần của quỹ đầu tư.

Các báo cáo tài chính của quỹ đầu tư được lập cùng kỳ với báo cáo của Công ty và sử dụng các chính sách kế toán nhất quán. Các điều chỉnh hợp nhất thích hợp đã được ghi nhận để bảo đảm các chính sách kế toán được áp dụng nhất quán với Công ty trong trường hợp cần thiết.

3.10 Các hợp đồng mua và bán lại

Những tài sản được bán đồng thời cam kết sẽ mua lại vào một thời điểm nhất định trong tương lai (các hợp đồng mua lại) không được ghi giảm trên báo cáo tài chính. Khoản tiền nhận được theo các hợp đồng mua lại này được ghi nhận là khoản nợ phải trả trên bảng cân đối kế toán và phần chênh lệch giữa giá bán và giá cam kết mua lại trong tương lai được ghi nhận là tài sản, hoặc chi phí, chờ kết chuyển và được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh trong suốt thời gian hiệu lực của hợp đồng mua lại.

Những tài sản được mua đồng thời cam kết sẽ bán lại vào một thời điểm nhất định trong tương lai (các hợp đồng bán lại) không được ghi tăng trên báo cáo tài chính. Khoản tiền thanh toán theo các hợp đồng bán lại này được ghi nhận là tài sản trên bảng cân đối kế toán và phần chênh lệch giữa giá mua và giá cam kết bán lại được ghi nhận là doanh thu, hoặc khoản phải trả, chờ kết chuyển và được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh trong suốt thời gian hiệu lực của hợp đồng bán lại.

3.11 Các khoản phải trả và chi phí trích trước

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

3.12 Trợ cấp thôi việc phải trả

Trợ cấp thôi việc cho nhân viên được trích trước vào cuối mỗi kỳ báo cáo cho toàn bộ người lao động đã làm việc tại công ty được hơn 12 tháng cho đến ngày 31 tháng 12 năm 2008 với mức trích cho mỗi năm làm việc tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2008 bằng một nửa mức lương bình quân của giai đoạn sáu tháng tính đến thời điểm chấm dứt hợp đồng lao động theo Luật Lao động, Luật Bảo hiểm xã hội và các văn bản hướng dẫn có liên quan. Từ ngày 1 tháng 1 năm 2009, mức lương bình quân tháng để tính trợ cấp thôi việc sẽ được điều chỉnh vào cuối mỗi kỳ báo cáo theo mức bình quân của sáu tháng gần nhất tính đến thời điểm lập báo cáo. Tăng hay giảm của khoản trích trước sẽ được ghi nhận vào báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất.

3.13 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty (VND) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch của ngân hàng thương mại vào ngày phát sinh nghiệp vụ. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá bình quân liên ngân hàng tại thời điểm này. Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm và chênh lệch do đánh giá lại số dư tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất của năm tài chính.

3.14 Cổ phiếu ngân quỹ

Các công cụ vốn chủ sở hữu được Công ty mua lại (cổ phiếu ngân quỹ) được ghi nhận theo nguyên giá và trừ vào vốn chủ sở hữu. Công ty không ghi nhận các khoản lãi/(lỗ) khi mua, bán, phát hành hoặc hủy các công cụ vốn chủ sở hữu của mình.

3.15 Phân chia lợi nhuận

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam sẽ phân chia theo Nghị quyết của Đại hội cổ đông.

3.16 Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Khi có thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ được ghi nhận dựa vào mức độ hoàn thành công việc. Trong trường hợp không thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ chỉ được ghi nhận ở mức có thể thu hồi được của các chi phí đã được ghi nhận.

Thu nhập từ kinh doanh chứng khoán

Thu nhập từ kinh doanh chứng khoán được xác định dựa trên mức chênh lệch giá bán và giá vốn bình quân của chứng khoán.

Tiền lãi

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

**THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO
TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)**

tại ngày 31 tháng 12 năm 2009 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

Cổ tức

Doanh thu được ghi nhận khi quyền được nhận khoản thanh toán cổ tức của Công ty được xác lập.

Tiền cho thuê

Thu nhập từ tiền cho thuê tài sản theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê.

3.17 Thuế thu nhập doanh nghiệp

Thuế thu nhập hiện hành

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng số tiền dự kiến phải nộp cho (hoặc được thu hồi từ) cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải trả khi doanh nghiệp có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và doanh nghiệp dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích lập báo cáo tài chính hợp nhất.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ:

- Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch;
- Các chênh lệch tạm thời chịu thuế gắn liền với các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết và các khoản vốn góp liên doanh khi có khả năng kiểm soát thời gian hoãn nhận khoản chênh lệch tạm thời và chắc chắn khoản chênh lệch tạm thời sẽ không được hoãn nhận trong tương lai có thể dự đoán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ:

- Tài sản thuế hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch;
- Tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ phát sinh từ các khoản đầu tư vào các công ty con, công ty liên kết và các khoản vốn góp liên doanh khi chắc chắn là chênh lệch tạm thời sẽ được hoãn nhận trong tương lai có thể dự đoán được và có lợi nhuận chịu thuế để sử dụng được khoản chênh lệch tạm thời đó.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho kỳ tài chính mà tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế đối với cùng một đơn vị chịu thuế và công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

3.18 Các quỹ

Công ty sử dụng lợi nhuận sau thuế hàng năm để trích lập các quỹ theo quy định tại Thông tư 11/2000/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 1 tháng 2 năm 2000 như sau:

	<i>Mức trích lập từ lợi nhuận sau thuế</i>	<i>Mức trích lập tối đa</i>
Quỹ Dự trữ bổ sung vốn điều lệ	5%	10% vốn điều lệ
Quỹ Dự trữ bắt buộc	5%	10% vốn điều lệ

Các quỹ khác được trích lập theo Nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông.

4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

Đơn vị tính: đồng Việt Nam

	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2009</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2008 Số trình bày lại</i>
Tiền mặt	304.139.392	374.521.673
Tiền gửi ngân hàng	1.884.696.945.325	777.157.817.661
<i>Trong đó:</i>		
<i>Tiền gửi ngân hàng</i>	114.905.705.646	47.286.659.108
<i>Tiền gửi của nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán</i>	1.708.767.592.927	724.920.960.417
<i>Tiền của người ủy thác đầu tư</i>	61.023.646.752	4.950.198.136
Các khoản tương đương tiền	765.000.000.000	833.452.083.333
<i>Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn dưới 3 tháng</i>	750.000.000.000	795.452.083.333
<i>Tiền của người ủy thác đầu tư</i>	15.000.000.000	38.000.000.000
	2.650.001.084.717	1.610.984.422.667

Các khoản tiền gửi của người ủy thác đầu tư nằm trong danh mục ủy thác đầu tư hiện được quản lý tại công ty con của Công ty là Công ty TNHH Quản lý Quỹ SSI (SSIAM).

**THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO
TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)**

tại ngày 31 tháng 12 năm 2009 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

5. GIÁ TRỊ KHỐI LƯỢNG GIAO DỊCH THỰC HIỆN TRONG NĂM

Đơn vị tính: đồng Việt Nam

	Khối lượng giao dịch thực hiện trong năm	Giá trị khối lượng giao dịch thực hiện trong năm
1. Cửa Công ty chứng khoán	185.004.729	9.234.289.976.623
Cổ phiếu	120.173.759	5.074.146.097.993
Trái phiếu	37.220.000	3.903.960.409.630
Chứng khoán khác (chứng chỉ quỹ đầu tư)	27.610.970	256.183.469.000
2. Cửa nhà đầu tư	2.301.904.664	93.552.326.074.860
Cổ phiếu	2.085.855.020	84.003.884.220.140
Trái phiếu	77.323.834	8.028.227.238.720
Chứng khoán khác (chứng chỉ quỹ đầu tư)	138.725.810	1.520.214.616.000
	2.486.909.393	102.786.616.051.483

6. ĐẦU TƯ NGẮN HẠN

Đơn vị tính: đồng Việt Nam

	Ngày 31 tháng 12 năm 2009	Ngày 31 tháng 12 năm 2008 Số trình bày lại
Chứng khoán thương mại	1.231.570.716.264	473.781.503.876
Đầu tư ngắn hạn khác	80.000.000.000	74.843.750.000
Tiền gửi có kỳ hạn trên 3 tháng	80.000.000.000	74.843.750.000
	1.311.570.716.264	548.625.253.876

Chứng khoán thương mại

Đơn vị tính: đồng Việt Nam

	Ngày 31 tháng 12 năm 2009	Ngày 31 tháng 12 năm 2008 Số trình bày lại
Cổ phiếu niêm yết	788.340.547.571	23.525.518.223
Cổ phiếu chưa niêm yết	143.230.168.693	133.869.946.200
Trái phiếu, kỳ phiếu các loại	300.000.000.000	316.386.039.453
	1.231.570.716.264	473.781.503.876

Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư ngắn hạn

Đơn vị tính: đồng Việt Nam

	Ngày 31 tháng 12 năm 2009	Ngày 31 tháng 12 năm 2008 Số trình bày lại
Cổ phiếu niêm yết	51.269.055.074	5.840.555.556
Cổ phiếu chưa niêm yết	29.475.014.768	19.862.739.328
	80.744.069.842	25.703.294.884

Dự phòng giảm giá chứng khoán được lập cho từng loại chứng khoán được mua bán trên thị trường và có giá trị thị trường thấp hơn giá trị ghi sổ.

Giá trị thị trường của chứng khoán vốn niêm yết được xác định trên cơ sở tham khảo giá khớp lệnh (giá bình quân đối với Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội, giá đóng cửa đối với Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh) tại ngày 31 tháng 12 năm 2009.

Giá trị thị trường của các chứng khoán vốn chưa niêm yết được xác định trên cơ sở giá giao dịch bình quân trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết (UPCom) đối với các Công ty đã đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết, hoặc giá trung bình trên cơ sở giá giao dịch được cung cấp tối thiểu bởi ba công ty chứng khoán tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2009 đối với các công ty chưa đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng.

Các chứng khoán không có giá tham khảo từ các nguồn trên sẽ được đánh giá khả năng và mức độ giảm giá dựa trên việc xem xét tình hình tài chính và giá trị sổ sách của tổ chức phát hành tại ngày 31 tháng 12 năm 2009.

7. ĐẦU TƯ NGẮN HẠN CỦA NGƯỜI ỦY THÁC ĐẦU TƯ

Đơn vị tính: đồng Việt Nam

	Ngày 31 tháng 12 năm 2009	Ngày 31 tháng 12 năm 2008 Số trình bày lại
Cổ phiếu	41.506.676.040	127.604.381.946
Trái phiếu, kỳ phiếu các loại	50.000.000.000	209.949.968.261
	91.506.676.040	337.554.350.207

Danh mục ủy thác đầu tư đang được quản lý tại công ty con của Công ty là SSIAM.

**THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO
TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)**

tại ngày 31 tháng 12 năm 2009 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

8. CÁC KHOẢN PHẢI THU NGẮN HẠN

Đơn vị tính: đồng Việt Nam

	Ngày 31 tháng 12 năm 2009	Ngày 31 tháng 12 năm 2008 Số trình bày lại
1. Phải thu của khách hàng	525.202.888.075	27.818.912.562
<i>Phải thu các khoản ứng trước tiền bán chứng khoán cho người đầu tư</i>	136.470.715.606	18.538.344.479
<i>Phải thu khách hàng về hợp đồng hợp tác đầu tư chứng khoán</i>	322.681.414.013	-
<i>Phải thu phí tư vấn</i>	1.454.685.890	692.000.000
<i>Phải thu phí quản lý danh mục đầu tư, quản lý quỹ</i>	63.113.447.672	8.279.046.661
<i>Phải thu khác</i>	1.482.624.894	309.521.422
2. Ứng trước cho người bán	5.885.406.051	5.147.469.367
3. Phải thu hoạt động giao dịch chứng khoán	54.495.327.058	449.774.597
<i>Phải thu của Sở GDCK</i>	53.000.000.000	-
<i>Phải thu khách hàng về giao dịch chứng khoán</i>	1.495.327.058	449.774.597
4. Phải thu khác	123.964.734.794	162.402.029.890
<i>Lãi tiền gửi</i>	3.015.653.278	5.676.805.887
<i>Phải thu tổ chức phát hành chứng khoán (trái tức, cổ tức, lãi kỳ phiếu)</i>	42.941.825.174	76.713.446.229
<i>Phải thu theo các hợp đồng mua và cam kết bán lại chứng khoán</i>	64.892.544.000	77.360.154.413
<i>Phải thu khác</i>	13.114.712.342	2.651.623.361
	709.548.355.978	195.818.186.416

9. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

Đơn vị tính: đồng Việt Nam

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị văn phòng	Tổng cộng
Nguyên giá					
Ngày 31 tháng 12 năm 2008	-	45.579.302.432	11.811.176.903	1.517.764.597	58.908.243.932
Tăng trong kỳ	2.609.391.520	6.097.650.968	2.006.550.000	-	10.713.592.488
<i>Mua mới</i>	2.609.391.520	6.097.650.968	2.006.550.000	-	10.713.592.488
Giảm trong kỳ	-	(569.903.099)	-	-	(569.903.099)
<i>Bán thanh lý</i>	-	(569.903.099)	-	-	(569.903.099)
Ngày 31 tháng 12 năm 2009	2.609.391.520	51.107.050.301	13.817.726.903	1.517.764.597	69.051.933.321
Hao mòn lũy kế					
Ngày 31 tháng 12 năm 2008	-	16.203.594.045	4.106.600.783	449.701.160	20.759.895.988
Tăng trong kỳ	405.842.321	11.710.329.439	2.097.437.920	394.711.081	14.608.320.761
<i>Khấu hao</i>	405.842.321	11.710.329.439	2.097.437.920	394.711.081	14.608.320.761
Giảm trong kỳ	-	(214.342.891)	-	-	(214.342.891)
<i>Bán thanh lý</i>	-	(214.342.891)	-	-	(214.342.891)
Ngày 31 tháng 12 năm 2009	405.842.321	27.699.580.593	6.204.038.703	844.412.241	35.153.873.858
Giá trị còn lại					
Ngày 31 tháng 12 năm 2008	-	29.375.708.387	7.704.576.120	1.068.063.437	38.148.347.944
Ngày 31 tháng 12 năm 2009	2.203.549.199	23.407.469.708	7.613.688.200	673.352.356	33.898.059.463

**THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO
TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)**

tại ngày 31 tháng 12 năm 2009 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

10. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

Đơn vị tính: đồng Việt Nam

	Phần mềm	Quyền sử dụng đất	Tài sản vô hình khác	Tổng cộng
Nguyên giá				
Ngày 31 tháng 12 năm 2008	12.299.407.357	114.481.726.400	2.876.266.328	129.657.400.085
Tăng trong kỳ	9.905.490.341	-	(1.186.839.640)	8.718.650.701
<i>Mua mới</i>	<i>8.583.518.813</i>	-	<i>135.131.888</i>	<i>8.718.650.701</i>
<i>Phân loại lại</i>	<i>1.321.971.528</i>	-	<i>(1.321.971.528)</i>	-
Giảm trong kỳ	-	-	-	-
Ngày 31 tháng 12 năm 2009	22.204.897.698	114.481.726.400	1.689.426.688	138.376.050.786
Hao mòn lũy kế				
Ngày 31 tháng 12 năm 2008	4.749.532.860	-	226.866.424	4.976.399.284
Tăng trong kỳ	3.446.859.064	-	1.115.893.145	4.562.752.209
<i>Khấu hao</i>	<i>4.391.447.644</i>	-	<i>171.304.565</i>	<i>4.562.752.209</i>
<i>Phân loại lại</i>	<i>(944.588.580)</i>	-	<i>944.588.580</i>	-
Giảm trong kỳ	-	-	-	-
Ngày 31 tháng 12 năm 2009	8.196.391.924	-	1.342.759.569	9.539.151.493
Giá trị còn lại				
Ngày 31 tháng 12 năm 2008	7.549.874.497	114.481.726.400	2.649.399.904	124.681.000.801
Ngày 31 tháng 12 năm 2009	14.008.505.774	114.481.726.400	346.667.119	128.836.899.293

11. ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY LIÊN KẾT

Chi tiết các khoản đầu tư vào các công ty liên kết của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2009 như sau:

Đơn vị tính: đồng Việt Nam

Tên đơn vị nhận vốn đầu tư	Tổng vốn góp của đơn vị nhận đầu tư	% sở hữu của Công ty	31 tháng 12 năm 2009	31 tháng 12 năm 2008
Quý Tâm nhìn SSI	1.700.000.000.000	28,53%	454.205.459.050	453.067.080.821
TỔNG CỘNG			454.205.459.050	453.067.080.821

Công ty đầu tư vào Quý đầu tư Tâm nhìn SSI với tổng số vốn đầu tư là 485.000.000.000 đồng Việt Nam, chiếm 28,53% tổng giá trị vốn góp của quý. Quý Tâm nhìn SSI là quý thành viên đóng với tổng giá trị vốn góp ban đầu là 1.700 tỷ đồng Việt Nam, có thời hạn hoạt động 5 năm và có khả năng gia hạn thêm 2 năm nữa, và được chấp thuận thành lập theo Thông báo xác nhận việc lập quý thành viên số 126/TB-UBCK do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 14 tháng 11 năm 2007.

Trong năm, Quý Tâm nhìn SSI đã thực hiện chia lợi nhuận cho các nhà đầu tư và tổng số lợi nhuận SSI đã thực nhận trong năm 2009 là 72.750.000.000 đồng.

12. ĐẦU TƯ CHỨNG KHOÁN DÀI HẠN

Đơn vị tính: đồng Việt Nam

	Ngày 31 tháng 12 năm 2009	Ngày 31 tháng 12 năm 2008 Số trình bày lại
Chứng khoán sẵn sàng để bán		
Trái phiếu	703.023.732.968	924.267.925.893
<i>Niêm yết</i>	<i>441.911.610.771</i>	<i>726.454.669.449</i>
<i>Chưa niêm yết</i>	<i>261.112.122.197</i>	<i>197.813.256.444</i>
Cổ phiếu	932.972.902.140	1.387.847.373.145
<i>Niêm yết</i>	<i>767.170.400.621</i>	<i>803.239.060.875</i>
<i>Chưa niêm yết</i>	<i>165.802.501.519</i>	<i>584.608.312.270</i>
Chứng khoán giữ đến ngày đáo hạn	-	-
	1.635.996.635.108	2.312.115.299.038

Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư dài hạn

	Ngày 31 tháng 12 năm 2009	Ngày 31 tháng 12 năm 2008 Số trình bày lại
Cổ phiếu niêm yết	8.959.144.379	179.411.815.106
Cổ phiếu chưa niêm yết	26.099.807.722	111.079.628.332
	35.058.952.101	290.491.443.438

Dự phòng giảm giá chứng khoán được lập cho từng loại chứng khoán được mua bán trên thị trường và có giá trị thị trường thấp hơn giá trị ghi sổ.

Giá trị thị trường của chứng khoán vốn niêm yết được xác định trên cơ sở tham khảo giá khớp lệnh (giá bình quân đối với Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội, giá đóng cửa đối với Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh) tại ngày 31 tháng 12 năm 2009.

Giá trị thị trường của các chứng khoán vốn chưa niêm yết được xác định trên cơ sở giá giao dịch bình quân trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết (UPCom) đối với các Công ty đã đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết, hoặc giá trung bình trên cơ sở giá giao dịch được cung cấp tối thiểu bởi ba công ty chứng khoán tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2009

Các chứng khoán không có giá tham khảo từ các nguồn trên sẽ được đánh giá khả năng và mức độ giảm giá dựa trên việc xem xét tình hình tài chính và giá trị sổ sách của tổ chức phát hành tại ngày 31 tháng 12 năm 2009.

**THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO
TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)**

tại ngày 31 tháng 12 năm 2009 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

13. ĐẦU TƯ DÀI HẠN KHÁC

Các khoản đầu tư dài hạn khác thể hiện các khoản góp vốn của Công ty vào các đơn vị nhận đầu tư với mục tiêu nắm giữ dài hạn. Chi tiết các khoản đầu tư dài hạn khác của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2009 và 31 tháng 12 năm 2008 như sau:

Đơn vị tính: đồng Việt Nam

	Ngày 31 tháng 12 năm 2009	Ngày 31 tháng 12 năm 2008	% sở hữu của Công ty 2009	% sở hữu của Công ty 2008
Ngân hàng TMCP Xăng dầu Petrolimex	101.393.900.000	101.393.900.000	9,98%	9,98%
Công ty Thủy điện Hòa Na	-	9.000.000.000	0%	9,00%
Công ty Xi măng Vissai Miền Trung	10.000.000.000	6.000.000.000	10%	12,00%
Công ty CP Đầu tư Bất động sản SSI	14.999.990.000	14.999.990.000	14,99%	14,99%
	126.393.890.000	131.393.890.000		

Ngân hàng TMCP Xăng dầu Petrolimex, tiền thân là Ngân hàng TMCP Đồng Tháp Mười, một ngân hàng TMCP nông thôn thành lập năm 1993. Năm 2006, khi ngân hàng này thực hiện tăng vốn cho mục đích chuyển đổi sang mô hình ngân hàng TMCP đô thị, SSI đã góp vốn vào ngân hàng với tư cách cổ đông chiến lược và có một đại diện trong Hội đồng Quản trị của ngân hàng. Hoạt động chính của Ngân hàng TMCP Xăng dầu Petrolimex là cung cấp các dịch vụ ngân hàng và các dịch vụ tài chính có liên quan tại Việt Nam.

Khoản góp vốn thành lập Công ty Thủy điện Hòa Na được thực hiện năm 2007. Hoạt động chính của Công ty Thủy điện Hòa Na bao gồm: sản xuất mua bán điện năng; đầu tư xây dựng các công trình thủy điện; xây lắp công trình điện, kinh doanh vật tư thiết bị trong lĩnh vực điện.

Khoản góp vốn vào Công ty Xi măng Vissai Miền Trung, tiền thân là Công ty Xây dựng và Đầu tư Đại Việt, được thực hiện năm 2007. Hoạt động chính của Công ty bao gồm: khai thác sản xuất và mua bán vật liệu xây dựng, vật liệu trang trí nội thất, ngoại thất; thi công lắp đặt, hoàn thiện và trang trí nội ngoại thất cho các công trình xây dựng.

Năm 2007, Công ty cũng thực hiện góp vốn vào Công ty CP Đầu tư Bất động sản SSI với tư cách là cổ đông sáng lập. Hiện tại, chủ tịch Hội đồng Quản trị SSI cũng đồng thời là chủ tịch Hội đồng Quản trị Công ty CP Đầu tư Bất động sản SSI. Hoạt động chính của Công ty bao gồm: kinh doanh nhà; đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng khu công nghiệp, khu dân cư, cao ốc văn phòng; dịch vụ quản lý, cho thuê mặt bằng, văn phòng.

14. TIỀN NỢ QUỸ HỖ TRỢ THANH TOÁN

Đơn vị tính: đồng Việt Nam

	Ngày 31 tháng 12 năm 2009	Ngày 31 tháng 12 năm 2008 Số trình bày lại
Tiền nộp ban đầu	6.087.814.535	6.087.814.535
Tiền nộp bổ sung	2.000.000.000	-
Tiền lãi phân bổ hàng năm	302.118.115	52.956.395
	8.389.932.650	6.140.770.930

15. VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN

Đơn vị tính: đồng Việt Nam

	Ngày 31 tháng 12 năm 2009	Ngày 31 tháng 12 năm 2008 Số trình bày lại
Các khoản vay theo hợp đồng ủy thác quản lý vốn		110.000.000.000
		110.000.000.000

Khoản vay ngắn hạn theo các hợp đồng ủy thác quản lý vốn gồm 2 hợp đồng có thời hạn từ 145 ngày và 557 ngày, lãi suất cố định lần lượt là 14% và 16,8%/năm và được quản lý bởi SSIAM tới thời điểm 31 tháng 12 năm 2009 đã được tắt toán.

16. THUÊ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

Đơn vị tính: đồng Việt Nam

	Ngày 31 tháng 12 năm 2009	Ngày 31 tháng 12 năm 2008 Số trình bày lại
Thuê Giá trị Gia tăng	288.711.888	23.582.189
Thuê Thu nhập Doanh nghiệp (*)	48.781.140.010	5.383.825.130
Thuê Thu nhập Cá nhân	3.291.599.454	24.636.305.487
Thuê khác	1.689.548.116	1.436.974.912
	54.050.999.468	31.480.687.718

(*) Chi phí thuế Thu nhập Doanh nghiệp hiện hành ước tính được trình bày chi tiết tại Thuyết minh số 29.

17. CHI PHÍ PHẢI TRẢ

Đơn vị tính: đồng Việt Nam

	Ngày 31 tháng 12 năm 2009	Ngày 31 tháng 12 năm 2008 Số trình bày lại
Chi phí lãi vay phải trả	-	3.844.166.668
Chi phí lãi trái phiếu chuyển đổi phải trả	28.769.221.158	49.178.740.643
Chi phí phải trả Sở Giao dịch Chứng khoán và Trung tâm lưu ký Chứng khoán	3.075.622.430	1.055.765.470
Chi phí lãi hợp đồng repo, hợp tác kinh doanh phải trả	518.618.187	73.889.000
Các khoản khác	1.044.152.643	742.733.895
	33.407.614.418	54.895.295.676

18. PHẢI TRẢ HOẠT ĐỘNG GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN

Đơn vị tính: đồng Việt Nam

	Ngày 31 tháng 12 năm 2009	Ngày 31 tháng 12 năm 2008 Số trình bày lại
Phải trả người đầu tư về giao dịch chứng khoán		
Tiền gửi thanh toán giao dịch chứng khoán của nhà đầu tư tại trụ sở chính	848.109.982.724	519.526.620.449
Tiền gửi thanh toán giao dịch chứng khoán của nhà đầu tư tại Chi nhánh Hà Nội	413.502.905.278	147.915.961.592
Tiền gửi thanh toán giao dịch chứng khoán của nhà đầu tư của các chi nhánh và phòng giao dịch khác	190.932.076.386	50.741.476.750
	1.452.544.964.388	718.184.058.791

**THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO
TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)**

tại ngày 31 tháng 12 năm 2009 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

19. PHẢI TRẢ CỔ TỨC, GỐC VÀ LÃI TRÁI PHIẾU

Đơn vị tính: đồng Việt Nam

	Ngày 31 tháng 12 năm 2009	Ngày 31 tháng 12 năm 2008 Số trình bày lại
Phải trả hộ cổ tức, gốc và lãi trái phiếu cho cổ đông	3.640.387.898	1.267.989.130
Phải trả cổ tức cho cổ đông SSI	154.352.639.000	1.625.998.000
	157.993.026.898	2.893.987.130

20. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỘP NGẮN HẠN KHÁC

Đơn vị tính: đồng Việt Nam

	Ngày 31 tháng 12 năm 2009	Ngày 31 tháng 12 năm 2008 Số trình bày lại
Phải trả hợp đồng mua và cam kết bán lại chứng khoán	27.742.500.000	10.000.000.000
Doanh thu nhận trước	87.410.000	264.083.331
Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế phải nộp	48.194.852	42.560.834
Phải trả hợp đồng hợp tác kinh doanh	80.000.000.000	-
Phải trả cho khách hàng nước ngoài	44.023.133.000	-
Các khoản khác	8.625.166.589	5.165.339.096
	160.526.404.441	15.471.983.261

21. PHẢI TRẢ DÀI HẠN KHÁC

Đơn vị tính: đồng Việt Nam

	Ngày 31 tháng 12 năm 2009	Ngày 31 tháng 12 năm 2008 Số trình bày lại
Công ty Cổ phần Chứng khoán Dầu khí	13.000.000.000	-
Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn khác	-	348.551.500
	13.000.000.000	348.551.500

Số dư phải trả dài hạn khác tại 31 tháng 12 năm 2009 thể hiện số tiền đặt cọc của Công ty Cổ phần Chứng khoán Dầu khí (PSI) cho giao dịch mua bán cổ phiếu với Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn.

22. VAY VÀ NỢ DÀI HẠN

Nợ dài hạn phản ánh số dư trái phiếu chuyển đổi với chi tiết tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2009 như được trình bày dưới đây:

Đơn vị tính: đồng Việt Nam

Tên Trái phiếu	Ngày bắt đầu	Mệnh giá (VND)	Số lượng	Kỳ hạn (tháng)	Lãi suất (%/năm)	Tổng giá trị (VND)
SSICB0306	30/11/2006	100.000	2.000.000	38	13,80%	200.000.000.000
	29/08/2007	100.000	222.240	38	13,80%	22.224.000.000
						222.224.000.000

Tỷ lệ chuyển đổi:	Trái phiếu chuyển đổi thành cổ phiếu bằng mệnh giá, 1 trái phiếu mệnh giá 100.000 đồng Việt Nam chuyển đổi thành 10 cổ phiếu mệnh giá 10.000 đồng Việt Nam.
Thời gian chuyển đổi:	Chậm nhất vào 30 tháng 1 hàng năm, bắt đầu từ ngày 30 tháng 1 năm 2008, thời hạn chuyển đổi có thể sớm hơn tùy theo quyết định của Hội đồng Quản trị.
Các điều kiện khác:	Các trái phiếu này không được bảo đảm. Công ty có quyền không trả trái tức cho các nhà đầu tư nếu như việc chi trả gây lỗ cho công ty, trong trường hợp này, số trái tức chưa trả sẽ được cộng chung vào tiền gốc trái phiếu kỳ hạn tiếp theo để tính lãi. Trong trường hợp Công ty bị phá sản, các nhà đầu tư nắm giữ trái phiếu sẽ là đối tượng cuối cùng được nhận thanh toán.

23. VỐN NHẬN ỦY THÁC ĐẦU TƯ DÀI HẠN

Đơn vị tính: đồng Việt Nam

	Ngày 31 tháng 12 năm 2009	Ngày 31 tháng 12 năm 2008 Số trình bày lại
Vốn nhận từ các khách hàng ủy thác quản lý danh mục đầu tư (*)	123.807.416.049	392.447.031.036
	123.807.416.049	392.447.031.036

(*): Danh mục đầu tư ủy thác được quản lý tại công ty con của Công ty là Công ty TNHH Quản lý Quỹ SSI.

**THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO
TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)**

tại ngày 31 tháng 12 năm 2009 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

24. NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU

24.1 Tình hình tăng giảm nguồn vốn chủ sở hữu

Đơn vị tính: đồng Việt Nam

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu Ngân quỹ	Quỹ dự trữ pháp định và dự phòng tài chính	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	Lợi nhuận chưa phân phối	Tổng cộng
Cho năm tài chính 31 tháng 12 năm 2009							
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2009	1.366.666.710.000	1.996.057.965.000	(88.206.646.731)	115.064.783.174	84.134.993.178	423.185.498.706	3.896.903.303.327
Hoàn lại thuế năm 2008	-	-	-	-	-	642.042.592	642.042.592
Tăng vốn từ trái phiếu chuyển đổi	166.668.000.000	-	-	-	-	-	166.668.000.000
Mua cổ phiếu quỹ	-	-	(31.940.761.891)	-	-	-	(31.940.761.891)
Bán cổ phiếu quỹ	-	99.908.300.902	119.697.744.098	-	-	-	219.606.045.000
Trích lập quỹ trong năm	-	-	-	25.051.697.074	-	(25.051.697.074)	-
Sử dụng quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	(53.488.272.430)	-	(53.488.272.430)
Trích cổ tức đợt 1 năm 2009 theo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông	-	-	-	-	-	(153.322.201.000)	(153.322.201.000)
Lợi nhuận sau thuế năm 2009	-	-	-	-	-	804.079.895.938	804.079.895.938
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2009	1.533.334.710.000	2.095.966.265.902	(449.664.524)	140.116.480.248	30.646.720.748	1.049.533.539.162	4.849.148.051.536

Đơn vị tính: đồng Việt Nam

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu Ngân quỹ	Quỹ dự trữ pháp định và dự phòng tài chính	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	Lợi nhuận chưa phân phối	Tổng cộng
Cho năm tài chính 31 tháng 12 năm 2008							
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2008	1.199.998.710.000	1.995.777.965.000	-	28.647.186.451	7.847.256.960	824.260.834.258	4.056.531.952.669
Trích bổ sung thuế năm 2007	-	-	-	-	-	(122.927.586)	(122.927.586)
Tăng thặng dư vốn cổ phần từ nguồn cổ phiếu thưởng cho nhân viên thời việc	-	280.000.000	-	-	-	-	280.000.000
Tăng vốn từ trái phiếu chuyển đổi	166.668.000.000	-	-	-	-	-	166.668.000.000
Mua cổ phiếu quỹ	-	-	(88.206.646.731)	-	-	-	(88.206.646.731)
Trích lập quỹ trong năm	-	-	-	86.417.596.723	160.000.000.000	(246.417.596.723)	-
Sử dụng quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	(83.712.263.782)	-	(83.712.263.782)
Chia cổ tức trong năm	-	-	-	-	-	(405.051.782.000)	(405.051.782.000)
Lợi nhuận sau thuế năm 2008	-	-	-	-	-	250.516.970.757	250.516.970.757
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2008	1.366.666.710.000	1.996.057.965.000	(88.206.646.731)	115.064.783.174	84.134.993.178	423.185.498.706	3.896.903.303.327

**THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO
TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)**

tại ngày 31 tháng 12 năm 2009 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

24. NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

24.2 Cổ phiếu

Đơn vị tính: đồng Việt Nam

	Ngày 31 tháng 12 năm 2009	Ngày 31 tháng 12 năm 2008
Số lượng cổ phiếu được phép phát hành	153.333.471	136.666.671
Số lượng cổ phiếu đã phát hành	153.333.471	136.666.671
Số lượng cổ phiếu đã phát hành và được góp vốn đầy đủ	153.333.471	136.666.671
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	153.333.471	136.666.671
<i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
Số lượng cổ phiếu đã phát hành và chưa được góp vốn đầy đủ	-	-
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	-	-
<i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
Số lượng cổ phiếu ngân quỹ	(11.270)	(1.926.491)
Cổ phiếu ngân quỹ do công ty nắm giữ	(11.270)	(1.926.491)
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	(11.270)	(1.926.491)
<i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
Cổ phiếu ngân quỹ do công ty con hoặc công ty liên kết của Công ty nắm giữ	-	-
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	-	-
<i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	153.322.201	134.740.180
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	153.322.201	134.740.180
<i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-

25. DOANH THU

Đơn vị tính: đồng Việt Nam

	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu hoạt động kinh doanh chứng khoán	1.121.557.943.660	1.055.234.328.495
Doanh thu môi giới chứng khoán cho người đầu tư	196.203.846.337	115.751.810.479
Doanh thu hoạt động đầu tư chứng khoán, góp vốn	603.679.970.807	703.302.158.032
<i>Cổ tức</i>	68.927.058.408	105.365.247.375
<i>Trái tức</i>	97.009.269.949	131.609.232.391
<i>Lãi kỳ phiếu</i>	8.012.625.001	12.593.536.111
<i>Lãi bán cổ phiếu, trái phiếu</i>	423.371.678.909	430.368.368.781
<i>Doanh thu hoạt động đầu tư khác</i>	6.359.338.540	23.365.773.374
Doanh thu bảo lãnh phát hành	9.236.390.000	8.646.285.660
Doanh thu hoạt động tư vấn tài chính	50.301.749.737	9.456.472.056
Doanh thu lưu ký chứng khoán cho người đầu tư	1.756.798.538	5.413.832.090
Doanh thu quản lý DM đầu tư cho người UTĐT	88.419.267.954	44.561.548.222
Doanh thu cho thuê sử dụng tài sản	666.456.491	282.081.100
Doanh thu khác	171.293.463.796	167.820.140.856
<i>Thu lãi tiền gửi</i>	156.376.283.043	161.326.824.025
<i>Doanh thu khác</i>	14.917.180.753	6.493.316.831
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	(31.888.000)	(600.181.818)
3. Doanh thu thuần	1.121.526.055.660	1.054.634.146.677

**THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO
TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)**

tại ngày 31 tháng 12 năm 2009 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

26. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Đơn vị tính: đồng Việt Nam

	Năm nay	Năm trước
Chi phí môi giới, lưu ký chứng khoán	32.496.891.591	22.692.614.277
Chi phí hoạt động đầu tư chứng khoán, góp vốn	173.800.890.090	200.352.846.514
Chi phí dự phòng hoạt động kinh doanh chứng khoán	(200.391.716.379)	255.313.622.772
Chi phí vốn kinh doanh chứng khoán	69.862.731.578	105.382.997.545
Các chi phí trực tiếp khác về kinh doanh chứng khoán	157.705.670.785	156.434.759.251
<i>Chi phí nhân viên</i>	<i>60.882.781.828</i>	<i>72.715.625.988</i>
<i>Chi phí vật liệu, văn phòng phẩm</i>	<i>3.058.075.611</i>	<i>4.917.458.810</i>
<i>Chi phí khấu hao và phân bổ</i>	<i>22.693.658.134</i>	<i>22.733.613.067</i>
<i>Chi phí dịch vụ mua ngoài</i>	<i>40.154.789.823</i>	<i>28.420.500.485</i>
<i>Chi phí thuê văn phòng</i>	<i>20.430.701.554</i>	<i>19.841.955.672</i>
<i>Chi phí khác</i>	<i>10.485.663.835</i>	<i>7.805.605.229</i>
	233.474.467.665	740.176.840.359

27. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

Đơn vị tính: đồng Việt Nam

	Năm nay	Năm trước
Chi phí nhân viên	4.573.200.827	4.041.660.577
Chi phí khấu hao và phân bổ	856.923.793	745.448.796
Chi phí dịch vụ mua ngoài	831.841.831	717.877.232
	6.261.966.451	5.504.986.605

28. THU NHẬP VÀ CHI PHÍ KHÁC

Đơn vị tính: đồng Việt Nam

	Năm nay	Năm trước
Thu nhập khác	137.062.842	25.267.192.151
Thu nhập từ chuyển quyền sử dụng đất tại Nha Trang	-	24.770.114.818
Thu nhập khác ngoài hoạt động kinh doanh	137.062.842	497.077.333
Chi phí khác	103.548.166	22.335.211.375
Chi phí từ chuyển quyền sử dụng đất tại Nha Trang	-	22.153.751.856
Chi phí khác ngoài hoạt động kinh doanh	103.548.166	181.459.519
Lợi nhuận khác	33.514.676	2.931.980.776

29. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

Thuế Thu nhập Doanh nghiệp

Công ty được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) trong 2 năm tính từ năm đầu tiên kinh doanh có lãi và được giảm 50% thuế TNDN trong 3 năm tiếp theo. Năm kinh doanh có lãi đầu tiên của công ty là 2001. Công ty được áp dụng mức thuế suất thu nhập doanh nghiệp là 20% trong thời hạn 10 năm kể từ khi khai trương hoạt động kinh doanh năm 1999. Năm 2009 là năm cuối cùng Công ty được hưởng mức thuế suất 20%. Mức thuế suất cho các năm tiếp theo là 25%.

Theo Công văn số 11924/TC-CST ngày 20 tháng 10 năm 2004 và Công văn số 5428/TC-CST ngày 29 tháng 4 năm 2005 của Bộ Tài Chính, các công ty mới niêm yết trên thị trường chứng khoán được giảm trừ 50% thuế TNDN tính từ năm đầu tiên niêm yết. Cổ phiếu của Công ty chính thức đăng ký giao dịch tại Trung tâm Giao dịch Chứng khoán Hà Nội từ ngày 15 tháng 12 năm 2006, theo đó, mức thuế suất thuế TNDN áp dụng cho Công ty trong năm 2009 là 20% (2008: 10%)

Theo hướng dẫn của Thông tư 03/2009-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 13 tháng 1 năm 2009 về việc giảm và gia hạn nộp thuế thu nhập doanh nghiệp, SSIAM được giảm 30% thuế thu nhập doanh nghiệp năm 2009 do SSIAM đáp ứng tiêu chí của công ty vừa và nhỏ với số lao động sử dụng bình quân không quá 300 người.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với các loại nghiệp vụ khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên các báo cáo tài chính có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

29.1 Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành phải trả được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của năm hiện tại. Thu nhập chịu thuế khác với thu nhập được báo cáo trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ cho mục đích tính thuế trong các năm khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế. Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành phải trả của Công ty được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

**THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO
TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)**

tại ngày 31 tháng 12 năm 2009 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

Bảng ước tính mức thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành của Công ty trong năm 2009 và 2008 được trình bày dưới đây:

Đơn vị tính: đồng Việt Nam

	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận thuần trước thuế	955.711.514.448	277.819.245.792
Các điều chỉnh tăng/(giảm) lợi nhuận/(lỗ) theo kế toán	(222.566.138.699)	(108.041.282.155)
Các khoản điều chỉnh tăng	55.574.822.490	34.065.054.697
<i>Lỗ từ công ty liên kết</i>	-	34.065.054.697
<i>Chi phí dự phòng chứng khoán chưa niêm yết của năm nay</i>	55.574.822.490	-
Các khoản điều chỉnh giảm	(278.140.961.189)	(142.106.336.852)
<i>Lợi nhuận từ công ty con</i>	(77.314.356.893)	(34.124.726.515)
<i>Lợi nhuận từ công ty liên kết (*)</i>	(1.138.378.228)	-
<i>Thu nhập từ hoạt động không thuộc diện nộp thuế TNDN - Cổ tức</i>	(68.745.858.408)	(105.365.247.375)
<i>Hoàn nhập dự phòng giảm giá chứng khoán chưa niêm yết (đã tính thuế năm 2008)</i>	(130.942.367.660)	-
<i>Thu nhập từ chuyển quyền sử dụng đất (theo biểu tính thuế độc lập quy định tại 134/2007/TT-BTC)</i>	-	(2.616.362.962)
Lợi nhuận/(lỗ) điều chỉnh trước thuế chưa cần trừ lỗ kỳ trước	733.145.375.749	169.777.963.637
Lỗ kỳ trước chuyển sang	-	-
Thu nhập chịu thuế ước tính kỳ hiện hành	733.145.375.749	169.777.963.637
Thuế TNDN phải trả ước tính kỳ hiện hành của Công ty mẹ	146.629.075.147	16.977.796.364
Thuế TNDN phải trả từ quyền sử dụng đất	-	1.481.273.500
Thuế TNDN phải nộp bổ sung do phần dự phòng chứng khoán chưa niêm yết chưa được khấu trừ thuế trong năm 2008	13.094.236.766	-
Thuế TNDN phải trả của công ty con	13.500.647.456	8.843.205.171
Chi phí thuế TNDN hiện hành	173.223.959.369	27.302.275.035
Điều chỉnh thuế TNDN trích thiêu (thừa) năm trước	(57.721.377)	122.927.586
Thuế TNDN phải trả đầu kỳ	5.383.825.130	75.156.970.643
Thuế TNDN đã trả trong kỳ	(129.768.923.112)	(97.198.348.134)
Thuế TNDN phải trả cuối kỳ	48.781.140.010	5.383.825.130

(*): Ghi nhận theo phương pháp kế toán vốn chủ sở hữu (không bao gồm phần thực nhận).

29.2 Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

Công ty đã ghi nhận khoản tài sản thuế thu nhập hoãn lại với các biến động trong năm 2009 và 2008 như sau:

Đơn vị tính: đồng Việt Nam

	Ngày 31 tháng 12 năm 2009	Ngày 31 tháng 12 năm 2008
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại		
Chi phí dự phòng chứng khoán chưa niêm yết không được khấu trừ thuế năm nay	55.574.822.490	-
Tăng/(giảm) giá trị khoản đầu tư vào công ty liên kết (Quý tầm nhìn SSI) so với vốn góp ban đầu	30.794.540.950	-
Tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại theo thuế suất 25%	21.592.340.859	

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại phát sinh liên quan đến các khoản dự phòng giảm giá chứng khoán chưa niêm yết và dự phòng giảm giá giá trị đầu tư vào công ty liên kết (Quý tầm nhìn SSI) tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2009 chuyển sang khấu trừ thuế trong các năm tiếp theo với mức thuế suất tạm áp dụng là mức thuế suất 25% của năm 2010.

30. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Những giao dịch trọng yếu của Công ty với các bên liên quan trong năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009 bao gồm:

Đơn vị tính: đồng Việt Nam

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Số tiền
Quý Tầm nhìn SSI	Công ty liên kết	Doanh thu hoạt động môi giới	9.930.312.378
Công ty CP Đầu tư Bất động sản SSI	Công ty nhận vốn đầu tư và có cùng Chủ tịch Hội đồng Quản trị	Thực hiện hợp đồng mua và cam kết bán lại chứng khoán	58.153.088.000
		Tắt toán hợp đồng mua và cam kết bán lại chứng khoán	68.115.924.000
Ngân hàng ANZ	Cổ đồng chiến lược	Chuyển đổi trái phiếu thành vốn	25.238.800.000
		Trả lãi trái phiếu chuyển đổi	8.086.436.300
Daiwa Securities Group Inc	Cổ đồng chiến lược	Chuyển đổi trái phiếu thành vốn	11.773.800.000
		Trả lãi trái phiếu chuyển đổi	3.772.166.717

**THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO
TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)**

tại ngày 31 tháng 12 năm 2009 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

30. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Sổ dư Công ty với các bên liên quan tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2009 bao gồm:

Công ty liên quan	Mối quan hệ	Các giao dịch	Khoản phải thu	Khoản phải trả
Công ty CP Đầu tư Bất động sản SSI (SSIREIT)	Công ty nhận vốn đầu tư và có cùng Chủ tịch Hội đồng Quản trị	Góp vốn đầu tư	14.999.990.000	
		Thực hiện hợp đồng mua bán lại chứng khoán	19.892.544.000	
		Lãi hợp đồng cam kết mua bán lại phải thu	1.754.522.379	
		Tiền gửi của công ty tại ngân hàng	42.643.321.033	
Ngân hàng ANZ	Cổ đông chiến lược	Tiền gửi của nhà đầu tư tại NH ANZ	210.591.914	
		Nợ dài hạn trái phiếu chuyển đổi		33.653.200.000
Daiwa Securities Group Inc	Cổ đông chiến lược	Nợ dài hạn trái phiếu chuyển đổi		15.698.200.000

Các giao dịch với các bên liên quan khác

Thu nhập của các thành viên của Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc trong năm 2009 là 8.438.440.649 đồng (bao gồm cả thuế thu nhập cá nhân và các khoản bảo hiểm bắt buộc).

31. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ.

Công ty sử dụng các thông tin sau để tính lãi cơ bản.

Đơn vị tính: đồng Việt Nam

	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông- VND	804.079.895.938	250.516.970.757
Bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	150.001.987	134.133.329
Lãi cơ bản trên mỗi cổ phiếu - VND	5.360	1.868

32. THÔNG TIN BÁO CÁO BỘ PHẬN

32.1 Thông tin báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh

Đơn vị tính: đồng Việt Nam

	Môi giới và dịch vụ khách hàng	Tự doanh	Kinh doanh nguồn vốn	Quản lý danh mục	Ngân hàng đầu tư và các bộ phận khác	Tổng cộng
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2009						
1. Doanh thu thuần hoạt động kinh doanh chứng khoán	197.960.644.875	677.568.349.034	171.293.463.796	88.419.267.953	60.309.771.069	1.195.551.496.727
2. Các chi phí trực tiếp	32.496.891.591	(26.590.826.289)	69.862.731.577	-	-	75.768.796.879
3. Các chi phí phân bổ	122.259.496.219	14.819.332.875	2.646.309.442	9.526.713.991	14.819.332.873	164.071.185.400
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thuế	43.204.257.065	689.339.842.448	98.784.422.777	78.892.553.962	45.490.438.196	955.711.514.448
1. Tài sản bộ phận	2.177.804.993.956	3.516.544.910.891	834.188.745.048	241.173.585.917	1.454.685.890	6.771.166.921.702
2. Tài sản phân bổ	136.799.208.044	16.581.722.187	2.961.021.819	10.659.678.549	16.581.722.187	183.583.352.786
3. Tài sản không phân bổ						122.235.147.021
Tổng tài sản	2.314.604.202.000	3.533.126.633.078	837.149.766.867	251.833.264.466	18.036.408.077	7.076.985.421.509
1. Nợ phải trả bộ phận	1.507.597.681.459	13.000.000.000	359.254.339.345	130.978.368.724	2.229.777.500	2.013.060.167.028
2. Nợ phân bổ	3.116.578.557	377.767.098	67.458.410	242.850.277	377.767.098	4.182.421.440
3. Nợ không phân bổ						210.594.781.505
Tổng công nợ	1.510.714.260.016	13.377.767.098	359.321.797.755	131.221.219.001	2.607.544.598	2.227.837.369.973

32.2 Thông tin báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý

Toàn bộ hoạt động của Công ty diễn ra trên lãnh thổ Việt Nam.

33. CÁC CAM KẾT VÀ CÁC KHOẢN NỢ TIỀM TÀNG

33.1 Cam kết thuê hoạt động

Công ty hiện đang thuê văn phòng theo các hợp đồng thuê hoạt động. Vào ngày 31 tháng 12 năm 2009, các khoản tiền thuê phải trả trong tương lai theo hợp đồng thuê hoạt động được trình bày như sau:

	Ngày 31 tháng 12 năm 2009	Ngày 31 tháng 12 năm 2008
Đến 1 năm	18.087.757.380	16.573.891.500
Trên 1 - 5 năm	67.347.105.210	66.060.144.000
Trên 5 năm	28.855.586.760	32.005.908.000

Các khoản tiền thuê này được xác định trên cơ sở giá thuê trên hợp đồng hiệu lực vào ngày 31 tháng 12 năm 2009. Các khoản tiền thuê phải trả bằng tiền đô la Mỹ được quy đổi sang đồng Việt Nam theo tỷ giá giao dịch tại ngày 31 tháng 12 năm 2009 là 17.941 đồng.

**THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO
TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)**

tại ngày 31 tháng 12 năm 2009 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

33.2 Cam kết hỗ trợ hợp đồng hợp tác đầu tư chứng khoán niêm yết

Năm 2009, Công ty đã ký kết hợp đồng hợp tác đầu tư chứng khoán niêm yết đối với các nhà đầu tư trong nước và nước ngoài, trong đó Công ty sẽ góp vốn đầu tư bằng tiền để mua chứng khoán.

Giá trị các cam kết góp vốn theo hợp đồng hợp tác đầu tư chứng khoán niêm yết tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2009 như sau:

Đơn vị tính: đồng Việt Nam

Chi nhánh	Cam kết góp vốn
Chi nhánh Hà Nội	-
Hải Phòng	66.882.463
Trần Bình Trọng	12.586.186
Trụ sở chính (TP Hồ Chí Minh)	119.582.256
	199.050.905

34. CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Theo Công văn số 28/2010/CV-SSIHO ngày 11 tháng 01 năm 2010 của SSI gửi cho Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh và Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội, Công ty sẽ tiến hành thực hiện chuyển đổi 2.222.240 trái phiếu SSICB0306 thành cổ phiếu phổ thông theo tỷ lệ 1:10 vào ngày 30 tháng 01 năm 2010 và trả lãi cho số trái phiếu này. Đây là lần chuyển đổi cuối cùng của số trái phiếu chuyển đổi đã phát hành từ năm 2006.

Do trái phiếu chuyển đổi SSICB0306 đã được phát hành trước khi cổ phiếu SSI được niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh nên Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh sẽ không điều chỉnh giá tham chiếu cổ phiếu SSI khi tiến hành chuyển đổi trái phiếu SSICB0306 thành cổ phiếu.

35. DỮ LIỆU SO SÁNH

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009 được trình bày theo Thông tư số 95/2008/TT-BTC ngày 24 tháng 10 năm 2008 của Bộ Tài chính thay thế cho Quyết định số 99/2000/QĐ-BTC ngày 13 tháng 6 năm 2000 của Bộ trưởng Bộ Tài chính, do đó một số số liệu so sánh tại ngày 31 tháng 12 năm 2008 và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008 đã được trình bày lại cho phù hợp với hình thức trình bày báo cáo tài chính của kỳ này.



Kê toán trưởng
Hoàng Thị Minh Thủy



Giám đốc Tài chính
Nguyễn Thị Thanh Hà



Tổng Giám đốc
Nguyễn Duy Hưng

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam, Ngày 10 tháng 3 năm 2010

Nhận xét của Kiểm toán nội bộ

+ Nhận xét chung:

Báo cáo tài chính năm 2009 của Công ty đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ trong năm của Công ty, đã tuân thủ đúng các quy định về chính sách kế toán, chuẩn mực kế toán Việt Nam và các quy định có liên quan hiện hành. Các sai sót nhỏ trong công tác kế toán đã được khắc phục, chỉnh sửa kịp thời theo đúng kiến nghị của kiểm toán nội bộ.

+ Các nhận xét đặc biệt: Không có

TM Kiểm toán nội bộ SSI
Giám đốc



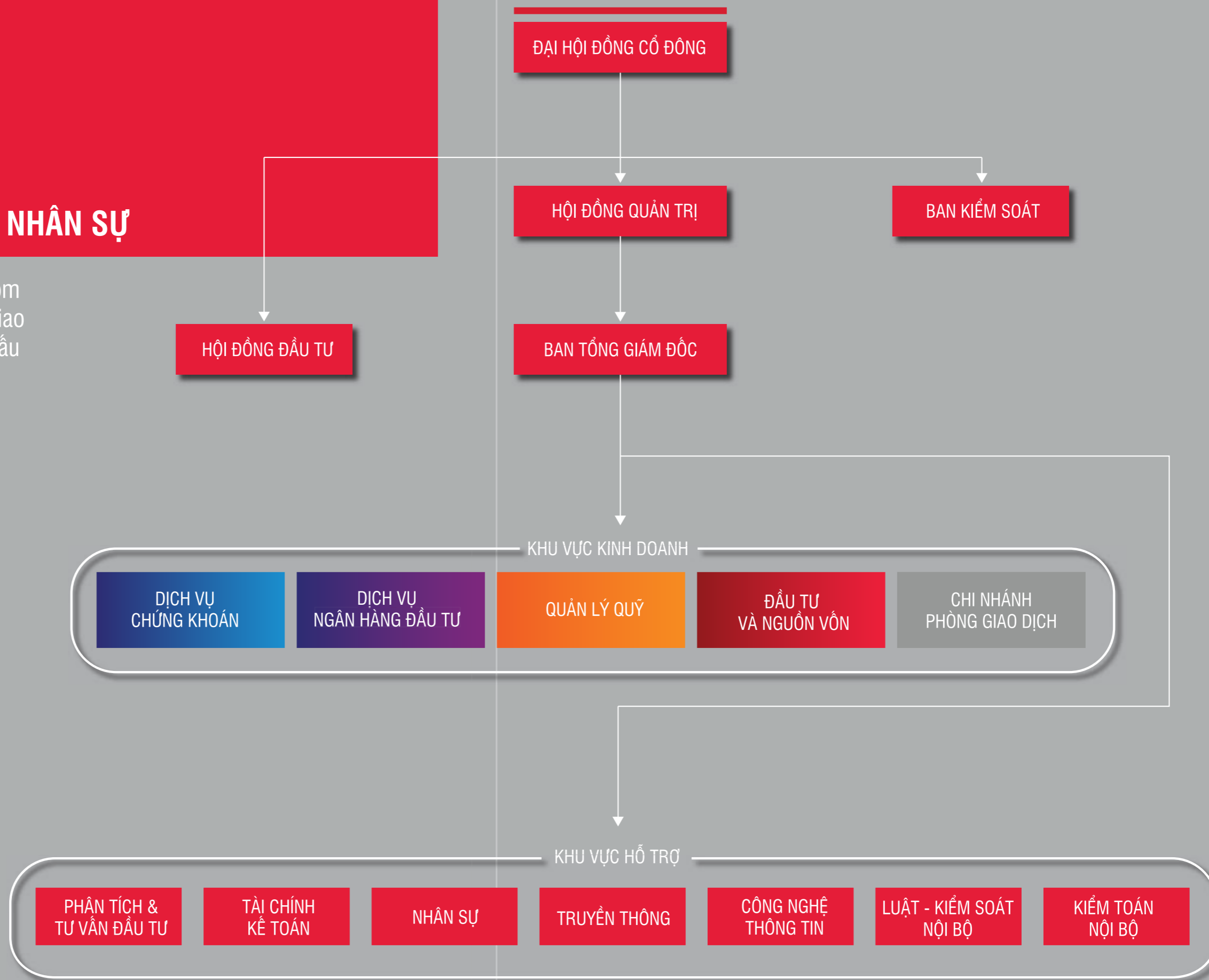
Trần Dương Anh Việt



7

■ CƠ CẤU NHÂN SỰ

Bộ máy tổ chức Công ty bao gồm Hội sở, các chi nhánh, phòng giao dịch, Công ty con và được cơ cấu thành 02 khu vực: Khu vực kinh doanh và Khu vực hỗ trợ.



HỘI ĐỒNG
QUẢN TRỊ



Ông Nguyễn Duy Hưng
Ông Nguyễn Duy Hưng là Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm Tổng giám đốc SSI. Ông cũng là người sáng lập SSI.



Ông Ngô Văn Điểm
Ủy viên HĐQT
Ông Điểm có bề dày kinh nghiệm 31 năm làm việc trong lĩnh vực đầu tư trong nước và nước ngoài, cải cách doanh nghiệp nhà nước, phát triển khu công nghiệp và hội nhập kinh tế ở các chức vụ trung, cao cấp trong các cơ quan của Chính phủ. Ông đã từng đảm nhiệm các vị trí như Chánh Văn phòng Ủy Ban Nhà nước về Hợp tác đầu tư, Vụ trưởng Hội đồng thẩm định nhà nước, Vụ trưởng Ban quản lý các khu công nghiệp Việt Nam và Phó trưởng ban Ban nghiên cứu của Thủ tướng đặt tại Văn phòng Chính phủ. Ông Điểm tốt nghiệp Đại học tổng hợp Leipzig và là tiến sĩ kinh tế Đại học Martin Luther University Halle tại Đức.



Ông Akihiko Kanamura:
Ông Akihiko Kanamura hiện đang là giám đốc của công ty chứng khoán Daiwa SMBC, trưởng khu vực Nam Á và Châu Đại Dương, Giám đốc Công ty chứng khoán Daiwa SMBC Singapore, Chứng khoán Daiwa SMBC Future- một ngân hàng đầu tư hàng đầu của Nhật Bản. Là thành viên kỳ cựu của ngành ngân hàng Nhật Bản, ông Kanamura đã gắn bó với công ty chứng khoán Daiwa từ năm 1983 và đã lần lượt đảm đương nhiều vị trí khác nhau trong công ty. Năm 2006, dưới sự lãnh đạo của ông, công ty chứng khoán Daiwa SMBC giữ vị trí số một trong các công ty kinh doanh trái phiếu nội địa và bảng xếp hạng đầu thầu trái phiếu chính phủ Nhật Bản. Ông Akihiko Kanamura có bằng cử nhân thương mại của đại học Doshisha, Nhật Bản



Bà Đàm Bích Thủy
Ủy viên HĐQT
Bà Thủy hiện là Tổng Giám đốc khu vực Sông Mêkông của ANZ. Bà có nhiều năm kinh nghiệm làm Giám đốc bộ phận tài trợ dự án cho Ngân hàng đầu tư của ANZ (ANZIB) tại Singapore. Bà Thủy có bằng Thạc Sĩ Quản trị Kinh doanh tại The Wharton School of Business



Ông Nguyễn Hồng Nam
Ủy viên HĐQT
Ông Nam là nhà quản lý doanh nghiệp thành công trong nhiều lĩnh vực kinh doanh. Ông Nam có bằng Thạc sĩ Khoa học tại Trường Đại học Bách khoa Lugansk – Ukraina.



Ông Mark David Whelan
Ủy viên HĐQT
Ông Whelan hiện nay là Giám đốc điều hành khu vực Châu Á Thái Bình Dương, Châu Âu và Châu Mỹ của Tập đoàn Tài chính ANZ. Ông có bằng Thạc sĩ chuyên môn về Thuế và Kế toán.



Ông Bùi Quang Nghiêm
Ủy viên HĐQT
Ông Nghiêm hiện nay là Giám đốc Công ty Luật Hợp danh Nghiêm & Chính, Phó Chủ nhiệm Đoàn Luật sư TPHCM. Ông Nghiêm tốt nghiệp trường Đại học Tổng hợp Halle - CHDC Đức.

Ông Nguyễn Duy Hưng	Chủ tịch	Được bầu cử ngày 1 tháng 11 năm 1999 Bầu lại ngày 27 tháng 9 năm 2003
Ông Ngô Văn Điểm	Ủy viên	Được bầu cử ngày 21 tháng 04 năm 2007
Ông Akihiko Kanamura	Ủy viên	Được bầu cử ngày 21 tháng 4 năm 2008
Bà Đàm Bích Thủy	Ủy viên	Được bầu cử ngày 24 tháng 4 năm 2009
Ông Nguyễn Hồng Nam	Ủy viên	Được bầu cử ngày 1 tháng 11 năm 1999 Bầu lại ngày 24 tháng 4 năm 2009
Ông Mark David Whelan	Ủy viên	Được bầu cử ngày 24 tháng 4 năm 2009
Ông Bùi Quang Nghiêm	Ủy viên	Được bầu cử ngày 24 tháng 4 năm 2009

HOẠT ĐỘNG CỦA
HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Hội đồng quản trị của Công ty hoạt động theo 3 nguyên tắc:

- Cùng với Ban điều hành vì quyền lợi tối cao của các cổ đông;
- Chịu trách nhiệm cao nhất trước các cổ đông trong việc lãnh đạo, kiểm tra giám sát và điều hành hành hoạt động của công ty;
- Tôn trọng lợi ích của những người có liên quan đến công ty thông qua việc tuân thủ đầy đủ quy định của pháp luật và các quy tắc đạo đức kinh doanh.

Trong năm 2009 hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty có sự thay đổi đáng kể khi số thành viên Hội đồng quản trị được Đại hội đồng cổ đông phê chuẩn tăng thêm hai thành viên. Tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên tháng 4/2009, Đại hội đã bầu lại ông Nguyễn Hồng Nam, bầu bổ sung các thành viên Hội đồng quản trị độc lập gồm các ông/bà:

- Bà Đàm Bích Thủy
- Ông Mark David Whelan
- Ông Bùi Quang Nghiêm

Với 7 thành viên, trong đó có 5 thành viên không điều hành là có nhiều kinh nghiệm trong lĩnh vực tư vấn pháp luật, quản lý cấp cao của các tổ chức khác, các thành viên thực sự đóng góp rất nhiều cho việc hoạch định chính sách, phương hướng hoạt động của Công ty trong giai đoạn thị trường có nhiều thay đổi và cạnh tranh gay gắt.

Hội đồng quản trị cũng có những thay đổi trong chính hoạt động của mình nhằm tăng cường hợp tác, trao đổi thông tin giữa các thành viên. Báo cáo hoạt động hàng tháng của Hội đồng quản trị được lập và gửi cho các thành viên Hội đồng quản trị trước ngày 10 của mỗi tháng với nội dung về triển khai thực hiện Nghị quyết của Đại hội cổ đông, Nghị quyết của HĐQT, những chỉ đạo chính của Chủ tịch HĐQT đối với Ban điều hành và thực hiện giám sát và kế hoạch hoạt động của tháng tiếp theo. Qua đó cung cấp những thông tin về sự chỉ đạo hoạt động của HĐQT, sự điều hành của Ban điều hành một cách đầy đủ, trung thực và kịp thời cho các thành viên HĐQT để các thành viên HĐQT nắm được hoạt động của công ty, đồng thời tạo điều kiện thuận lợi để thực hiện sự đánh giá khách quan, trung thực về hoạt động của công ty, góp phần nâng cao năng lực cho hoạch định kế hoạch, chiến lược, chính sách phát triển của công ty. Trong năm 2009, HĐQT cũng đã trực tiếp thực hiện quyền giám sát đối với hoạt động của Khối Dịch vụ chứng khoán, Kiểm soát nội bộ và việc ký kết, thực hiện hợp đồng của Công ty với những người liên quan.

Quy chế quản trị nội bộ của Công ty cũng cho phép các Thành viên HĐQT có thể trực tiếp làm việc với bất kỳ nhân viên nào của Công ty để thực hiện nhiệm vụ được phân công và chuẩn bị ý kiến cho cuộc họp. Khi làm việc, thành viên HĐQT có thể chất vấn, trao đổi, yêu cầu cung cấp thông tin, số liệu trên cơ sở tôn trọng quyền điều hành của TGD.

Trong năm 2009, Hội đồng quản trị đã họp định kỳ vào cuối mỗi quý và họp đột xuất để thảo luận tình hình thị trường, định hướng hoạt động cho Ban Tổng Giám đốc, ban hành 05 quyết định liên quan đến các vấn đề thuộc thẩm quyền của mình.

Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2009 đã quyết định thù lao cho HĐQT, BKS và Hội đồng đầu tư không vượt quá 02 tỷ đồng.



BAN KIỂM SOÁT

Hoạt động của Ban Kiểm soát trong năm 2009 tiếp tục góp phần quan trọng vào sự thành công của Công ty. Ban Kiểm soát với ba thành viên đều là thành viên độc lập và có kinh nghiệm quản lý, có trình độ cao về kế toán, tài chính đã phát huy vai trò là cơ quan giám sát Hội đồng quản trị và Ban điều hành để bảo đảm sự tuân thủ pháp luật, tuân thủ Điều lệ, Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông. Quy chế quản trị Công ty cũng đã có những quy định thiết thực nhằm tạo điều kiện cho các thành viên Ban Kiểm soát có đủ điều kiện thực hiện hết chức năng, quyền hạn của mình cả về cơ sở vật chất hoạt động và cách thức thu thập thông tin, báo cáo.

Các cuộc họp Hội đồng quản trị đều có đại diện Ban kiểm soát tham dự hoặc giám sát thông qua tài liệu họp được gửi cùng khi Công ty gửi thư mời họp Hội đồng quản trị.

Với đặc thù là một công ty chứng khoán, Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nội bộ bắt buộc theo quy định của Quy chế tổ chức và hoạt động của công ty chứng khoán ban hành kèm theo Quyết định số 27/2007/QĐ-BTC ngày 24/4/2007 của Bộ trưởng Bộ Tài chính. Hệ thống kiểm soát nội bộ với 12 nhân viên có đủ điều kiện, đủ chứng chỉ hành nghề thực hiện việc kiểm soát việc tuân thủ quy trình, quy chế của công ty và kiểm toán nội bộ. Hệ thống Kiểm soát nội bộ tuy không trực thuộc Ban Kiểm soát nhưng cũng được xem như cánh tay nối dài của Ban Kiểm soát trong việc duy trì sự giám sát hàng ngày. Các báo cáo kết quả kiểm soát của hệ thống Kiểm soát nội bộ cũng là nguồn thông tin quan trọng giúp cho Ban Kiểm soát thực hiện chức năng, nhiệm vụ của mình.

Hàng năm, Công ty đều lập Báo cáo đánh giá hệ thống kiểm soát nội bộ để gửi đến cơ quan Nhà nước có thẩm quyền và Ban Kiểm soát.

CHÍNH SÁCH NHÂN VIÊN



Một trong những tôn chỉ kinh doanh của Công ty là “Tuyển chọn, đãi ngộ những tài năng xuất chúng trong ngành tài chính”, Công ty cũng đã thành công trong việc thu hút những nhân viên quản lý giỏi tạo thành lực lượng nòng cốt để xây dựng đội ngũ, thay đổi phương thức làm việc, nâng cao năng suất, hiệu quả lao động của toàn thể nhân viên. Trong năm 2009, Ban điều hành cũng đã mạnh dạn thay đổi cơ cấu tổ chức để bộ máy của công ty hoạt động hiệu quả, động viên tinh thần, chấn chỉnh thái độ làm việc góp phần đưa Công ty qua những giai đoạn khó khăn của thị trường tài chính

Công ty tiếp tục duy trì chính sách bảo vệ sức khỏe nhân viên bằng việc mua bảo hiểm y tế cao cấp cho toàn bộ nhân viên với chi phí do Công ty đài thọ ngoài chế độ bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế theo quy định của pháp luật.



Tổng số nhân viên đang làm việc tại SSI đến ngày 31/12/2009 là 417 người (bao gồm cả SSIAM), trong đó có 73 nhân viên có trình độ trên đại học, 298 nhân viên tốt nghiệp đại học, cao đẳng. Xác định nhân viên không chỉ là nguồn tài sản quý giá mà còn là mục tiêu phát triển, Công ty đã có những chính sách thích hợp nhằm xây dựng môi trường làm việc năng động, cạnh tranh, trung thực, khuyến khích sự đổi mới, hướng tới hiệu quả và năng suất lao động, để công ty là nơi nuôi dưỡng tài năng, phát triển sự nghiệp trở thành niềm tự hào của họ. Tâm nhìn của Công ty xác định “Chúng ta cùng thành công” không chỉ đối với khách hàng, đối tác và cổ đông mà còn cả với nhân viên của Công ty, thể hiện ở chính sách phát triển nhân viên, chính sách đãi ngộ xứng đáng với năng lực sự đóng góp của họ.

THAY ĐỔI NHÂN SỰ

Thay đổi nhân sự trong Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng:

- Trong năm 2009 có sự thay đổi thành viên HĐQT, theo Nghị quyết ĐHĐCĐ ngày 24/4/2009 đã miễn nhiệm ông Gilles Planté và bầu bổ sung thêm 3 thành viên là ông Mark David Whelan, bà Đàm Bích Thủy và ông Bùi Quang Nghiêm.
- Thay đổi Kế toán trưởng: Ngày 24/3/2009, Hội đồng quản trị đã có Quyết định số 02/2009/QĐ-HĐQT bổ nhiệm bà Hoàng Thị Minh Thủy giữ chức vụ Kế toán trưởng của Công ty. Trước đó bà Hoàng Thị Minh Thủy đã được bổ nhiệm làm Quyền Kế toán trưởng Công ty CP Chứng khoán Sài Gòn kể từ ngày 01/8/2008.

Ban tổng giám đốc



Ông Nguyễn Duy Hưng
Chủ tịch kiêm tổng giám đốc



Ông Nguyễn Hồng Nam
Phó tổng giám đốc

Khu vực kinh doanh

DỊCH VỤ CHỨNG KHOÁN



Ông Bùi Thế Tân
Giám đốc Khối



Bà Hoàng Thị Xuân
Phó giám đốc Khối
phụ trách giao dịch



Ông Mai Hoàng Khánh Minh
Phó giám đốc Khối phụ trách
khách hàng nước ngoài



Bà Trần Thị Thúy
Phó giám đốc Khối,
phụ trách Miền Bắc



Bà Trương Phan Bình Minh
Phó giám đốc Khối phụ trách
giao dịch khu vực Miền Bắc

DỊCH VỤ NGÂN HÀNG ĐẦU TƯ



Bà Nguyễn Thanh Hương
Giám đốc Khối



Bà Nguyễn Vũ Thùy Hương
Phó giám đốc Khối
phụ trách Miền Bắc



Ông Nguyễn Anh Tú
Giám đốc định giá
doanh nghiệp



Bà Nguyễn Ngọc Anh
Giám đốc

QUẢN LÝ QUỸ



Bà Đặng Thị Hồng Phương
Tổng Giám đốc
Công ty Quản lý quỹ SSI



Ông Phạm Trường Sơn
Phó Tổng giám đốc

ĐẦU TƯ



Bà Nguyễn Thu Hồng
Giám đốc Nguồn vốn



Bà Vũ Thị Thanh Hà
Giám đốc Đầu tư

Khu vực hỗ trợ

TÀI CHÍNH - KẾ TOÁN NHÂN SỰ KHỎI TRUYỀN THÔNG CÔNG NGHỆ THÔNG TIN KHỎI PHÂN TÍCH VÀ TƯ VẤN ĐẦU TƯ LUẬT & KIỂM SOÁT NỘI BỘ KIỂM TOÁN NỘI BỘ XÚC TIỀN ĐẦU TƯ NHẬT BẢN



Bà Nguyễn Thị Thanh Hà
Giám đốc Tài chính



Ông Nguyễn Kim Long
Giám đốc



Bà Thân Hiền Anh
Giám đốc Khối



Ông Bùi Việt Dũng
Giám đốc Hệ thống



Bà Lê Lệ Hằng
Giám đốc Khối



Ông Nguyễn Kim Long
Giám đốc



Ông Trần Dương Anh Việt
Giám đốc



Bà Haru Omura
Giám đốc



Bà Hoàng Thị Minh Thủy
Kê toán trưởng



Bà Ngô Thị Thanh Tâm
Phó giám đốc Khối



Ông Nguyễn Thanh Hà
Giám đốc Phân tích kinh tế



Bà Hoàng Việt Phương
Giám đốc Phân tích



Ông Nguyễn Đức Hùng Linh
Giám đốc Tư vấn đầu tư

HÀ NỘI

CHI NHÁNH CTY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SÀI GÒN TẠI HÀ NỘI

Giám đốc: Bà Trần Thị Thúy
Số 1C, Ngô Quyền, Hoàn Kiếm, Hà Nội
Điện thoại: (04) 39366321
Fax: (04) 39366311

CHI NHÁNH TRẦN BÌNH TRỌNG

Giám đốc: Ông Nguyễn Duy Tuấn
Số 25, Trần Bình Trọng, Hoàn Kiếm, Hà Nội
Điện thoại: (04) 39426718
Fax: (04) 39426719

PHÒNG GIAO DỊCH PVFC - SSI

Trưởng PGD: Ông Trần Quang Bình
Tầng trệt, Tòa nhà The Mannor, Mỹ Đình, Mễ Trì, Từ Liêm, Hà Nội
Điện thoại: (04) 37940112
Fax: (04) 37940094

CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ SSI

Tổng giám đốc: Bà Đặng Thị Hồng Phương
Tầng 5, tòa nhà 1C Ngô Quyền, Hoàn Kiếm, Hà Nội
Điện thoại: (04) 39366321
Fax: (04) 39366337

HẢI PHÒNG

CHI NHÁNH HẢI PHÒNG

Giám đốc: Ông Nguyễn Chí Trung
Số 22 Lý Tự Trọng, Quận Hồng Bàng, Thành Phố Hải Phòng
Điện thoại: (031) 3569123
Fax: (031) 3569130

NHA TRANG

CHI NHÁNH NHA TRANG

Giám đốc: Bà Ngô Thu Nga
Tầng 3, Cao ốc Queen, số 50 Lê Thành Phương
Phường Phường Sài, Thành Phố Nha Trang
Điện thoại: (058) 3816969
Fax: (058) 3816968

QUẢNG NINH

CHI NHÁNH QUẢNG NINH

Giám đốc: Bà Trương Phan Bình Minh
Tầng 2, Tòa nhà Đại Hải, số 156B Lê Thánh Tông
Thành Phố Hạ Long
Điện thoại: (033) 3815678
Fax: (033) 3815680

VŨNG TÀU

CHI NHÁNH VŨNG TÀU

Giám đốc: Ông Mai Hoàng Khánh Minh
Số 4, Lê Lợi, Thành phố Vũng Tàu
Điện thoại: (064) 3521906
Fax: (064) 3521907

THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

HỘI SỞ

Phó Tổng giám đốc: Ông Nguyễn Hồng Nam
Số 72, Nguyễn Huệ, Quận 1, Thành Phố Hồ Chí Minh
Điện thoại: (08) 38242897
Fax: (08) 38242997

CHI NHÁNH NGUYỄN CÔNG TRỨ

Giám đốc: Bà Đào Nhật Mai
Số 92-94-96-98, Nguyễn Công Trứ, Quận 1, Thành Phố Hồ Chí Minh
Điện thoại: (08) 38218567
Fax: (08) 38218567

PHÒNG GIAO DỊCH 3/2

Trưởng PGD: Ông Nguyễn Huỳnh Bách Khoa
Số 3, đường 3/2, Quận 10, Thành Phố Hồ Chí Minh
Điện thoại: (08) 38181450
Fax: (08) 38181451

PHÒNG GIAO DỊCH HỒNG BÀNG

Quyền trưởng PGD: Ông Lâm Thiên Phi
Số 769, Đường Hồng Bàng, Quận 6, Thành Phố Hồ Chí Minh
Điện thoại: (08) 39695898
Fax: (08) 39695894

PHÒNG GIAO DỊCH PVFC - SSI

Quyền trưởng PGD: Bà Huỳnh Thị Lan Phương
Số 208, Đường Nguyễn Trãi, Quận 1, Thành Phố Hồ Chí Minh
Điện thoại: (08) 39257778
Fax: (08) 39256861

**THÔNG TIN
DOANH NGHIỆP**

Tên doanh nghiệp: Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn
 Chủ tịch kiêm Tổng giám đốc: Ông Nguyễn Duy Hưng
 Ngày thành lập: 30/12/1999
 Vốn điều lệ (VND) (tại 31/12/2009): 1.533.334.710.000
 Trụ sở chính: 72 Nguyễn Huệ - Q.1 – TP. Hồ Chí Minh
 Tổng số nhân viên (tại 31/12/2009): 417

**THÔNG TIN
CỔ PHIẾU**

Số lượng cổ phiếu phổ thông lưu hành: 153.322.201 (tại thời điểm 31/12/2009)
 Sàn niêm yết: Sở giao dịch chứng khoán TP HCM (HOSE)
 Mã chứng khoán niêm yết: SSI
 Giá giao dịch: 84.500 đồng (giá đóng cửa ngày 31/12/2009)
 Tạm ứng cổ tức năm 2009: 10%
 Ngày chốt quyền: 31/12/2009
 Ngày trả cổ tức: 19/01/2010

**THÔNG TIN CỔ
ĐÔNG VÀ QUẢN
TRỊ CÔNG TY**

1. Hội đồng quản trị/ ban kiểm soát

- Thành viên và cơ cấu của HĐQT, Ban kiểm soát: thông tin chi tiết về thành viên HĐQT, BKS được trình bày chi tiết tại mục Cơ cấu tổ chức.
 - Số lượng thành viên HĐQT, BKS, Ban TGD và nhân viên Công ty đã có chứng chỉ đào tạo về quản trị công ty:

STT	Họ tên	Chức vụ	Số CMND	Số chứng chỉ QTCT	Ngày cấp
1	Ngô Văn Điểm	Thành viên HĐQT	010026227	10 QTCT 53/QĐ-TTNC	07/05/2009
2	Nguyễn Kim Long	Giám đốc Luật & KSNB	023385350	31 QTCT 96/QĐ-TTNC	30/06/2009
3	Hoàng Thị Minh Thủy	Kế toán trưởng	023529105	61 QTCT 96/QĐ-TTNC	30/06/2009
4	Phạm Thị Xuân Mỹ	Chuyên viên Luật	205104388	35 QTCT 96/QĐ-TTNC	30/06/2009
5	Bùi Quang Nghiêm	Thành viên HĐQT	023133210	29 QTCT 158/QĐ-TTNC	08/09/2009
6	Nguyễn Duy Hưng	CTHĐQT/TGD	220895567	36 QTCT 21/QĐ-TTNC	12/11/2009
7	Nguyễn Thị Thanh Hà	GD Tài chính	011751289	38 QTCT 21/QĐ-TTNC	12/11/2009
8	Trần Thị Thúy	GD Chi nhánh tại HN	012181128	37 QTCT 21/QĐ-TTNC	12/11/2009
9	Hồ Thị Hương Trà	Thành viên BKS	011855565	18 QTCT 17/QĐ-TTNC	20/01/2010
10	Nguyễn Hồng Nam	Thành viên HĐQT	024 214 771	22 QTCT 122/QĐ-TTNC	29/01/2010
11	Nguyễn Văn Khải	Trưởng BKS	021 680 111	22 QTCT 123/QĐ-TTNC	29/01/2010

- Tỷ lệ sở hữu cổ phần của thành viên HĐQT, BKS, Ban TGD, Kế toán trưởng tại ngày lập báo cáo (tháng 3/2010)

STT	Họ và tên/tên giao dịch đối với tổ chức	Số giấy CMND/ số giấy ĐKKD	Số lượng cổ phiếu sở hữu tại thời điểm 31/12/2009		Số lượng, tỷ lệ cổ phiếu sở hữu tại ngày 19/3/2010 (sau khi chuyển đổi trái phiếu SSICB0306)	
			Số lượng	Tỷ lệ	Số lượng	Tỷ lệ
I - THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ						
1	Nguyễn Duy Hưng Chủ tịch HĐQT kiêm TGD	220895567	-	0,00%	-	0,00%
2	Nguyễn Hồng Nam Thành viên HĐQT kiêm Phó TGD	024214771	7.843.984	5,12%	7.843.984	4,47%
3	Ngô Văn Điểm Thành viên HĐQT	010026227	10.000	0,01%	10.000	0,01%
4	Đàm Bích Thủy Thành viên HĐQT	010353600	-	0,00%	-	0,00%
5	Mark David Whelan Thành viên HĐQT	M6945454	-	0,00%	-	0,00%
6	Akihiko Kanamura Thành viên HĐQT	TZ0168543	-	0,00%	-	0,00%
7	Bùi Quang Nghiêm Thành viên HĐQT	023133210	46.390	0,03%	68.960	0,04%
Tổng cộng			7.900.374	5,15%	7.922.944	4,51%
II - THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT						
1	Nguyễn Văn Khải Trưởng BKS	021680111	181.236	0,12%	50.006	0,03%
2	Đặng Phong Lưu Thành viên BKS	023455504	104.420	0,07%	104.420	0,06%
3	Hồ Thị Hương Trà Thành viên BKS	011855565	6.084	0,00%	6.084	0,00%
Tổng cộng			291.740	0,19%	160.510	0,09%
III - THÀNH VIÊN BAN TỔNG GIÁM ĐỐC						
1	Nguyễn Duy Hưng Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc	220895567	-	0,00%	-	0,00%
2	Nguyễn Hồng Nam Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc	024214771	7.843.984	5,12%	7.843.984	4,47%
Tổng cộng			7.843.984	5,12%	7.843.984	4,47%
IV - KẾ TOÁN TRƯỞNG						
1	Hoàng Thị Minh Thủy Kế toán trưởng	023529105	60	0,00%	100	0,00%
Tổng cộng			60	0,00%	100	0,00%

- Thông tin về giao dịch cổ phiếu của các thành viên HĐQT, Ban Kiểm soát, Ban Tổng giám đốc, cổ đông lớn và người có liên quan của họ được thể hiện chi tiết trong Phụ lục 01.

**THÔNG TIN CỔ ĐÔNG
VÀ QUẢN TRỊ
CÔNG TY (tiếp theo)**

2. Các dữ liệu thông kê về cổ đông (đến thời điểm lập báo cáo tháng 03/2010)

Công ty CP Chứng khoán Sài Gòn là công ty niêm yết cổ phiếu tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh. Cổ phiếu của Công ty được lưu ký tập trung và quản lý bởi Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam – Chi nhánh TP. HCM.

Cổ phiếu: Đến ngày 31/12/2009, vốn điều lệ của Công ty là 1.533.334.710.000 đồng, được chia thành 153.333.471 cổ phần phổ thông với mệnh giá là 10.000 đồng. Công ty không có các loại cổ phần ưu đãi khác. Ngày 04/3/2010 Công ty đã được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước chấp thuận mức vốn điều lệ mới là 1.755.558.710.000 đồng tương đương với 175.555.871 cổ phần phổ thông.

Trái phiếu: Công ty đã phát hành tổng cộng 5.555.600 trái phiếu chuyển đổi và đã thực hiện chuyển đổi toàn bộ số trái phiếu này thành cổ phiếu phổ thông như sau:

- Lần 1: ngày 30/01/2008 chuyển đổi 1.666.680 trái phiếu SSICB0106 thành 16.666.800 cổ phiếu và tăng vốn điều lệ từ 1.199.998.710.000 đồng lên 1.366.666.710.000 đồng.
- Lần 2: ngày 30/01/2009 chuyển đổi 1.666.680 trái phiếu SSICB0206 thành 16.666.800 cổ phiếu và tăng vốn điều lệ từ 1.366.666.710.000 đồng lên 1.533.334.710.000 đồng.
- Lần 3: ngày 30/01/2010 chuyển đổi 2.222.240 trái phiếu SSICB0306 thành 22.222.400 cổ phiếu và tăng vốn điều lệ từ 1.533.334.710.000 đồng lên 1.755.558.710.000 đồng. Theo Nghị quyết số 02/2009/NQ-ĐHĐCĐ ngày 21/12/2009, Công ty dự kiến sẽ phát hành tối đa 2.000 tỷ đồng (tính theo mệnh giá) trái phiếu chuyển đổi với kỳ hạn từ 12-24 tháng theo phương thức phát hành riêng lẻ nhằm bổ sung nguồn vốn kinh doanh. Việc phát hành sẽ được thực hiện theo Phương án phát hành trái phiếu chuyển đổi của Hội đồng quản trị theo ủy quyền của Đại hội đồng cổ đông.

Cổ tức: Ngày 05/01/2010, Công ty đã chốt danh sách cổ đông tạm ứng cổ tức cho năm 2009 với mức tạm ứng cổ tức bằng 10%/mệnh giá bằng tiền mặt, tổng giá trị 153.322.201.000 đồng. Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2010 sẽ quyết định mức cổ tức cho cả năm căn cứ kết quả kinh doanh và báo cáo tài chính năm 2009 đã được kiểm toán.

Cơ cấu cổ đông: Căn cứ danh sách cổ đông gần nhất chốt ngày 05/01/2010 để tạm ứng cổ tức và cơ cấu cổ đông sau khi chuyển đổi trái phiếu SSICB0306 thì cơ cấu vốn cổ đông và cơ cấu sở hữu của Công ty tại thời điểm lập báo cáo này phân loại theo cổ đông góp vốn trong nước hoặc nước ngoài và tỷ lệ sở hữu như sau:

Cơ cấu vốn cổ đông và tỷ lệ sở hữu tại ngày 05/01/2010 (ngày chốt danh sách để tạm ứng cổ tức năm 2009): Phụ lục 02

Cơ cấu vốn cổ đông và tỷ lệ sở hữu cổ phiếu chuyển đổi từ trái phiếu ngày 30/01/2010: Phụ lục 03

Phụ lục 01: THÔNG KÊ GIAO DỊCH CỦA CỔ ĐÔNG NỘI BỘ NĂM 2009

STT	Người thực hiện giao dịch	Chức vụ	Người liên quan (NLQ)	SLSH trước khi GD	Thực hiện			SLSH sau GD	Tỷ lệ sở hữu sau GD	
					Mua	Bán	Khác			Ngày thực hiện/ kết thúc giao dịch
1	Công ty CP Xuyên Thái Bình	NLQ	Nguyễn Văn Khải Trưởng BKS	338.060		200.000		12/5-20/5/2009	138.060	0,090%
2	Lâm Thị Mỹ Phượng	NLQ	Nguyễn Văn Khải Trưởng BKS	50.406		50.400		20/5-21/7/2009	6	0,000%
3	Ngô Văn Điềm	TV HĐQT		15.000		5.000		25/05/2009	10.000	0,007%
4	Đặng Ngọc Phương	NLQ	Đặng Phong Lưu TV BKS	20.475		20.470		14/09/2009	5	0,000%
5	Hồ Thị Hương Trà	TV BKS		22.084		16.000		10/07/2009	6.084	0,004%
6	Bùi Quang Nghiêm	TV HĐQT		66.390		20.000		18/9-30/9/2009	46.390	0,030%
7	Đặng Phong Lưu	TV BKS		104.420				Đăng ký bán nhưng không thực hiện	104.420	0,068%
8	Công ty CP Xuyên Thái Bình	NLQ	Nguyễn Văn Khải Trưởng BKS	138.060		138.060		10/12-29/12/2009	-	0,000%
9	Nguyễn Duy Hưng	CTHĐQT/ TGD		14.252.518			14.252.518*	31/12/2009	-	0,000%
10	Công ty TNHH Nguyễn Duy Hưng	NLQ	Nguyễn Duy Hưng CTHĐQT-TGD	-			14.252.518**	31/12/2009	14.252.518	9,295%

Ghi chú: (*) Góp vốn bằng cổ phiếu vào Công ty TNHH Nguyễn Duy Hưng
(**) Nhận góp vốn bằng cổ phiếu của ông Nguyễn Duy Hưng

Phụ lục 02: CƠ CẤU VỐN CỔ ĐÔNG VÀ TỶ LỆ SỞ HỮU NGÀY 05/01/2010 (ngày chốt danh sách cổ đông để tạm ứng cổ tức năm 2009)

1. Cơ cấu cổ đông:

Đơn vị tính: đồng Việt Nam

DANH MỤC	CỔ ĐÔNG TRONG NƯỚC			CỔ ĐÔNG NƯỚC NGOÀI			TỔNG		
	SỐ LƯỢNG CP	GIÁ TRỊ	TỶ LỆ (%)	SỐ LƯỢNG CP	GIÁ TRỊ	TỶ LỆ (%)	SỐ LƯỢNG CP	GIÁ TRỊ	TỶ LỆ (%)
TỔNG SỐ VỐN CHỦ SỞ HỮU	84.344.405	843.444.050.000	55,01%	68.989.066	689.890.660.000	44,99%	153.333.471	1.533.334.710.000	100,00%
1. CỔ ĐÔNG NHÀ NƯỚC:	-	-	-	-	-	-	-	-	-
2. CỔ ĐÔNG ĐẶC BIỆT:	8.192.174	81.921.740.000	5,34%	43.767.780	437.677.800.000	28,54%	51.959.954	519.599.540.000	33,89%
CỔ ĐÔNG HĐQT	7.900.374	79.003.740.000	5,15%	43.767.780	437.677.800.000	28,54%	51.668.154	516.681.540.000	33,70%
BAN GIÁM ĐỐC	-	-	0,00%	-	-	-	-	-	0,00%
BAN KIỂM SOÁT	291.740	2.917.400.000	0,19%	-	-	-	291.740	2.917.400.000	0,19%
KẾ TOÁN TRƯỞNG	60	600.000	0,00%	-	-	-	60	600.000	0,00%
CỔ ĐÔNG KHÁC (SÁNG LẬP...)	-	-	-	-	-	-	-	-	-
4. CỔ ĐÔNG KHÁC	76.140.961	761.409.610.000	49,66%	25.221.286	252.212.860.000	16,45%	101.362.247	1.013.622.470.000	66,11%
5. CỔ PHIẾU QUỸ:	11.270	112.700.000	0,01%	-	-	0,00%	11.270	112.700.000	0,01%

2. Cơ cấu tỷ lệ sở hữu:

Đơn vị tính: đồng Việt Nam

DANH MỤC	CỔ ĐÔNG TRONG NƯỚC			CỔ ĐÔNG NƯỚC NGOÀI			TỔNG		
	SỐ LƯỢNG CP	GIÁ TRỊ	TỶ LỆ (%)	SỐ LƯỢNG CP	GIÁ TRỊ	TỶ LỆ (%)	SỐ LƯỢNG CP	GIÁ TRỊ	TỶ LỆ (%)
TỔNG SỐ VỐN ĐẦU TƯ CHỦ SỞ HỮU	84.344.405	843.444.050.000	55,01%	68.989.066	689.890.660.000	44,99%	153.333.471	1.533.334.710.000	100,00%
CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP	-	-	-	-	-	-	-	-	-
CỔ ĐÔNG SỞ HỮU TRÊN 5%	22.096.502	220.965.020.000	14,41%	43.767.780	437.677.800.000	28,54%	65.864.282	658.642.820.000	42,95%
CỔ ĐÔNG SỞ HỮU TỪ 1 ĐẾN 5%	2.716.840	27.168.400.000	1,77%	1.933.490	19.334.900.000	1,26%	4.650.330	46.503.300.000	3,03%
CỔ ĐÔNG SỞ HỮU DƯỚI 1%	59.519.793	595.197.930.000	38,82%	23.287.796	232.877.960.000	15,19%	82.807.589	828.075.890.000	54,01%
CỔ PHIẾU QUỸ	11.270	112.700.000	0,01%	-	-	-	11.270	112.700.000	0,01%

Phụ lục 03: CƠ CẤU VỐN CỔ ĐÔNG VÀ TỶ LỆ SỞ HỮU CỔ PHIẾU CHUYỂN ĐỔI TỪ TRÁI PHIẾU NGÀY 30/01/2010

1. Cơ cấu vốn cổ đông:

Đơn vị tính: đồng Việt Nam

DANH MỤC	CỔ ĐÔNG TRONG NƯỚC			CỔ ĐÔNG NƯỚC NGOÀI			TỔNG		
	SỐ LƯỢNG CỔ PHIẾU	GIÁ TRỊ	TỶ LỆ (%)	SỐ LƯỢNG CP	GIÁ TRỊ	TỶ LỆ (%)	SỐ LƯỢNG CP	GIÁ TRỊ	TỶ LỆ (%)
Tổng số vốn thực góp	14.423.870	144.238.700.000	64,91%	7.775.920	77.759.200.000	34,99%	22.222.400	222.224.000.000	100,00%
1. Cổ đông Nhà nước:	-	-	-	-	-	-	-	-	-
2. Cổ đông nội bộ:	-	-	-	4.935.140	49.351.400.000	22,21%	4.957.750	49.577.500.000	22,31%
Hội đồng Quản trị	22.570	225.700.000	-	4.935.140	49.351.400.000	22,21%	4.957.710	49.577.100.000	22,31%
Ban Tổng giám đốc	-	-	-	-	-	-	-	-	-
Ban kiểm soát	-	-	-	-	-	-	-	-	-
Kế toán trưởng	40	400.000	-	-	-	-	40	400.000	-
3. Cổ đông trong công ty:	420.510	4.205.100.000	1,89%	-	-	-	420.510	4.205.100.000	1,89%
Cổ phiếu Quỹ	-	-	-	-	-	-	-	-	-
Cán bộ công nhân viên	420.510	4.205.100.000	1,89%	-	-	-	420.510	4.205.100.000	1,89%
4. Cổ đông ngoài công ty	14.003.360	140.033.600.000	63,01%	2.840.780	28.407.800.000	12,78%	16.844.140	168.441.400.000	75,80%
Cá nhân	11.317.060	113.170.600.000	50,93%	87.800	878.000.000	0,40%	11.404.860	114.048.600.000	51,32%
Tổ chức	2.686.300	26.863.000.000	12,09%	2.752.980	27.529.800.000	12,39%	5.439.280	54.392.800.000	24,48%

2. Cơ cấu tỷ lệ sở hữu

Đơn vị tính: đồng Việt Nam

DANH MỤC	CỔ ĐÔNG TRONG NƯỚC			CỔ ĐÔNG NƯỚC NGOÀI			TỔNG		
	SỐ LƯỢNG CỔ PHIẾU	GIÁ TRỊ	TỶ LỆ (%)	SỐ LƯỢNG CP	GIÁ TRỊ	TỶ LỆ (%)	SỐ LƯỢNG CP	GIÁ TRỊ	TỶ LỆ (%)
Tổng số vốn thực góp	14.446.480	144.464.800.000	65,01%	7.775.920	77.759.200.000	34,99%	22.222.400	222.224.000.000	100,00%
Cổ đông sáng lập	-	-	-	-	-	-	-	-	-
Cổ đông sở hữu trên 5% cổ phiếu có quyền biểu quyết	1.774.380	17.743.800.000	7,98%	4.935.140	49.351.400.000	22,21%	6.709.520	67.095.200.000	30,19%
Cổ đông sở hữu từ 1 đến 5% cổ phiếu có quyền biểu quyết	3.796.240	37.962.400.000	17,08%	2.262.980	22.629.800.000	10,18%	6.059.220	60.592.200.000	27,27%
Cổ đông sở hữu dưới 1% cổ phiếu có quyền biểu quyết	8.875.860	88.758.600.000	39,94%	577.800	5.778.000.000	2,60%	9.453.660	94.536.600.000	42,54%

Phụ lục 04: THÔNG KÊ TỶ LỆ SỞ HỮU CỦA CỔ ĐÔNG LỚN

STT	Họ và tên/tên giao dịch đối với tổ chức	Số giấy CMND/ số GCNĐKKD	Địa chỉ thường trú/ Địa chỉ trụ sở chính	Số lượng, tỷ lệ cổ phiếu sở hữu tại thời điểm 31/12/2009		Số lượng, tỷ lệ cổ phiếu sở hữu tại thời điểm 19/3/2010 (sau khi chuyển đổi trái phiếu SSICB0306)	
				Số lượng	Tỷ lệ	Số lượng	Tỷ lệ
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
1	Công ty TNHH Nguyễn Duy Hưng	0104008260	Số 54, ngõ 61/17 đường Phùng Chí Kiên, phường Nghĩa Đô, Quận Cầu Giấy, TP. Hà Nội	14.252.518	9,30%	14.252.518	8,12%
2	Australia And New Zealand Banking Group Limited	ACN005357522	Level 6, 100 Queen Street, Melbourne, Victoria, Australia	27.601.890	18,00%	30.967.210	17,64%
3	Daiwa Securities Group Inc.	0199-01-008855	6-4, Otemachi 2-chome, Chiyoda-ku, Tokyo 100-8101, Japan	16.165.890	10,54%	17.735.710	10,10%
4	Nguyễn Hồng Nam	024214771	106/9B Điện Biên Phủ, Phường 17.Q.Bình Thạnh, TP.HCM	7.843.984	5,12%	7.843.984	4,47%
Tổng cộng				65.864.282	42,95%	70.799.422	40,33%

Ghi chú:
(6): tính trên vốn điều lệ 1.533.334.710.000 đồng
(8): tính trên vốn điều lệ 1.755.558.710.000 đồng

THÔNG TIN LIÊN HỆ

**Khởi Truyền thông
Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn**

Số 1C Ngô Quyền, Hà nội, Việt nam
Tel. +84 (4) 39366321 Fax: +84 (4) 39366311
www.ssi.com.vn/InvestorRelations/
Email: pr@ssi.com.vn

**Cổng thông tin SSI
www.ssi.com.vn**

Quan hệ nhà đầu tư
www.ssi.com.vn/InvestorRelations.aspx

Công bố thông tin
Nhấn vào đây để xem các Công bố thông tin mới nhất.

Thông tin tài chính
Nhấn vào đây để xem các Báo cáo Tài chính quý, 6 tháng và Báo cáo tài chính năm.

Thông tin cổ đông
Nhấn vào đây để xem thông tin mới nhất liên quan đến cổ phiếu SSI

Thông tin thị trường
Nhấn vào đây để xem các tin tức mới nhất về thị trường chứng khoán.

- Tổng quan thị trường
- Tra cứu thông tin theo mã cổ phiếu
- Quản lý danh mục
- So sánh và lọc cổ phiếu

**BÁO CÁO
THƯỜNG NIÊN
2009**

CÔNG TY CỔ PHẦN
CHỨNG KHOÁN SÀI GÒN (SSI)